

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Đỗ Thị Vân**

Giảng viên hướng dẫn: **PGS.TS Trương Thị Thuỷ**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ VÀ
TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP
VIỆT HÙNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đỗ Thị Vân
Giảng viên hướng dẫn: PGS.TS Trương Thị Thuỷ**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đỗ Thị Vân

Mã SV: 110670

Lớp: QT1104K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán chi phí và tính giá thành tại Công ty
TNHH xây lắp Việt Hưng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành trong doanh nghiệp .
 - Phản ánh thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại Công ty.
 - Đưa ra nhận xét chung về kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại đơn vị từ đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.

.....
.....
.....
.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Sử dụng số liệu năm 2010

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng
- Số 16 đường Hùng Vương - Sở Dầu - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng.

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trương Thị Thuỷ.

Học hàm, học vị: PGS.Tiến Sĩ

Cơ quan công tác: Học viện tài chính

Nội dung hướng dẫn: Khoá luận tốt nghiệp

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 1

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP 13

1.1.ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XÂY LẮP VÀ NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP 13

1.1.1.Đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp 13

1.1.2.Nhiệm vụ của kế toán chi phí và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp 14

1.2.BẢN CHẤT VÀ NỘI DUNG KINH TẾ CỦA CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP 15

1.2.1.Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất 15

1.2.1.1.Khái niệm 15

1.2.1.2.Phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp 16

1.2.2.Bản chất và nội dung kinh tế của giá thành sản phẩm xây lắp 18

1.2.2.1.Khái niệm về giá thành sản phẩm xây lắp 18

1.2.3.Mối quan hệ giữa chi phí và giá thành sản phẩm 21

1.3.NỘI DUNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP 23

1.3.1.Kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp23

1.3.1.1.Đối tượng và phương pháp hạch toán chi phí sản xuất 23

1.3.1.2.Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp 24

1.3.1.3.Kế toán chi phí nhân công trực tiếp 26

1.3.1.4.Kế toán chi phí sử dụng máy thi công29

1.3.1.5.Kế toán chi phí sản xuất chung 35

1.3.2.Tổng hợp chi phí sản xuất và đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp 37

1.3.2.1.Tổng hợp chi phí sản xuất 37

1.3.2.2.Đánh giá sản phẩm xây lắp dở dang 39

1.3.3.Tính giá thành sản phẩm xây lắp 40

1.3.3.1.Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp 40

1.3.3.2.Kỳ tính giá thành trong sản xuất xây lắp 40

1.3.3.3.Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp 41

1.4.HỆ THỐNG SỐ KẾ TOÁN SỬ DỤNG ĐỂ TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM Ở DOANH NGHIỆP XÂY LẮP. 44

1.4.1.Điều kiện áp dụng 45

1.4.2.Số kế toán sử dụng 45

1.4.3.Trình tự hạch toán 45

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP VIỆT HÙNG 47

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH XÂY LẮP VIỆT HÙNG 47

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển: 47

2.1.2. Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 49

2.1.3. Đặc điểm tổ chức quản lý 53

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty 55

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán 55

2.1.4.2. Hình thức kế toán 57

2.1.4.3. Chế độ kế toán áp dụng 58

2.1.4.4. Nội dung cơ chế khoán áp dụng tại Công ty 59

2.2. THỰC TẾ KẾ TOÁN HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP VIỆT HÙNG 60

2.2.1. Đặc điểm chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp 60

2.2.1.1. Đặc điểm phân loại chi phí 60

2.2.1.2. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất 61

2.2.1.3. Phương pháp kế toán hạch toán chi phí sản xuất tại công ty 61

2.2.1.4. Đặc điểm công tác tính giá sản phẩm dở dang 61

2.2.1.5. Đặc điểm công tác tính giá thành sản phẩm xây lắp 62

2.2.2. Nội dung và trình tự hạch toán chi phí sản xuất 63

2.2.2.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (Chi phí NVLTT): 63

2.2.2.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp (Chi phí NCTT) 74

2.2.2.3. Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công (Chi phí sử dụng MTC) 83

2.2.2.4. Hạch toán chi phí sản xuất chung (chi phí SXC) 91

2.2.3. Tổng hợp chi phí sản xuất, kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm xây lắp. 109

2.2.3.1. Tổng hợp chi phí sản xuất 109

2.2.3.2. Tính giá sản phẩm dở dang: 110

2.2.3.3. Tính giá thành sản phẩm xây lắp: 116

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP VIỆT HÙNG. 119

3.1. NHỮNG ƯU, NHƯỢC ĐIỂM CỦA CÔNG TY TNHH XÂY LẮP VIỆT HÙNG. 119

3.1.1. Những thành tựu đã đạt được 119

3.1.1.1. Về tổ chức quản lý và hoạt động sản xuất 120

3.1.1.2. Về tổ chức hạch toán hạch toán kế toán 120

3.1.2. Những mặt còn tồn tại 123

3.2. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP VIỆT HÙNG 124

3.2.1. Sự cần thiết và nguyên tắc hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	124
3.2.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện	124
3.2.1.2. Nguyên tắc hoàn thiện	125
3.2.2. Nội dung hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng.	126
3.2.2.1. Hoàn thiện hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	126
3.2.2.2. Hoàn thiện hạch toán chi phí nhân công trực tiếp	127
3.2.2.3. Hoàn thiện hạch toán chi phí sử dụng máy thi công:	129
3.2.2.4. Hoàn thiện chi phí SXC:	130
3.2.2.5. Đẩy mạnh công tác quản lý và bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên:	130

KẾT LUẬN	132
----------	-----

LỜI NÓI ĐẦU

Đứng trước tình thế toàn cầu hoá nền kinh tế, mở cửa hội nhập tạo sự cạnh tranh cùng phát triển thì mỗi doanh nghiệp luôn tạo ra cho mình những chiến lược kinh doanh sao cho đạt hiệu quả kinh doanh một cách tối ưu. Một trong những chiến lược kinh doanh đó thì không thể không kể tới chiến lược giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp nói chung và trong các doanh nghiệp xây lắp nói riêng. Các doanh nghiệp cần phải biết kết hợp các yếu tố đầu vào một cách tối ưu để không chỉ cho ra được những sản phẩm đảm bảo chất lượng, đảm bảo yêu cầu kỹ - mỹ thuật,...mà còn phải có một giá thành hợp lý không chỉ đảm bảo mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp mà còn mang tính cạnh tranh đối với các doanh nghiệp cùng ngành khác.

Chính vì thế, mà trong xu thế phát triển của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm luôn đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong chiến lược kinh doanh. Làm thế nào để sử dụng chi phí một cách tiết kiệm mà đạt hiệu quả cao là một câu hỏi lớn – luôn được quan tâm từ các nhà quản lý. Điều này còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng hơn đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp vì đặc điểm của doanh nghiệp xây lắp là phải thi công các công trình - hạng mục công trình trong thời gian dài, địa điểm thi công lại không cố định,...nên việc quản lý chi phí phát sinh thường gặp khó khăn. Mặt khác, với vai trò - ý nghĩa của công tác kế toán là luôn cung cấp những thông tin một cách chính xác, kịp thời,... giúp cho các nhà quản lý đưa ra được những chiến lược kinh doanh đúng lúc.

Xuất phát từ thực tế đó và nhận thức được tầm quan trọng của công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nên qua quá trình nghiên cứu cơ sở lý luận cùng với thời gian thực tập tại TNHH xây lắp Việt Hưng em đã lựa chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán chi phí và tính giá thành tại Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng”** để hoàn thành khoá luận tốt nghiệp của mình.

Trong khuôn khổ khoá luận tốt nghiệp, ngoài phần mở đầu và kết luận em xin trình bày 3 phần chính sau:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.

Chương 2: Thực trạng về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp ở Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng.

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH và xây lắp Việt Hưng.

Khoá luận tốt nghiệp của em được hoàn thành với sự giúp đỡ, quan tâm tận tình - chu đáo của Cô giáo hướng dẫn – PGS.TS.Trương Thị Thuỷ cùng các chú, anh - chị trong phòng kế toán của công ty. Mặc dù bản thân đã có rất nhiều cố gắng, xong do hạn chế về mặt thời gian cũng như sự nhận thức và trình độ nên chắc chắn khoá luận không thể tránh khỏi những thiếu sót. Do vậy, em rất mong được tiếp thu những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của thầy - cô để em có điều kiện bổ sung, nâng cao kiến thức của mình, phục vụ tốt hơn cho công tác kế toán thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đỗ Thị Vân

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1.ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XÂY LẮP VÀ NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1.1.Đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp

Xây dựng là ngành sản xuất vật chất độc lập, quan trọng mang tính chất công nghiệp nhằm tạo ra cơ sở vật chất cho nền kinh tế quốc dân. Công tác xây dựng cơ bản thường do các đơn vị xây lắp nhận thầu tiến hành. Cũng như mọi ngành sản xuất vật chất khác, hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành xây dựng cơ bản thực chất là biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm. Song sản phẩm và quá trình tạo ra sản phẩm ngành xây dựng có những đặc thù riêng chi phối nhiều đến công tác hạch toán kế toán của mỗi doanh nghiệp trong ngành, đặc biệt là trong hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Cụ thể đó là:

- Sản phẩm xây lắp là các công trình xây dựng, vật kiến trúc có qui mô lớn kết cấu phức tạp, thời gian sử dụng lâu dài không thuộc đối tượng lưu thông,... với đặc điểm này đòi hỏi việc tổ chức quản lý và hạch toán sản phẩm xây lắp nhất thiết phải lập dự toán (dự toán thiết kế, dự toán thi công) quá trình sản xuất và xây lắp phải so sánh với dự toán, lấy dự toán làm thước đo, đồng thời để giảm bớt rủi ro phải mua bảo hiểm cho công trình xây lắp.

- Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc giá thỏa thuận với chủ đầu tư (giá đấu thầu), do đó tính chất hàng hoá sản phẩm xây lắp không thể hiện rõ (vì đã qui định giá cả, người mua, người bán sản phẩm xây lắp có trước khi xây dựng thông qua hợp đồng giao nhận thầu,...).

- Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất còn các điều kiện sản xuất (xe, máy, thiết bị thi công, người lao động,...) phải di chuyển theo địa điểm đặt sản

phẩm. Đặc điểm này làm cho công tác quản lý sử dụng, hạch toán tài sản, vật tư rất phức tạp do ảnh hưởng của thiên nhiên, thời tiết và dễ mất mát, hư hỏng,...

- Quá trình từ khi khởi công xây dựng cho đến khi công trình hoàn thành bàn giao đi vào sử dụng thường dài, phụ thuộc vào quy mô và tính chất phức tạp về kỹ thuật của từng công trình. Quá trình thi công được chia thành nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn gồm nhiều công việc khác nhau mà việc thực hiện chủ yếu tiến hành ngoài trời do vậy chịu ảnh hưởng của các điều kiện thiên nhiên, khách quan, từ đó ảnh hưởng đến việc quản lý tài sản; vật tư, máy móc dễ bị hư hỏng và ảnh hưởng đến tiến độ thi công. Đặc điểm này đòi hỏi việc tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ sao cho bảo đảm chất lượng công trình đúng như thiết kế, dự toán.

- Đối tượng hạch toán chi phí cụ thể là các công trình, hạng mục công trình, các giai đoạn của hạng mục hay nhóm hạng mục, vì thế phải lập dự toán chi phí và tính giá thành theo từng hạng mục công trình hay giai đoạn của hạng mục công trình.

Những đặc điểm hoạt động kinh doanh, đặc điểm sản phẩm, đặc điểm tổ chức sản xuất và quản lý ngành nói trên chi phối đến công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp dẫn đến những khác biệt nhất định. Vì vậy hiện nay các doanh nghiệp xây lắp ở nước ta thường tổ chức sản xuất theo phương thức khoán gọn công trình, hạng mục công trình, khối lượng hoặc công việc cho các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp. Trong giá khoán gọn không chỉ có tiền lương mà còn có đủ các chi phí về vật liệu, công cụ dụng cụ thi công, chi phí chung của bộ phận nhận khoán.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán chi phí và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

Với đặc điểm sản xuất xây lắp đã nêu trên có ảnh hưởng rất lớn đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Công tác kế toán, vừa đáp ứng yêu cầu chung về chức năng - nhiệm vụ của kế toán trong một doanh nghiệp sản xuất vừa đáp ứng với đặc thù riêng của loại hình doanh nghiệp xây lắp. Cụ thể, nhiệm vụ đặt ra cho công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành trong các doanh nghiệp xây lắp là:

- Thực hiện các tiêu chuẩn chứng từ, hạch toán ban đầu, hệ thống tài khoản, sổ sách kế toán phải phù hợp với quy định của Nhà nước. Các chuẩn mực cũng như chế độ kế toán.

- Xác định được đối tượng, phương pháp hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp dựa trên đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm xây lắp.

- Tổ chức tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất theo đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.

- Tính toán chính xác giá thành thực tế của đối tượng tính giá thành và thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện công tác tính giá thành của doanh nghiệp.

- Định kỳ tổ chức phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho ban quản lý, giúp nhà quản trị đưa ra những quyết định kinh doanh kịp thời và phù hợp với đặc điểm ngành nghề kinh doanh.

1.2.BẢN CHẤT VÀ NỘI DUNG KINH TẾ CỦA CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.2.1.Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất

1.2.1.1.Khái niệm

Chi phí được hiểu là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định.

Cũng như các ngành sản xuất vật chất khác, quá trình sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp là quá trình biến đổi các yếu tố đầu vào bao gồm yếu tố về tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động để tạo ra sản phẩm xây lắp. Hay nói cách khác, quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp là quá trình kết hợp của 3 yếu tố trên.

Như vậy, *chi phí sản xuất của đơn vị xây lắp là toàn bộ chi phí về lao động sống và lao động vật hoá phát sinh trong quá trình sản xuất và cấu thành nên giá thành của sản phẩm xây lắp.*

Theo đó, chi phí về tiền công là biểu hiện bằng tiền của lao động sống còn chi phí về nguyên vật liệu,... là biểu hiện bằng tiền của lao động vật hoá.

1.2.1.2. Phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

Trong các doanh nghiệp sản xuất nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng có nhiều loại chi phí sản xuất với nội dung kinh tế, công dụng và đặc tính khác nhau nên cần phải có sự phân loại chi phí để thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán. Phân loại chi phí là việc sắp xếp chi phí sản xuất vào từng loại, từng nhóm khác nhau theo những đặc trưng nhất định nhằm mục đích đáp ứng thông tin cần thiết và tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng thông tin kế toán. Do đó, đòi hỏi việc phân loại chi phí sản xuất phải khoa học và thống nhất.

Có nhiều cách phân loại chi phí khác nhau như phân loại theo nội dung kinh tế, theo công dụng, theo vị trí ... Mỗi cách phân loại này đều đáp ứng ít nhiều cho mục đích quản lý, hạch toán, kiểm tra,... ở các góc độ khác nhau. Trong kế toán tài chính, chi phí sản xuất thông thường được phân loại theo hai tiêu thức cơ bản là phân theo khoản mục chi phí và phân theo yếu tố chi phí.

❖ Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí

Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí là việc phân chia chi phí thành những yếu tố chi phí khác nhau nhằm phục vụ cho việc tập hợp, quản lý chi phí theo nội dung kinh tế ban đầu đồng nhất mà không xét đến công dụng cụ thể hay địa điểm phát sinh của chi phí.

Để cung cấp thông tin về chi phí một cách cụ thể và tùy theo yêu cầu - trình độ quản lý mà mức độ chi tiết của các yếu tố có thể khác nhau. Theo quy định hiện hành ở Việt Nam, toàn bộ chi phí được chia làm 5 yếu tố chi phí sau:

- *Yếu tố chi phí nguyên liệu, vật liệu:* Bao gồm toàn bộ giá trị nguyên, vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, công cụ, dụng cụ... sử dụng vào sản xuất kinh doanh (loại trừ giá trị vật liệu dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi).

- *Yếu tố chi phí nhân công*: Phản ánh toàn bộ số tiền lương và các khoản trích như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính trên lương của CNSX, công nhân sử dụng MTC và nhân viên quản lý sản xuất ở các bộ phận/ đội sản xuất..

- *Yếu tố chi phí khấu hao tài sản cố định*: Phản ánh tổng số khấu hao tài sản cố định phải trích trong kỳ của tất cả các tài sản cố định sử dụng cho sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- *Yếu tố chi phí dịch vụ mua ngoài*: Phản ánh toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài dùng vào sản xuất kinh doanh.

- *Yếu tố chi phí khác bằng tiền*: phản ánh toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh ở các yếu tố trên dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố giúp cho công việc xây lắp và lập dự toán sản xuất chung cũng như lập kế hoạch cung ứng vật tư, kế hoạch quỹ tiền lương, tính toán nhu cầu vốn lưu động định mức. Đồng thời, giúp doanh nghiệp đánh giá được tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kỹ thuật và tài chính.

Ngoài ra, phân loại chi phí theo yếu tố còn cho phép cơ quan quản lý cấp trên kiểm tra chi phí sản xuất của doanh nghiệp, hao phí vật chất và thu nhập quốc dân.

❖ Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục trong giá thành sản phẩm

Cách phân loại này dựa vào công dụng của chi phí và mức phân bổ chi phí cho từng đối tượng nhằm tạo thuận lợi cho việc tính giá thành sản phẩm. Theo quy định hiện hành ở Việt Nam, chi phí sản xuất ở đơn vị xây lắp bao gồm:

- *Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp*: Là các chi phí của các vật liệu chính, vật liệu phụ, vật kết cấu, giá trị thiết bị kèm theo vật kiến trúc... cần thiết để tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây lắp.

- *Chi phí nhân công trực tiếp*: Là chi phí tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp lương của công nhân trực tiếp tham gia xây lắp công trình. Không bao gồm các khoản trích theo tiền lương như KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN của công nhân trực tiếp xây lắp.

- *Chi phí sử dụng máy thi công*: Là chi phí cho các máy thi công nhằm thực hiện khối lượng công tác xây, lắp bằng máy. Chi phí sử dụng máy thi công bao gồm chi phí thường xuyên và chi phí tạm thời:

Chi phí thường xuyên sử dụng máy thi công gồm: Lương chính, lương phụ của công nhân điều khiển máy, phục vụ máy...; chi phí vật liệu, chi phí CCDC, chi phí khấu hao TSCĐ; chi phí dịch vụ mua ngoài; chi phí khác bằng tiền.

Chi phí tạm thời sử dụng máy thi công gồm: Chi phí sửa chữa lớn máy thi công; chi phí công trình tạm thời cho máy thi công (lều, lán,...). Chi phí tạm thời có thể phát sinh trước (được hạch toán vào TK 142) sau đó được phân bổ dần vào bên Nợ TK 623. Hoặc phát sinh sau nhưng phải tính trước vào chi phí xây, lắp trong kỳ, trường hợp này phải tiến hành trích trước chi phí, sử dụng TK335 (ghi Nợ TK 623, Có TK 335).

- *Chi phí sản xuất chung*: Là các chi phí sản xuất của đội, công trường xây lắp gồm: Lương của nhân viên quản lý đội xây lắp, các khoản trích theo tiền lương theo tỷ lệ quy định (22% của nhân viên quản lý đội và công nhân trực tiếp tham gia xây lắp), chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội, chi phí vật liệu, chi phí CCDC và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của đội...

Ngoài ra, chi phí sản xuất xây lắp có thể được phân loại theo mối quan hệ giữa chi phí với đối tượng chịu chi phí. Theo cách phân loại này chi phí sản xuất xây lắp được chia thành 2 loại: Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

Hoặc người ta phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với khối lượng sản phẩm sản xuất. Theo mối quan hệ này chi phí sản xuất được chia thành: Chi phí bất biến, chi phí khả biến và chi phí hỗn hợp.

1.2.2. Bản chất và nội dung kinh tế của giá thành sản phẩm xây lắp

1.2.2.1. Khái niệm về giá thành sản phẩm xây lắp

Mục đích cuối cùng của quá trình sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất chính là sản phẩm sản xuất, do đó sản phẩm sản xuất luôn là mối quan tâm rất lớn bởi đó là một chỉ tiêu quan trọng ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của DN.

Trong doanh nghiệp sản xuất nói chung thì “giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá có liên quan đến khối lượng công tác, sản phẩm - dịch vụ đã hoàn thành”.

Tuy nhiên, đối với Doanh nghiệp xây lắp thì sản phẩm xây lắp mang tính cá biệt, nó có thể là các công trình - hạng mục công trình hay là khối lượng công việc hoặc giai đoạn công việc có một giá thành riêng. Do đó, *giá thành sản phẩm xây lắp là toàn bộ chi phí tính bằng tiền để hoàn thành khối lượng xây lắp theo qui định.*

1.2.2.2. Phân loại giá thành

Để đáp ứng cho yêu cầu quản lý và công tác hạch toán giá thành cũng như yêu cầu xây dựng giá cả hàng hoá nên giá thành cũng được xem xét dưới nhiều góc độ, phạm vi khác nhau.

Với doanh nghiệp xây lắp cần phân biệt các loại giá thành công tác xây lắp sau:

*** Xét theo thời điểm tính toán và nguồn số liệu** để tính giá thành, giá thành được chia thành giá thành dự toán, giá thành kế hoạch và giá thành thực tế:

- Giá thành dự toán xây lắp: là chỉ tiêu giá thành được xác định theo định mức và khung giá để hoàn thành khối lượng xây lắp. Định mức và khung giá được Nhà nước quy định và quản lý, áp dụng vào từng vùng lãnh thổ và dựa theo mặt bằng giá cả của thị trường.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá thành} & = & \text{Khối lượng} & \times & \text{Đơn giá} \\ \text{dự toán} & & \text{theo thiết kế} & & \text{dự toán} \end{array}$$

Vì giá thành dự toán công tác xây lắp nhỏ hơn giá trị dự toán xây lắp ở phần thu nhập chịu thuế tính trước nên có thể xác định giá thành dự toán qua giá trị dự toán:

$$Z_{\text{dự toán}} = T + C + TL + V$$

Trong đó:

+/ T: Chi phí trực tiếp gồm : Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công.

+/ C: Chi phí chung.

+/ TL: Thu nhập chịu thuế tính trước:

$$TL = (T + C) \times \text{tỷ lệ quy định}$$

+/- V: Thuế GTGT đầu vào:

$$V = \text{Thuế suất} \times (T + C + TL)$$

- Giá thành kế hoạch xây lắp: giá thành kế hoạch được xác định trước khi bước vào kinh doanh trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức, các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch. Chỉ tiêu này được xác lập trên cơ sở giá thành dự toán gắn liền với điều kiện cụ thể, năng lực thực tế của từng doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định (điều kiện thi công, định mức đơn giá của từng doanh nghiệp).

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & = & \text{Giá thành} & - & \text{Mức hạ giá thành} & + / - & \text{Chênh lệch} \\ \text{kế hoạch} & & & \text{dự toán} & & \text{dự toán} & & \text{định mức} \end{array}$$

Giá thành kế hoạch là căn cứ để so sánh, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, là mục tiêu phấn đấu hạ giá thành của doanh nghiệp.

- Giá thành định mức : là tổng số chi phí để hoàn thành một khối lượng xây lắp cụ thể được tính toán trên cơ sở đặc điểm kết cấu của công trình, về phương pháp tổ chức thi công và quản lý thi công theo các định mức chi phí đã đạt được ở tại doanh nghiệp, công trường tại thời điểm bắt đầu thi công. Tuy nhiên, khác với giá thành kế hoạch được xây dựng trên cơ sở các định mức bình quân tiên tiến và không biến đổi trong suốt cả kỳ kế hoạch, giá thành định mức được xây dựng trên cơ sở các định mức về chi phí hiện hành tại từng thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch (thường là ngày đầu tháng) nên giá thành định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí đạt được trong quá trình thực hiện kế hoạch giá thành.

- Giá thành thực tế : là loại giá thành công tác xây lắp được tính toán theo các chi phí thực tế của đơn vị xây lắp đã bỏ ra để thực hiện khối lượng công tác xây lắp và được xác định theo số liệu của kế toán. Các phân loại này có tác dụng trong việc quản lý và giám sát chi phí, xác định được các nguyên nhân vượt định mức chi phí trong kỳ hạch toán. Từ đó, điều chỉnh kế hoạch hoặc định mức chi phí cho phù hợp. Về nguyên tắc giá thành thực tế công tác xây lắp không quá lớn hơn giá thành kế hoạch xây lắp.

Mối quan hệ giữa 3 loại giá thành dự toán, giá thành kế hoạch và giá thành thực tế về mặt lượng:

$$\text{Giá thành dự toán} > \text{Giá thành kế hoạch} > \text{Giá thành thực tế}$$

Xuất phát từ đặc điểm của sản phẩm xây lắp và đáp ứng yêu cầu công tác quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp trong các doanh nghiệp xây lắp giá thành công tác xây lắp còn được theo dõi trên hai chỉ tiêu sau:

+ Giá thành khối lượng hoàn chỉnh: Là giá thành của công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành, đảm bảo kỹ thuật chất lượng đúng thiết kế như hợp đồng đã ký kết bàn giao được bên chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán.

+ Giá thành khối lượng hoàn thành quy ước: là giá thành của khối lượng công việc đảm bảo thỏa mãn các điều kiện: phải nằm trong thiết kế, đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý, đảm bảo chất lượng kỹ thuật được chủ đầu tư nghiệm thu chấp nhận thanh toán.

*** Xét theo phạm vi phát sinh chi phí:** thì giá thành được chia thành giá thành sản xuất và giá thành toàn bộ:

- *Giá thành sản xuất* (giá thành công xưởng): phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc thi công công trình trong phạm vi đơn vị thi công bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí phổngán xuất chung.

- *Giá thành toàn bộ* (giá thành đầy đủ, giá thành tiêu thụ): Phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong thi công (chi phí sản xuất) và chi phí ngoài thi công (chi phí bán hàng và quản lý). Do đó, giá thành toàn bộ được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} & & \text{Giá thành sản} & & & & \\ & & \text{xuất sản phẩm} & + & \text{Chi phí quản lý} & + & \text{Chi phí tiêu} \\ \text{Giá thành} & = & & & \text{doanh nghiệp} & & \text{thụ sản phẩm} \\ \text{toàn bộ} & & \text{tiêu thụ} & & & & \end{array}$$

1.2.3. Mối quan hệ giữa chi phí và giá thành sản phẩm

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, đó là 2 mặt thống nhất của quá trình sản xuất: Một mặt là hao phí phải bỏ ra trong quá trình sản xuất, một mặt là kết quả thu được từ hoạt động sản xuất.

Về bản chất chúng đều là các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá được biểu hiện bằng tiền. Tuy nhiên, giữa chúng lại có sự khác nhau căn bản:

Chi phí sản xuất chỉ gồm những chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất sản phẩm trong kỳ, không tính đến việc sản phẩm đó đã hoàn thành trong kỳ hay chưa.

Về mặt giá trị, thì chi phí sản xuất nhìn chung khác với giá thành sản phẩm xây lắp. Tổng chi phí sản xuất = Tổng giá thành sản phẩm xây lắp trong kỳ chỉ khi giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ = Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Về mặt thời gian, thì chi phí sản xuất chỉ phản ánh những hao phí liên quan đến kỳ hạch toán, còn giá thành thì bao gồm cả các khoản chi phí phát sinh từ kỳ trước chuyển sang nhưng liên quan đến khối lượng xây lắp hoàn thành kỳ này.

Về phạm vi biểu hiện: Giá thành sản phẩm là một khái niệm gắn với một khối lượng sản phẩm xây lắp nhất định, không có khái niệm giá thành chung chung mà phải là giá thành cụ thể của từng sản phẩm, còn chi phí sản xuất lại không gắn với một sản phẩm cá biệt nào. Giá thành sản phẩm được tính dựa trên các chỉ tiêu chi phí sản xuất.

$$\begin{array}{l} \textbf{Tổng giá thành} \\ \textbf{của sản phẩm} \\ \textbf{xây lắp hoàn} \\ \textbf{thành} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở} \\ \text{dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Như vậy, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ mật thiết với nhau, trong đó chi phí sản xuất là cơ sở để tính giá thành sản phẩm, việc quản lý tốt giá thành chỉ được thực hiện triệt để khi doanh nghiệp tiến hành quản lý tốt chi phí sản xuất vì sự tiết kiệm hay lãng phí chi phí sản xuất sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới giá thành sản phẩm xây lắp.

1.3.NỘI DUNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.3.1.Kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.1.1.Đối tượng và phương pháp hạch toán chi phí sản xuất

*** Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất**

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là các chi phí sản xuất được tập hợp theo những phạm vi, giới hạn nhất định nhằm phục vụ cho việc kiểm tra, phân tích chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất chính là việc xác định giới hạn tập hợp chi phí mà thực chất là xác định nơi phát sinh chi phí và nơi chịu chi phí. .Đối với mỗi doanh nghiệp sản xuất thì vấn đề xác định đúng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất có vai trò đặc biệt quan trọng trong kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, giúp cho việc tính giá thành sản phẩm được chính xác và kịp thời. Tuy nhiên, việc lựa chọn đúng đối tượng chi phí sản xuất phụ thuộc nhiều vào yêu cầu quản lý, phân tích chi phí,...đặc biệt là đặc điểm qui trình công nghệ của từng doanh nghiệp. Do đó, đối với doanh nghiệp xây lắp thì đối tượng hạch toán chi phí sản xuất có thể là từng công trình – hạng mục công trình hay các giai đoạn công việc của hạng mục công trình hoặc nhóm các hạng mục công trình,...từ đó mà xác định phương pháp hạch toán chi phí sản xuất thích hợp.

Xác định đúng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất phù hợp với đặc điểm tình hình sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm và đáp ứng được yêu cầu quản lý chi phí sản xuất sẽ giúp cho đơn vị xây lắp tổ chức tốt công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất, phục vụ tốt cho việc tăng cường quản lý chi phí sản xuất và phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm được chính xác kịp thời. Từ khâu ghi chép ban đầu, tổng hợp số liệu, tổ chức tài khoản vào sổ chi tiết đều phải theo đúng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất đã xác định.

*** Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất**

Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí.

Phương pháp hạch toán chi phí bao gồm: Phương pháp hạch toán chi phí theo sản phẩm, theo đơn đặt hàng, theo nhóm sản phẩm, theo giai đoạn công nghệ... Mỗi phương pháp hạch toán chi phí ứng với một loại đối tượng hạch toán chi phí.

Đối với các đơn vị xây lắp do đối tượng hạch toán chi phí được xác định là các công trình, hạng mục công trình... nên phương pháp hạch toán chi phí thường là phương pháp hạch toán chi phí theo sản phẩm xây lắp, theo đơn đặt hàng, theo giai đoạn công nghệ:

- Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo sản phẩm (theo công trình, hạng mục công trình) : chi phí sản xuất phát sinh được tập hợp theo từng công trình hạng mục công trình riêng biệt, nếu chi phí sản xuất có liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình thì sẽ được phân bổ theo tiêu thức thích hợp.

- Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo đơn đặt hàng: các chi phí sản xuất phát sinh được tập hợp theo từng đơn đặt hàng riêng biệt và như vậy tổng số chi phí sản xuất tập hợp được từ khi khởi công cho đến khi hoàn thành theo đơn đặt hàng là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó.

- Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo đơn vị thi công: chi phí sản xuất phát sinh tại đơn vị thi công nào được tập hợp riêng cho đơn vị đó. Tại mỗi đơn vị thi công, chi phí sản xuất lại được tập hợp theo từng đối tượng chịu chi phí: hạng mục công trình, nhóm hạng mục công trình. Cuối kỳ, tổng số chi phí tập hợp được phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình để tính giá thành sản phẩm riêng.

1.3.1.2.Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

**** Khái niệm:***

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu thực tế sử dụng trong quá trình sản xuất xây lắp như nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, vật liệu khác cho từng công trình, hạng mục công trình.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì tổ chức tổng hợp theo phương pháp trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó theo giá trị thực tế. Đối với các vật liệu liên quan đến nhiều đối

tượng tập hợp chi phí(nhiều công trình, hạng mục công trình) phải phân bổ cho từng đối tượng theo tiêu chuẩn hợp lý như số lần sử dụng, định mức chi phí, khối lượng xây lắp hoàn thành.

*** Tài khoản sử dụng:**

Đề tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế toán sử dụng tài khoản 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”. Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí NVL sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây, lắp, sản xuất sản phẩm,... của DN xây lắp. Được mở chi tiết theo đối tượng hạch toán chi phí.

*** Nguyên tắc hạch toán TK 621:**

- Chỉ hạch toán vào TK 621 những nguyên vật liệu được sử dụng trực tiếp để tạo ra sản phẩm xây lắp trong kỳ sản xuất kinh doanh. Chi phí nguyên vật liệu phải tính theo giá thực tế khi xuất sử dụng.

- Trong kỳ hạch toán, kế toán tiến hành tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào bên Nợ TK 621 theo từng đối tượng sử dụng trực tiếp các nguyên vật liệu này hoặc tập hợp chung cho quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm xây lắp nếu không thể xác định cụ thể rõ ràng nguyên vật liệu sử dụng cho từng công trình.

- Cuối kỳ hạch toán, kế toán tiến hành kết chuyển (nếu nguyên vật liệu đã được tập hợp riêng cho từng đối tượng sử dụng) hoặc tiến hành phân bổ và kết chuyển (nếu nguyên vật liệu không được tập hợp riêng biệt cho từng đối tượng sử dụng) vào các tài khoản liên quan để phục vụ cho việc tính giá thành thực tế của sản phẩm xây lắp. Nếu tiến hành phân bổ phải dựa trên các tiêu thức phân bổ hợp lý.

- Chỉ kết chuyển những chi phí trực tiếp thực tế sử dụng cho sản xuất, chế tạo sản phẩm xây lắp vào TK 154 để tính giá thành công trình xây lắp mà không bao gồm những nguyên vật liệu sử dụng không hết nhập kho hoặc được để lại tại hiện trường.

- Đối với trường hợp nguyên vật liệu mua về nếu sử dụng ngay (không qua kho) cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì chi phí nguyên vật liệu của khối lượng nguyên vật liệu mua vào là giá mua chưa có thuế GTGT đầu vào. Nếu sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá

dịch vụ không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì chi phí nguyên vật liệu là giá mua bao gồm cả thuế GTGT đầu vào.

*** Phương pháp hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:**

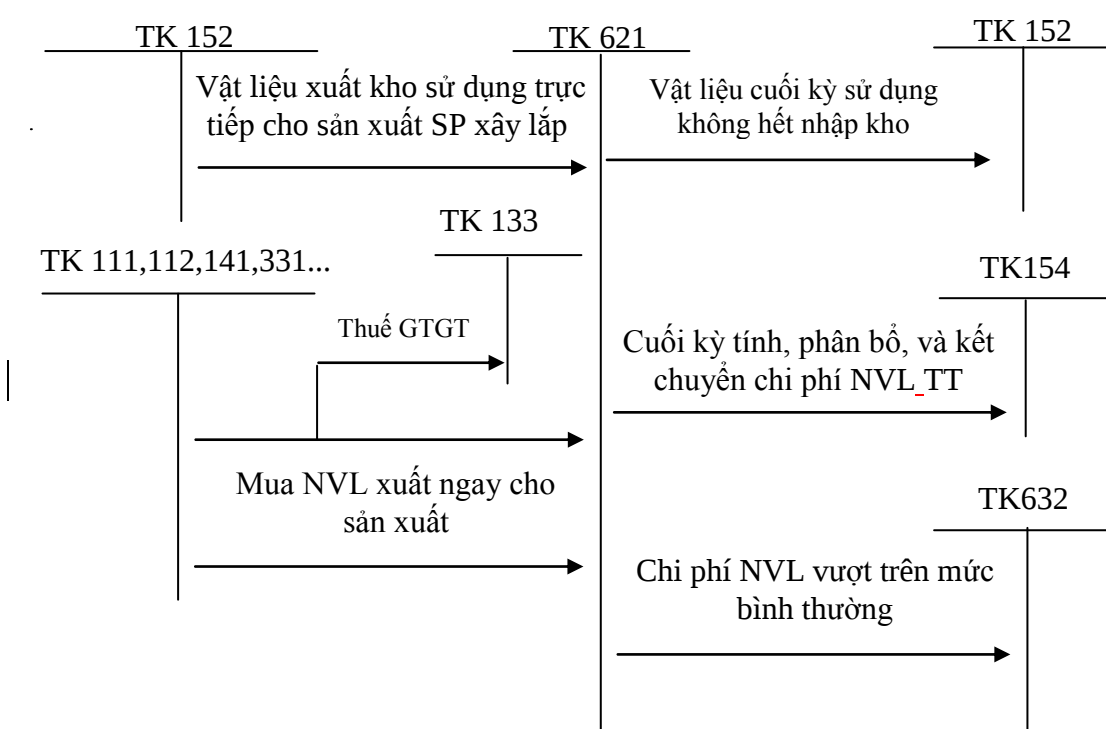
- Khi mua hoặc xuất NVL sử dụng cho hoạt động xây lắp:

Nợ TK 621: Chi phí NVLTT

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 152:

Có TK 111, 112, 331, ...



Sơ đồ 1.1. Trình tự kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

1.3.1.3. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

*** Khái niệm:**

Chi phí nhân công trực tiếp trong các đơn vị xây lắp bao gồm thù lao phải trả cho công nhân trực tiếp thực hiện khối lượng công tác xây lắp như tiền lương chính, tiền lương phụ, chi phí nhân công trực tiếp ở các đơn vị xây lắp khác với các doanh nghiệp sản xuất khác là không bao gồm các khoản trích theo tiền lương như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của công nhân trực tiếp xây lắp.

Chi phí nhân công trực tiếp thường được tính trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí liên quan. Nếu chi phí nhân công trực tiếp có liên quan đến nhiều đối tượng tính giá thành mà không tập hợp riêng được thì có thể tập hợp chung sau đó chọn tiêu thức thích hợp để phân bổ cho các đối tượng chi phí liên quan.

*** Tài khoản sử dụng:**

Để tập hợp chi phí nhân công trực tiếp sử dụng tài khoản 622. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng đối tượng chịu chi phí (công trình, hạng mục công trình...)

*** Nguyên tắc hạch toán TK 622**

- Không hạch toán vào tài khoản này những khoản phải trả về tiền lương và các khoản phụ cấp,... cho nhân viên quản lý, nhân viên văn phòng của bộ máy quản lý Doanh nghiệp hoặc bộ phận hoạt động bán hàng.

- Không hạch toán các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, BHTN, KHCĐ của công nhân trực tiếp xây lắp.

*** Cách tính lương trong doanh nghiệp xây lắp**

Trong các doanh nghiệp xây lắp, có hai cách tính lương chủ yếu là tính lương theo công việc giao khoán và tính lương theo thời gian.

Nếu tính lương theo công việc giao khoán thì chứng từ ban đầu là “hợp đồng khoán”, trên hợp đồng khoán thể hiện công việc khoán có thể là từng phần việc, nhóm công việc, có thể là hạng mục công trình, thời gian thực hiện hợp đồng, đơn giá từng phần việc, chất lượng công việc giao khoán. Tùy theo khối lượng công việc giao khoán hoàn thành số lương phải trả được tính như sau:

$$\text{Tiền lương phải trả} = \frac{\text{Khối lượng công việc hoàn thành}}{\text{Đơn giá khối lượng công việc}}$$

Nếu tính lương theo thời gian thì căn cứ để hạch toán là “Bảng chấm công” và phiếu làm thêm giờ... Căn cứ vào tình hình thực tế, người có trách nhiệm sẽ tiến hành theo dõi và chấm công hàng ngày cho công nhân trực tiếp trên bảng chấm công. Cuối tháng người chấm công, người phụ trách bộ phận sẽ ký vào bảng chấm công và phiếu làm thêm giờ sau đó chuyển đến phòng kế toán. Các chứng từ này sẽ

được kiểm tra, làm căn cứ hạch toán chi phí tiền lương, theo cách tính lương này, mức lương phải trả trong tháng được tính như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Tiền lương phải trả} & = & \text{Mức lương một} & \times & \text{Số ngày làm việc} \\ \text{trong tháng} & & \text{ngày công} & & \text{trong tháng} \end{array}$$

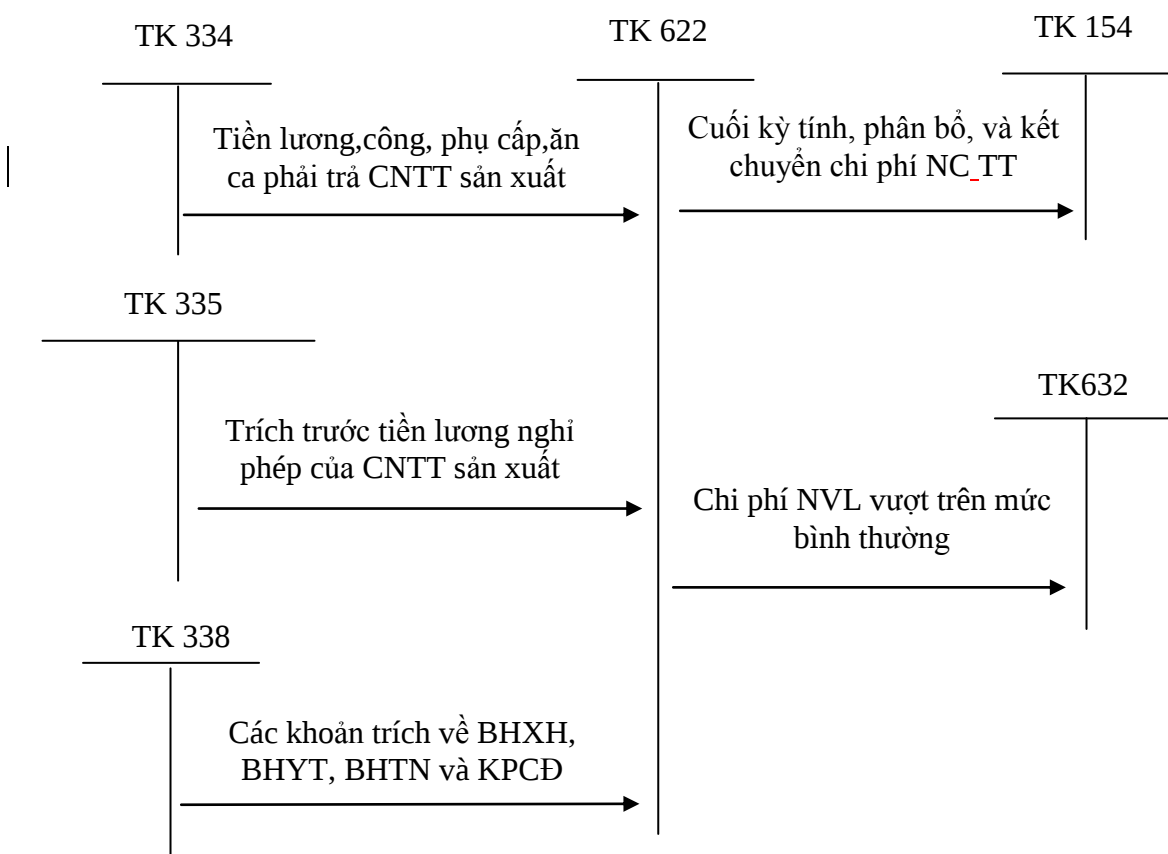
*** Phương pháp hạch toán chi phí nhân công trực tiếp:**

Căn cứ vào bảng tính lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm xây lắp, ghi:

Nợ TK 622: Chi phí NCTT

Có TK 334: Phải trả công nhân viên.

Trình tự hạch toán chi phí nhân công trực tiếp được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.2. Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp

1.3.1.4. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công*** Khái niệm**

Máy thi công là các loại xe, máy được sử dụng trực tiếp để thi công xây lắp cho các công trình như: Máy ủi, máy xúc,... máy thi công có thể do doanh nghiệp tự trang bị để sử dụng lâu dài hoặc do doanh nghiệp đi thuê từ bên ngoài để phục vụ công tác thi công cho kịp tiến độ thi công.

Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình sử dụng máy thi công để thực hiện khối lượng công việc xây lắp bằng máy. Chi phí sử dụng máy thi công được chia thành 2 loại:

- Chi thường xuyên : Là những chi phí phát sinh trong quá trình sử dụng máy thi công được tính thẳng vào giá thành của ca máy như: tiền lương của công nhân trực tiếp điều khiển hay phục vụ xe máy, chi phí về nhiên liệu, động lực, vật liệu dùng cho xe máy thi công, khấu hao và sửa chữa thường xuyên xe máy thi công.

- Chi tạm thời : là những khoản chi phí phân bổ dần theo thời gian sử dụng máy như: chi phí tháo lắp, vận chuyển, chạy thử máy thi công khi di chuyển từ công trường này đến công trường khác. Những chi phí này có thể phân bổ dần hoặc trích trước theo kế hoạch cho nhiều kỳ.

Nếu máy thi công phục vụ cho nhiều công trình, hạng mục công trình ngay từ đầu không thể hạch toán riêng được thì tập hợp chung sau đó phân bổ theo tiêu thức hợp lý (số giờ máy hoạt động, lương của công nhân trực tiếp sản xuất...)

*** Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản dùng để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công phụ thuộc vào hình thức sử dụng máy thi công.

- + Trường hợp doanh nghiệp xây lắp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy thì sử dụng tài khoản 623 – chi phí sử dụng máy thi công

- + Trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình hoàn toàn bằng máy thì không sử dụng tài khoản 623, các chi phí liên quan đến máy sẽ được hạch toán trực tiếp vào TK 621, 622, 627

TK 623 chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 6231- Chi phí nhân công: phản ánh lương chính lương phụ phải trả cho công nhân trực tiếp điều khiển máy thi công. Tài khoản này không phản ánh các khoản trích theo lương, các khoản này được hạch toán vào TK 627 – Chi phí sản xuất chung.

TK 6232 - Chi phí nguyên vật liệu: Phản ánh chi phí nhiên liệu, vật liệu phục vụ máy thi công.

TK 6233 - Chi phí công cụ dụng cụ.

TK 6234 - Chi phí khấu hao máy thi công.

TK 6237 - Chi phí dịch vụ mua ngoài.

TK 6238 - Chi phí bằng tiền khác.

*** Nguyên tắc hạch toán TK 623**

- TK này chỉ sử dụng để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công trong trường hợp DN xây lắp thực hiện xây, lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy.

- Không hạch toán vào TK 623 các khoản trích về BHXH, BHYT, KPCĐ tính trên tiền lương phải trả công nhân sử dụng máy thi công.

- Nếu chi phí sử dụng MTC phát sinh cho nhiều công trình một lúc thì được phân bổ cho từng công trình - hạng mục công trình theo những tiêu thức thích hợp:

$$\begin{array}{l} \text{Mức CP sử dụng MTC cần} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{từng đối tượng} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng CP sử dụng MTC} \\ \text{cần phân bổ} \\ \text{Tổng tiêu thức pbổ của} \\ \text{tất cả các đối tượng} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng tiêu thức pbổ} \\ \text{của từng đối tượng} \end{array}} \times$$

*** Phương pháp hạch toán chi phí sử dụng máy thi công**

Để hạch toán và xác định chi phí sử dụng máy thi công một cách chính xác kịp thời cho các đối tượng chịu chi phí, trước hết phải tổ chức tốt khâu hạch toán hàng ngày của máy thi công trên các phiếu hoạt động của xe máy thi công.

Định kỳ mỗi xe máy được phát một “Nhật trình sử dụng máy thi công” ghi rõ tên máy, đối tượng phục vụ, khối lượng công việc hoàn thành, số ca lao động

thực tế... được người có trách nhiệm ký xác nhận. Cuối tháng “Nhật trình sử dụng được chuyển về phòng kế toán để kiểm tra, làm căn cứ tính lương, xác định chi phí sử dụng máy thi công và hạch toán chi phí sử dụng máy thi công cho các đối tượng liên quan.

Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công phụ thuộc vào hình thức sử dụng máy thi công là doanh nghiệp có tổ chức đội máy thi công riêng hoặc từng đội xây lắp có máy thi công riêng hoặc đi thuê ngoài dịch vụ máy.

+/ Trường hợp đơn vị có tổ chức đội máy thi công riêng:

Toàn bộ chi phí có liên quan đến đội máy thi công được tập hợp trên các tài khoản 621, 622, 627, chi tiết đội máy thi công.

Nợ TK 621, 622, 627 (chi tiết đội máy)

Có TK 152, 153, 111, 112, 331...

Có TK 334, 338

Có TK 214...

Cuối kỳ tổng hợp chi phí vào tài khoản 154 “chi tiết đội máy thi công” để tính giá thành ca máy hoặc giờ máy.

Nợ TK 154 “chi tiết đội máy thi công”

Có TK 621, 622, 627

Căn cứ vào giá thành giờ máy hoặc ca máy xác định giá trị mà đội máy phục vụ cho từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình...) theo giá thành ca máy hoặc giờ máy và khối lượng dịch vụ (số ca máy, giờ máy) phục vụ cho từng đối tượng.

Tùy thuộc và mối quan hệ giữa các bộ phận trong doanh nghiệp mà giá trị phục vụ được hạch toán như sau:

- Nếu đội máy thi công không tổ chức hạch toán riêng mà coi như một bộ phận sản xuất phụ thực hiện cung cấp lao vụ máy thi công cho các đơn vị xây lắp khi có nhu cầu thi công bằng máy, thì chi phí sử dụng máy thi công ghi:

Nợ TK 623: giá trị đội máy thi công phục vụ cho các đối tượng

Có TK 154 (chi tiết đội máy)

- Nếu có tổ chức kế toán riêng đội máy thi công và thực hiện theo phương pháp bán lao vụ máy cho các đơn vị xây lắp khi có nhu cầu thi công bằng máy theo giá bàn nội bộ:

- Kế toán đội máy thi công:

Khi được DN xây lắp thanh toán về số ca máy hay khối lượng đã hoàn thành:

Nợ TK 111,112,336:

Có TK 512 : Doanh thu tiêu thụ nội bộ

Có TK 3331: thuế đầu ra phải nộp(nếu có)

Kết chuyển tổng giá thành thực tế:

Nợ TK 623:

Có TK 154:

- Doanh nghiệp xây lắp ghi:

Khi nhận số ca máy hay khối lượng máy thi công đã hoàn thành do đội máy thi công bàn giao:

Nợ TK 623:

Nợ TK 133:

Có TK 111,112,336:

Cuối kỳ kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công:

Nợ TK 154:

Có TK 623:

+/ Trường hợp doanh nghiệp xây lắp không tổ chức đội máy thi công riêng hoặc có tổ chức đội máy thi công riêng nhưng không tổ chức kế toán riêng cho đội máy:

- Tập hợp chi phí sử dụng máy thi công phát sinh:

- Căn cứ vào tiền lương, tiền công phải trả cho công nhân điều khiển máy, phục vụ máy, kế toán ghi:

Nợ TK 623(6231) - chi phí sử dụng máy

Có TK 334 - phải trả công nhân viên

Có TK 111 - tiền mặt (nhân công thuê ngoài)

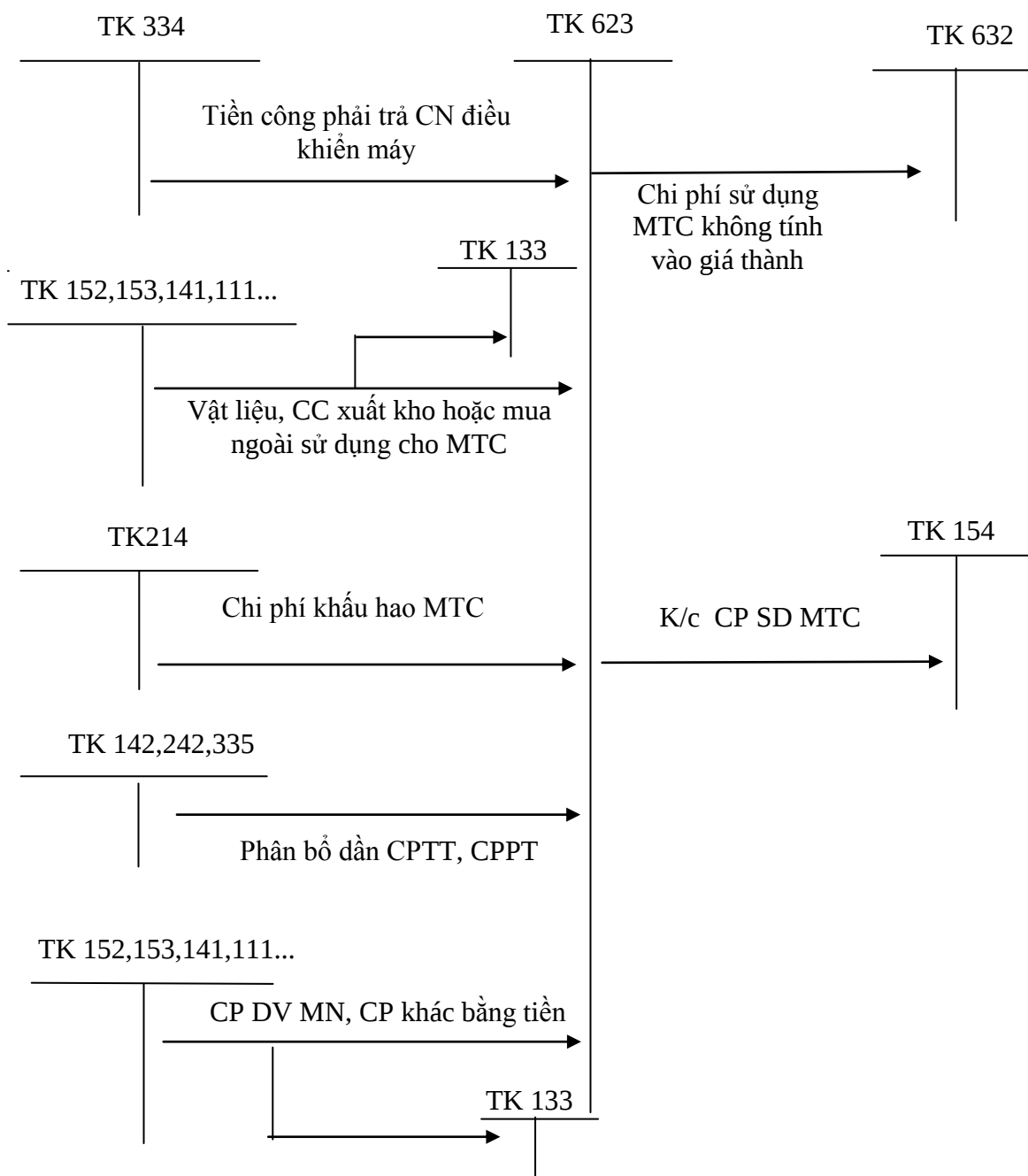
- Xuất kho hoặc mua ngoài nguyên, nhiên liệu sử dụng cho máy thi công
Nợ TK 623(6232)
Nợ TK 133 - VAT được khấu trừ
Có TK 152, 153, 111, 112, 331...
 - Trích khấu hao xe máy sử dụng
Nợ TK 623(6234) - chi phí sử dụng máy thi công
Có TK 214 - hao mòn TSCĐ
 - Chi phí dịch vụ mua ngoài phát sinh
Nợ TK 623(6237) - chi phí sử dụng máy thi công
Nợ TK 133 VAT được khấu trừ
Có TK 111, 112, 331..
 - Chi phí bằng tiền khác phát sinh
Nợ TK 623(6238)
Nợ TK 133
Có TK 111, 112...
 - Trường hợp tạm ứng chi phí sử dụng máy thi công để thực hiện khoán nội bộ, khi bản quyết toán tạm ứng đã được duyệt
Nợ TK 623(6238)
Nợ TK 133
Có TK 141
 - Cuối kỳ kết chuyển hoặc phân bổ chi phí sử dụng máy thi công cho các đối tượng sử dụng:
Nợ TK 154 - chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang
Có TK 623 – chi phí sử dụng máy thi công
- +/ Trường hợp doanh nghiệp xây lắp thuê ngoài ca máy thi công:*
- Căn cứ vào chứng từ “hợp đồng thuê máy” kế toán ghi số tiền phải trả khi thuê máy thi công:
Nợ TK 623
Nợ TK 133
Có TK 111, 112, 331...

- Cuối kỳ kết chuyển cho các đối tượng sử dụng

Nợ TK 154: chi phí SXKDDD

Có TK 623

Trình tự hạch toán chi phí sử dụng máy thi công được thể hiện tóm tắt qua sơ đồ sau:



**Sơ đồ 1.3. Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công
(Trường hợp thi công hỗn hợp vừa bằng máy, vừa bằng thủ công)**

1.3.1.5. Kế toán chi phí sản xuất chung

***Khái niệm**

Chi phí sản xuất chung là những chi phí có liên quan đến việc tổ chức, phục vụ và quản lý thi công của các đội xây lắp ở các công trường xây dựng. Chi phí sản xuất chung là những chi phí tổng hợp bao gồm nhiều khoản chi phí khác nhau thường có mối quan hệ gián tiếp với các đối tượng xây lắp như: tiền lương nhân viên quản lý đội xây lắp, khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ được tính theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp và nhân viên quản lý đội, khấu hao tài sản cố định dùng cho hoạt động của đội và những chi phí khác liên quan đến hoạt động của đội.

Các khoản chi phí sản xuất chung thường được tập hợp theo từng địa điểm phát sinh chi phí (tổ, đội...) cuối kỳ sẽ tiến hành phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí.

Công thức phân bổ chi phí SXC.

$$\begin{array}{l} \text{Mức chi phí SXC} \\ \text{phân bổ cho từng} \\ \text{đối tượng} \end{array} = \frac{\text{Tổng chi phí SXC cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của các} \\ \text{đối tượng}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng tiêu thức} \\ \text{phân bổ của} \\ \text{từng đối tượng} \end{array}$$

*** Tài khoản sử dụng:**

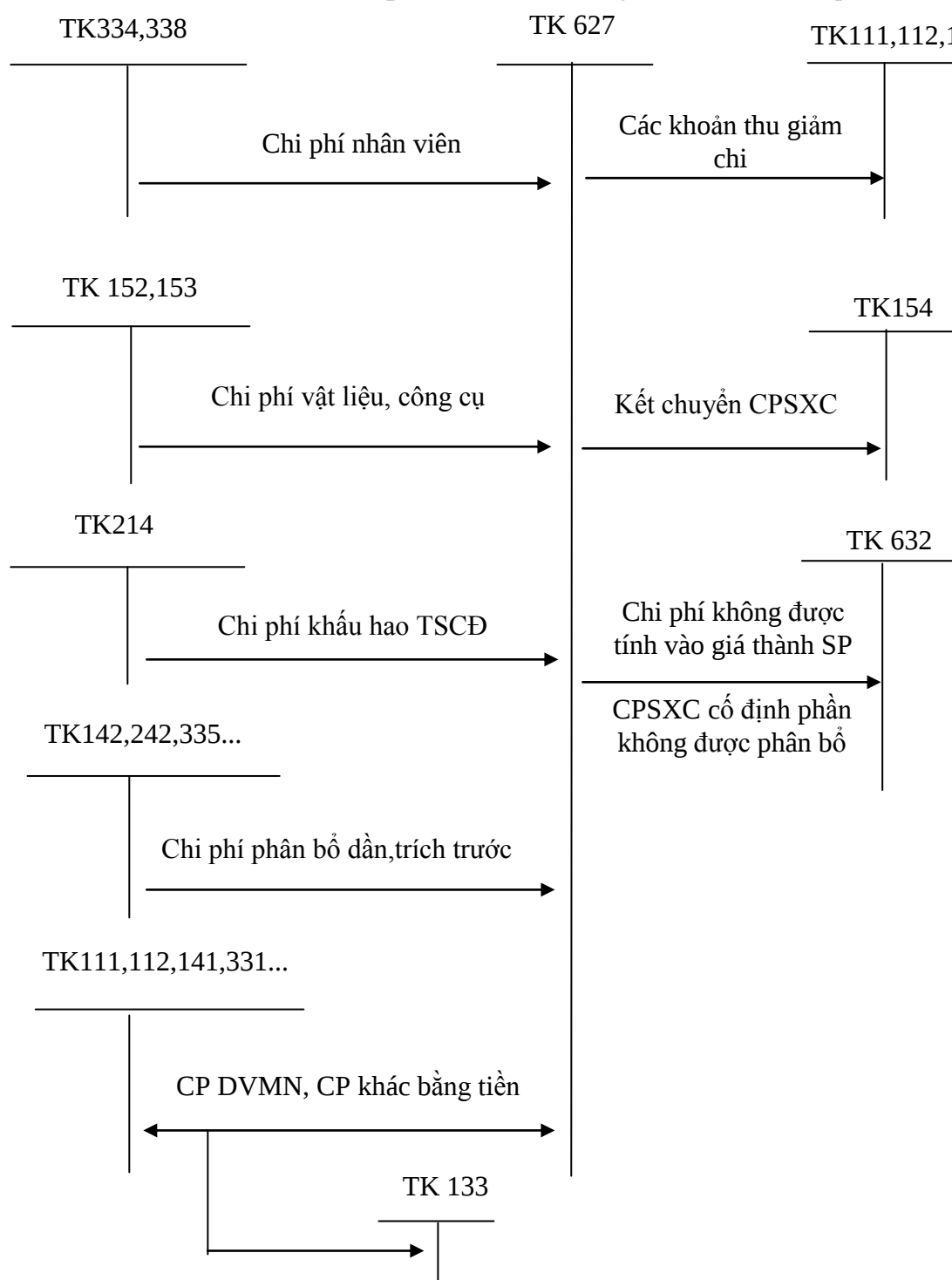
Để phản ánh và phân bổ chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng TK627 “Chi phí sản xuất chung”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của cả đội, công trình xây lắp.

Tài khoản này có thể mở chi tiết cho từng công trình, từng đội thi công, từng bộ phận và cũng được mở đồng thời các tài khoản cấp 2 để theo dõi chi phí sản xuất chung theo yếu tố chi phí sản xuất. Trong đó:

- TK 6271: Chi phí nhân viên quản lý xí nghiệp, tổ, đội sản xuất.
- TK 6272: Chi phí vật liệu.
- TK 6273: Chi phí dụng cụ sản xuất.
- TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài khác.
- TK 6278: Chi phí khác bằng tiền.

*** Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất chung:**

Trình tự hạch toán chi phí sản xuất chung được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.4. Trình tự kế toán chi phí sản xuất chung

1.3.2. Tổng hợp chi phí sản xuất và đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.2.1. Tổng hợp chi phí sản xuất

Căn cứ vào đối tượng hạch toán chi phí và phương pháp hạch toán chi phí đã xác định tương ứng, cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí dụng cụ MTC, chi phí SXC vào bên Nợ TK 154 - chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.

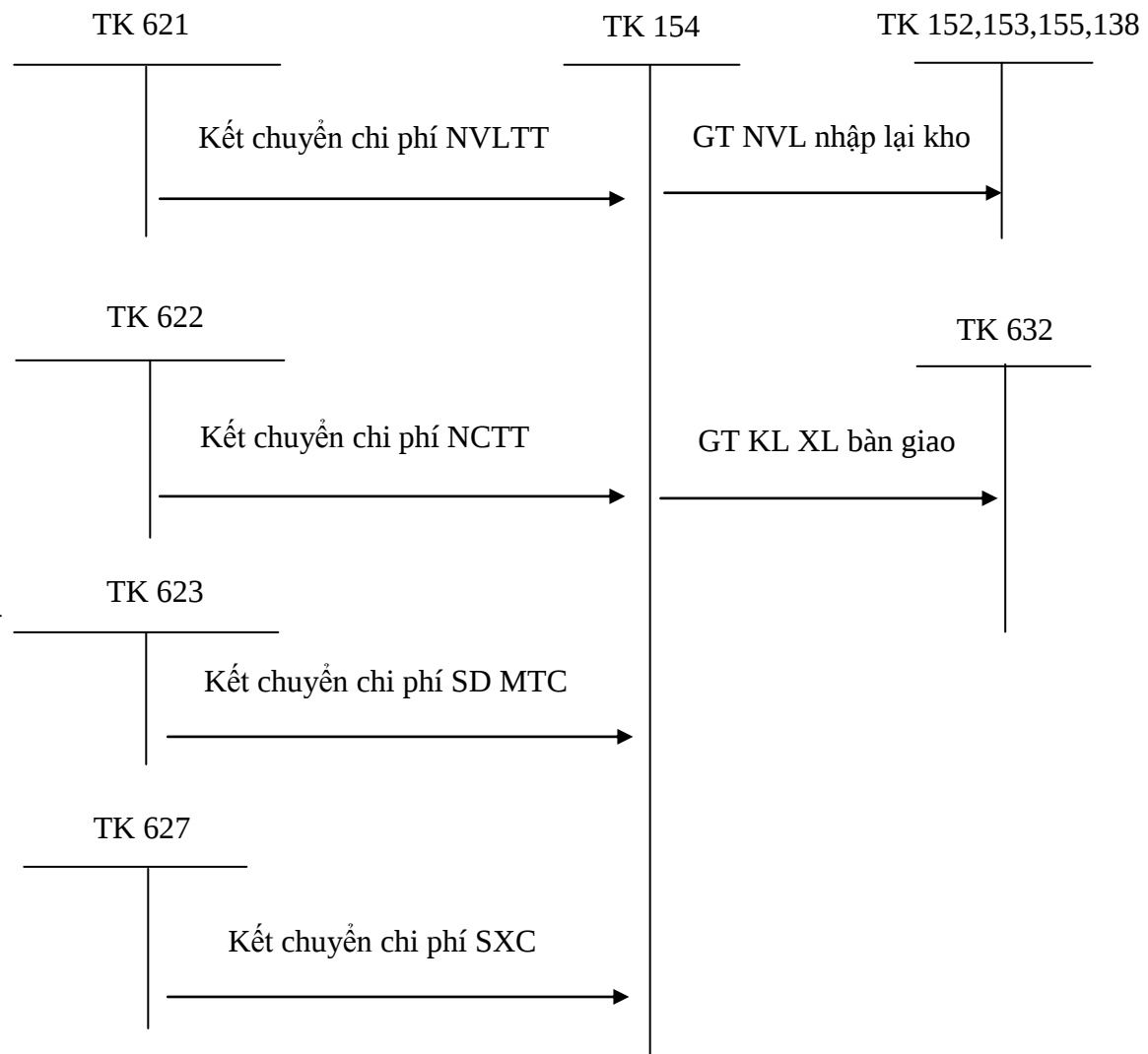
*** Nguyên tắc hạch toán TK 154:**

- Chi phí sản xuất kinh doanh hạch toán trên TK 154 phải được chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí, theo loại hoặc nhóm sản phẩm - sản phẩm, hoặc chi tiết bộ phận sản phẩm,...

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phản ánh trên TK 154 chỉ gồm những chi phí: Chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí sử dụng MTC và chi phí SXC mà không phản ánh những chi phí như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý, chi phí tài chính,...

*** Phương pháp hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất**

Quy trình tập hợp chi phí được khái quát qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.5. Kế toán CPSX toàn DN theo phương pháp KKTX

1.3.2.2.Đánh giá sản phẩm xây lắp dở dang

Sản phẩm dở dang là những sản phẩm chưa kết thúc giai đoạn chế biến, còn đang nằm trong quá trình sản xuất. Để tính được giá thành sản phẩm doanh nghiệp cần thiết phải tiến hành kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang.

Với đặc điểm thi công của các công trình xây dựng là thời gian thường kéo dài, khối lượng công việc lớn, kết cấu phức tạp,...nên cuối kỳ kế toán sẽ có những công trình - hạng mục công trình chưa hoàn thành. Do đó, sản phẩm dở dang trong sản xuất xây lắp là các công trình - hạng mục đang thi công dở dang, chưa hoàn thành hoặc khối lượng công tác xây lắp dở dang trong kỳ chưa được chủ đầu tư nghiệm thu, chưa chấp nhận thanh toán.

Xác định sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp chính là việc tính toán, xác định phần chi phí sản xuất trong kỳ cho khối lượng sản phẩm làm dở dang cuối kỳ. Việc tính giá sản phẩm dở dang phụ thuộc vào phương thức thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành giữa bên nhận thầu và chủ đầu tư.

Nếu qui định thanh toán sản phẩm xây lắp sau khi hoàn thành toàn bộ thì giá trị sản phẩm dở dang là tổng chi phí lũy kế phát sinh từ lúc khởi công đến cuối mỗi kỳ. Cụ thể:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá trị sản phẩm} & & \text{Giá trị sản phẩm} & & \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{xây lắp dở dang} & = & \text{xây lắp dở dang} & + & \text{phát sinh trong} \\ \text{cuối kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{kỳ} \end{array}$$

Nếu qui định thanh toán sản phẩm xây lắp theo điểm dừng kỹ thuật hợp lý (theo giai đoạn hoàn thành) thì sản phẩm dở dang là khối lượng xây lắp chưa đạt tới điểm dừng kỹ thuật hợp lý đã qui định và được tính theo chi phí thực tế trên cơ sở phân bổ chi phí của hạng mục công trình đó cho các giai đoạn, tổ hợp công việc đã hoàn thành và giai đoạn còn dở dang theo giá trị dự toán của chúng. Cụ thể công thức như sau:

$$\begin{array}{ccccc} & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & \\ & \text{dở dang đầu kỳ} & + & \text{phát sinh trong kỳ} & \\ \text{Giá trị khối} & & & & \text{Giá trị khối lượng} \\ \text{lượng xây} & & & & \text{xây lắp dở dang} \\ \text{lắp dở dang} & = & \frac{\text{Giá trị của khối} & \text{Giá trị khối lượng} & \times \\ \text{cuối kỳ}}{\text{hoàn thành theo}} & + & \text{xây lắp dở dang} & \text{cuối kỳ theo dự} & \text{toán} \\ & \text{dự toán} & & \text{toán} & \end{array}$$

1.3.3. Tính giá thành sản phẩm xây lắp

1.3.3.1. Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp

Để tính giá thành sản phẩm được một cách chính xác, kịp thời đồng thời có thể kiểm tra và quản lý được tình hình thực hiện kế hoạch giá thành thì công việc đầu tiên đòi hỏi nhà quản lý cần phải làm trong công tác tính giá thành đó là xác định đối tượng tính giá thành. Xác định đối tượng tính giá thành là việc xác định sản phẩm, bán thành phẩm, công việc, lao vụ nhất định đòi hỏi phải tính giá thành một đơn vị. Việc xác định đúng đối tượng tính giá thành có tầm quan trọng đặc biệt, giúp kế toán ghi sổ và lập thẻ tính giá thành chính xác.

Đối với doanh nghiệp xây lắp, *đối tượng tính giá thành là các công trình - hạng mục công trình đã hoàn thành, các giai đoạn công việc đã hoàn thành, khối lượng xây lắp có tính dự toán riêng đã hoàn thành, ...*

Cần phân biệt giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành, tuy nhiên trong doanh nghiệp xây lắp thì đối tượng tính giá thành thường trùng với đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.

Tùy theo mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành mà doanh nghiệp có thể lựa chọn phương pháp tính giá thành thích hợp.

1.3.3.2. Kỳ tính giá thành trong sản xuất xây lắp

Kỳ tính giá thành là thời kỳ bộ phận kế toán giá thành cần tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành.

Kỳ tính giá thành trong xây dựng cơ bản phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất sản phẩm xây lắp và hình thức nghiệm thu bàn giao khối lượng sản phẩm hoàn thành để xác định cho phù hợp.

Thông thường trong doanh nghiệp xây lắp kỳ tính giá thành được xác định như sau:

- Nếu đối tượng tính giá thành là công trình, hạng mục công trình hoàn thành hoặc theo đơn đặt hàng thì thời điểm tính giá thành là khi công trình, hạng mục công trình hoặc đơn đặt hàng hoàn thành.
- Nếu đối tượng tính giá thành là các hạng mục công trình được quy định thanh toán theo giai đoạn xây dựng thì kỳ tính giá thành là theo giai đoạn xây dựng hoàn thành.
- Nếu đối tượng tính giá thành là những hạng mục công trình được quy định thanh toán định kỳ theo khối lượng từng công việc trên cơ sở giá dự toán thì kỳ tính giá thành là theo cuối tháng hoặc cuối quý.

1.3.3.3. Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp sử dụng số liệu về chi phí sản xuất để tính toán ra tổng giá thành và giá thành đơn vị thực tế của sản phẩm hoặc lao vụ đã hoàn thành theo các yếu tố hoặc khoản mục giá thành trong kỳ tính giá thành đã được xác định.

Tùy theo đặc điểm của từng đối tượng tính giá thành, mối quan hệ giữa các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành mà kế toán phải lựa chọn sử dụng một hoặc kết hợp nhiều phương pháp thích hợp để tính giá thành cho từng đối tượng. Trong các doanh nghiệp xây lắp thường áp dụng phương pháp tính giá thành sau:

**Phương pháp tính giá thành trực tiếp (giản đơn):*

Đây là phương pháp tính giá thành phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp. Vì hiện nay sản xuất sản phẩm xây lắp mang tính đơn chiếc cho nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường phù hợp với đối tượng tính giá thành. Hơn nữa áp dụng phương pháp này cho phép cung cấp kịp thời số liệu giá thành cho mỗi kỳ báo cáo, cách tính toán thực hiện đơn giản dễ dàng.

Theo phương pháp này thì tất cả các chi phí phát sinh trực tiếp cho một công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành chính thức là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình đó.

Giá thành sản phẩm theo phương pháp này được tính như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực tế} & & \text{Chi phí thực tế} & & \text{Chi phí thực tế} & & \text{Chi phí thực tế} \\ \text{của KLXL hoàn} & = & \text{dở dang} & + & \text{phát sinh} & - & \text{dở dang} \\ \text{thành bàn giao} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Trong trường hợp chi phí sản xuất tập hợp cho cả công trình nhưng giá thành thực tế phải tính riêng cho từng hạng mục công trình, kế toán có thể căn cứ vào chi phí sản xuất của cả nhóm và hệ số kinh tế kỹ thuật đã quy định cho từng hạng mục công trình để tính giá thực tế cho từng hạng mục công trình.

** Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng(ĐDH):*

Phương pháp này áp dụng thích hợp trong trường hợp doanh nghiệp nhận thầu xây lắp theo ĐDH. Khi đó đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành là từng loại ĐDH .

Theo phương pháp này, hàng tháng chi phí sản xuất thực tế phát sinh được tập hợp theo từng ĐDH và khi hoàn thành công trình thì chi phí sản xuất thực tế tập hợp được cũng chính là giá thành thực tế của ĐDH đó.

** Phương pháp tính giá thành theo định mức:*

Phương pháp này áp dụng đối với các doanh nghiệp xây dựng thoả mãn các điều kiện sau:

- Phải tính được giá thành định mức trên cơ sở các định mức và đơn giá tại thời điểm tính giá thành.
- Vạch ra được một cách chính xác các thay đổi về định mức trong quá trình thực hiện thi công công trình.
- Xác định được các chênh lệch định mức và nguyên nhân gây ra chênh lệch đó.

Theo phương pháp này giá thành thực tế sản phẩm xây lắp được xác định:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực} & & \text{Giá thành định} & & \text{Chênh lệch} & & \text{Chênh lệch} \\ \text{tế của sản phẩm} & = & \text{mức của sản} & \pm & \text{do thay đổi} & \pm & \text{do thoát ly} \\ \text{xây lắp} & & \text{phẩm xây lắp} & & \text{định mức} & & \text{định mức} \end{array}$$

** Phương pháp tổng cộng chi phí*

Phương pháp này được áp dụng thích hợp với công việc xây dựng các công trình lớn, phức tạp và quá trình xây lắp sản phẩm có thể chia ra cho các đội sản xuất khác nhau. Khi đó đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đội sản xuất, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành cuối cùng.

Để tính giá thành sản phẩm cuối cùng phải tổng hợp chi phí sản xuất trừ đi chi phí thực tế của sản phẩm dở dang cuối kỳ của từng đội và cộng thêm chi phí thực tế của sản phẩm dở dang đầu kỳ. Công thức tính như sau:

$$Z = Dđk + C1 + C2 + \dots + Cn - Dck$$

Trong đó:

Z : Giá thành thực tế của toàn bộ công trình.

Dđk : Chi phí thực tế sản phẩm dở dang đầu kỳ.

C1, C2,..., Cn : Chi phí sản xuất ở từng đội sản xuất hay từng hạng mục công trình của một công trình.

Dck : Chi phí thực tế sản phẩm dở dang cuối kỳ.

** Phương pháp tỷ lệ:*

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp mà đối tượng tập hợp chi phí sản xuất theo nhóm sản phẩm nhưng đối tượng tính giá thành lại là sản phẩm từng loại. Khi đó, kế toán căn cứ vào tỷ lệ chi phí giữa chi phí sản xuất thực tế với chi phí sản xuất kế hoạch (hoặc dự toán) của các công trình - hạng mục công trình liên quan.

$$\begin{array}{ccc} \begin{array}{c} \text{Giá thành} \\ \text{thực tế sản} \\ \text{phẩm hoàn} \\ \text{thành} \end{array} & = & \begin{array}{c} \text{Giá thành kế hoạch} \\ \text{(dự toán)} \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Tỷ lệ giữa chi phí} \\ \text{thực tế so với kế} \\ \text{hoạch (dự toán)} \end{array} \end{array}$$

Như vậy, để tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành ta có thể tính bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong DN xây lắp thì sản phẩm cuối cùng là các công trình - hạng mục công trình xây dựng xong và đưa vào sử dụng do đó hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành là tính được giá thành của sản phẩm đó. Tuy nhiên, với đặc thù của ngành sản xuất xây lắp và phương thức thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, trong kỳ kế toán có thể có một bộ phận công trình hoặc

khối lượng hoàn thành được thanh toán với chủ đầu tư. Vì vậy, trong từng thời kỳ báo cáo ngoài việc tính giá thành các hạng mục công trình đã hoàn thành phải tính giá thành khối lượng công tác xây lắp hoàn thành và bàn giao trong kỳ.

Sau khi xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ và tính giá thành sản phẩm hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư kế toán ghi:

Nợ TK 632 - giá vốn hàng bán

Có TK 154- chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Để phục vụ cho mục đích so sánh, phân tích chi phí sản xuất và tính giá thành với dự toán, kế toán cần lập thẻ tính giá thành chi tiết theo khoản mục chi phí. Căn cứ để lập thẻ tính giá thành là sổ hạch toán chi tiết chi phí sản xuất kỳ này, bảng kê đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ và thẻ tính giá thành kỳ trước. Nếu trong đàngoanh nghiệp có nhiều công trình hoàn thành thì kế toán lập bảng tổng hợp giá thành.

1.4.HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN SỬ DỤNG ĐỂ TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM Ở DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.

Hình thức tổ chức sổ kế toán là hình thức kết hợp các loại sổ sách có kết cấu khác nhau theo một trình tự hạch toán nhất định nhằm hoàn thiện hoá và tính toán các chỉ tiêu theo yêu cầu quản lý kinh doanh.

Theo qui định thì tất cả các doanh nghiệp xây lắp thuộc mọi loại hình, mọi thành phần kinh tế đều phải mở sổ, ghi chép, quản lý, bảo quản và lưu trữ sổ kế toán theo đúng qui định của chế độ sổ kế toán này.Theo chế độ quy định mỗi doanh nghiệp chỉ được áp dụng thống nhất một trong 5 hình thức tổ chức sổ kế toán sau:

- Hình thức Nhật ký - sổ cái
- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Doanh nghiệp phải căn cứ vào qui mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý và trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị

kỹ thuật mà lựa chọn một hình thức sổ kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng qui định của hình thức sổ kế toán đó gồm: Các loại sổ và kết cấu các loại sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán. Sau đây, em xin trình bày hình thức sổ Nhật ký chung là hình thức sổ mà đơn vị thực tập đang áp dụng.

1.4.1.Điều kiện áp dụng:

Hình thức Nhật ký chung được áp dụng cho các doanh nghiệp có qui mô lớn, sử dụng kế toán thủ công hoặc kế toán máy, yêu cầu quản lý cao. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh đều phải ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

1.4.2.Sổ kế toán sử dụng

Theo hình thức kế toán Nhật ký chung, các sổ kế toán sử dụng để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp bao gồm:

****Sổ kế toán tổng hợp:***

Sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

+/- Nhật ký chung: dùng để ghi chép toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh theo trình tự thời gian, bên cạnh đó thực hiện việc phản ánh theo quan hệ đối ứng tài khoản làm căn cứ ghi sổ cái.

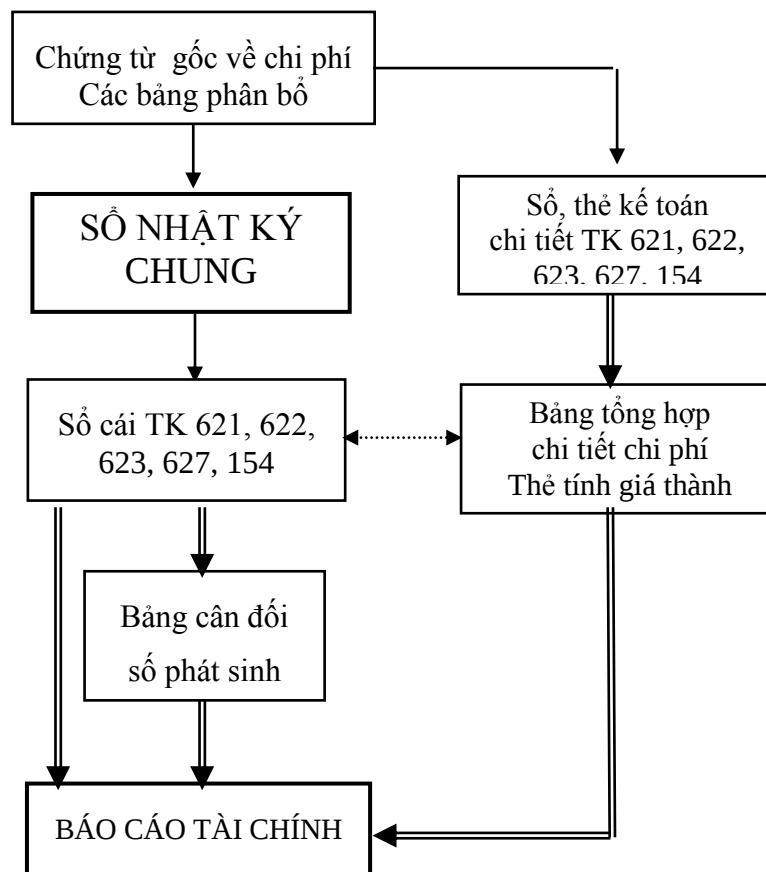
+/-Sổ cái các tài khoản liên quan: được mở để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh theo từng tài khoản như Sổ cái TK 154, TK 621, 622,623,...

****Sổ kế toán chi tiết:***

Phân hành chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm mở các sổ kế toán chi tiết sau: Sổ chi tiết tài khoản 621, 622, 623, 627,154

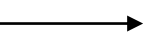
1.4.3.Trình tự hạch toán

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung được thể hiện dưới sơ đồ sau:



**Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán chi phí và giá thành sản phẩm xây lắp theo
Hình thức Nhật ký chung**

Ghi chú:

-  ghi hàng ngày
-  ghi cuối tháng, hoặc định kì
-  quan hệ đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP VIỆT HUNG

2.1.TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH XÂY LẮP VIỆT HUNG

2.1.1.Quà trình hình thành và phát triển:

- ❖ Tên giao dịch Tiếng Việt: **Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng.**
- ❖ Tên giao dịch Tiếng Anh: **Viet Hung construction installation co.LTD.**
- ❖ Tên viết tắt : **VCIC** **ISO 9001:2000**
- ❖ Nhà máy sản xuất : **Thôn Khánh Thịnh - An Hồng - An Dương – HP.**
- ❖ Tel : **(031) 3.210795 – (031) 3.594082**
- ❖ Fax : **(031) 3.594082**
- ❖ Email : **xlviethung@gmail.com**
- ❖ Văn phòng giao dịch : **Số 16 đường Hùng Vương - Phường Sở Dầu
Quận Hồng Bàng – Tp.Hải Phòng**
- ❖ Tel : **(031) 3.540719**

Công ty được thành lập theo luật doanh nghiệp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội thông qua ngày 29-12-1996.

Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0102001219 do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp.

Đăng ký lại lần I : Ngày 07 tháng 07 năm 2005.

Đăng ký lại lần II : Ngày 20 tháng 12 năm 2007.

Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng có đầy đủ tư cách pháp nhân,có tài khoản tại ngân hàng Á Châu(ACB) Hải Phòng và sử dụng con dấu theo quy định của nhà nước. Kể từ khi thành lập từ năm 1996 đến nay, Công ty đã không ngừng phát triển và đầu tư, mở rộng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng có đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm là Tiến sĩ khoa học ,có hơn 30

cộng tác. Đội ngũ kỹ sư xây dựng, kỹ sư chế tạo máy, kỹ sư điện v.v...có từ 32 năm đến 15 năm công tác quản lý doanh nghiệp, là giám đốc, phó giám đốc, trưởng phòng, phó phòng, đội trưởng v.v... nhiệt tình, có trách nhiệm trong quản lý và điều hành sản xuất. Đội ngũ công nhân cần cù, chịu khó, có tay nghề vững vàng, giàu kinh nghiệm, sẵn sàng thực hiện mọi nhiệm vụ sản xuất được giao.

Công ty có lực lượng phương tiện thiết bị hùng hậu trong các lĩnh vực xây dựng, vận tải, với 115 phương tiện vận tải, thiết bị thi công, xây lắp và đầu máy san ủi các loại.

Để tồn tại và phát triển trong hơn 15 năm qua, Công ty đã phải trải qua nhiều bước thăng trầm, nhưng với những chính sách năng động và hợp lý, với phương châm đi lên mạnh dạn, táo bạo nhưng chắc chắn, Công ty đã từng bước mở rộng sản xuất tập trung nguồn lực cạnh tranh chiếm lĩnh thị trường, tạo việc làm ổn định cho công nhân, tăng năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước.

Từ một xí nghiệp chuyên thi công các dự án nhỏ, chủ yếu là các địa phương, đến nay Công ty đã tổ chức tốt công tác tiếp thị, đấu thầu và thi công các dự án có quy mô vừa và lớn, trong đó có nhiều công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, công nghệ thi công mới. Về cơ cấu sản phẩm, từ một đơn vị thi công các dự án có quy mô vừa và lớn, trong đó có nhiều công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, công nghệ thi công mới, Công ty đã tạo được uy tín với các chủ đầu tư và chỗ đứng trên nhiều địa bàn quan trọng.

Các công trình công ty đã và đang tham gia thi công như: Chế tạo lắp đặt kết cấu thép dầm Hà Bắc, Chế tạo lắp đặt 2700m² nhà xưởng mì Phú Cường, Công trình Kho thông quan Ngoại Quan, Chế tạo khung dầm nhiệt điện Phả Lại, Nhà Joton- Công ty CP thiết bị CN&MT Á Châu, Thi công chế tạo nhà xưởng AQUANA v.v... cùng nhiều công trình dân dụng, công nghiệp với nhiều quy mô khác nhau trên phạm vi cả nước.

2.1.2. Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

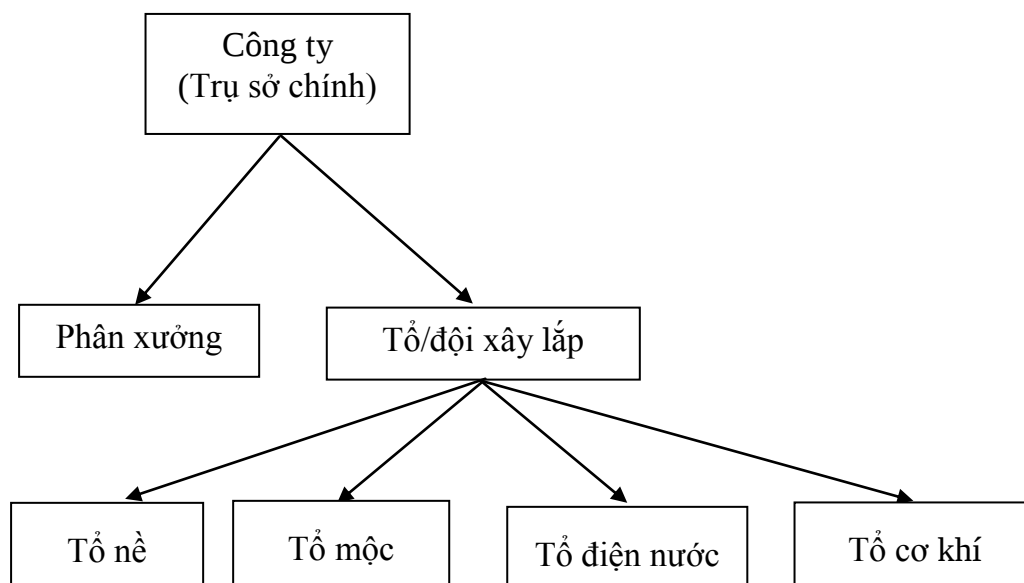
Đề hoà chung với nhịp độ phát triển kinh tế của cả nước, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh đồng thời để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ mới của mình trong từng giai đoạn nhất định công ty đã có nhiều cố gắng trong việc nâng cao chất lượng lao động, đa dạng hoá các ngành nghề kinh doanh.

Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng hiện đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 nhằm đảm bảo hệ thống luôn được kiểm soát để cung cấp đến khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất.

Các ngành nghề kinh doanh mà hiện nay công ty đang tham gia bao gồm:

1. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, công trình hạ tầng, trang trí nội ngoại thất và san lấp mặt bằng.
2. Đầu tư và kinh doanh bất động sản.
3. Chế tạo và lắp đặt các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng công nghiệp và dân dụng.
4. Chế tạo và lắp đặt các thiết bị phi tiêu chuẩn.
5. Kinh doanh vật liệu xây dựng, đồ điện gia dụng, đồ nội thất, kim khí, máy móc, thiết bị.
6. Vận chuyển và dịch vụ vận chuyển hàng hóa thủy bộ.
7. Dịch vụ cho thuê nhà xưởng kho bãi.

Với những nhiệm vụ kinh doanh của mình và để thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh ấy, mang lại kết quả kinh doanh cao công ty đã tổ chức hoạt động kinh doanh với mô hình như sau:



Sơ đồ 2.1: Tổ chức hoạt động kinh doanh tại công ty

Trong đó:

Tại Công ty là nơi làm việc của ban Giám đốc, của phòng kế toán và kỹ thuật, là nơi diễn ra các giao dịch kinh tế - ký kết hợp đồng, quản lý các phòng ban, thực hiện công tác kế toán và thiết kế kỹ thuật. Đồng thời, là nơi mà Ban Giám đốc đưa ra các quyết định kinh doanh chỉ thị xuống các phân xưởng, các tổ/ đội xây dựng làm việc theo quyết định ấy.

Phân xưởng và các tổ/ đội xây dựng thường xuyên được chỉ đạo bởi công ty và có nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu, đề nghị của công ty. Mặt khác, cũng phải báo cáo về tình hình thực hiện cho các phòng ban trên công ty biết để có hướng giải quyết những vấn đề nảy sinh cũng như đưa ra các quyết định kinh doanh mới.

Tại tổ/ đội xây dựng thì đứng đầu là ban điều hành hiện trường có nhiệm vụ chỉ đạo chung. Tổ/ đội xây dựng được phân thành các tổ/ đội riêng biệt như: tổ nề, tổ mộc,... với chức năng - nhiệm vụ khác nhau nhằm đảm bảo việc hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra nhanh và hiệu quả, các công việc không bị chồng chéo lên nhau giữa các tổ. Trong đó:

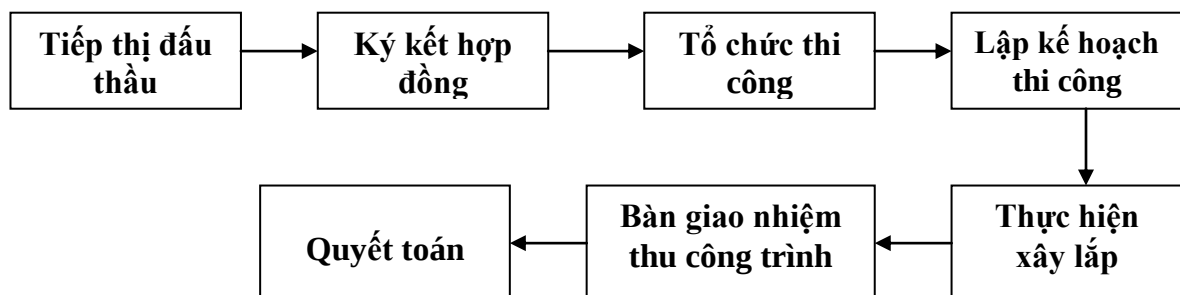
+/ Tổ nề: Có nhiệm vụ tiến hành thi công về các mặt như: xây, trát, bê tông, làm móng, làm sàn,...chịu sự chỉ đạo trực tiếp từ ban điều hành.

+/ Tổ cơ khí: Gia công chi tiết và các cấu kiện lắp đặt các bộ phận của công trình tại xưởng trên những nguyên vật liệu như tôn, thép, sắt,...sau đó tiến hành lắp đặt tại công trình.

+/ Tổ mộc: Gia công chi tiết và các cấu kiện lắp đặt các bộ phận như hệ thống cửa,

+/ Tổ lắp đặt điện nước: Sau khi các công việc do các tổ khác gần như đã hoàn thành thì tổ lắp đặt điện nước có nhiệm vụ lắp đặt hệ thống điện nước cho công trình.

Doanh nghiệp xây lắp là doanh nghiệp sản xuất đặc biệt, sản phẩm xây lắp sau khi hoàn thành trở thành tài sản và được bàn giao cho chủ đầu tư, vì vậy giá trị của sản phẩm là rất lớn. Do đó, để sản xuất ra một sản phẩm thì tại công ty TNHH xây lắp Việt Hưng đã thực hiện theo một quy trình công nghệ cụ thể như sau:



Sơ đồ 2.2: Quy trình công nghệ sản xuất của Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng

Quá trình sản xuất của công ty bắt đầu từ khi công ty tham gia đấu thầu hoặc được giao thầu xây dựng. Sau khi nhận nghiên cứu hồ sơ mời thầu xây lắp của khách hàng thì công ty lập hồ sơ dự thầu bao gồm đơn xin dự thầu, thuyết minh về giá, đơn cam kết, các giấy tờ chứng minh về kinh nghiệm và khả năng thi công, bố trí nhân sự,...gửi cho đơn vị mời thầu. Sau khi trúng thầu hoặc được giao thầu thì hợp đồng giao nhận thầu xây lắp được thực hiện giữa hai bên thể hiện quyền và

nghĩa vụ của mỗi bên trong đó phải ghi rõ các thoả thuận về giá trị công trình, thời gian thi công, phương thức thanh toán, bảo hành,...

Khi hợp đồng xây lắp có hiệu lực công ty tiến hành tổ chức sản xuất. Với đặc điểm của sản phẩm xây lắp có giá trị lớn nên cần được lập dự toán một cách chi tiết và bao quát toàn bộ quá trình từ khi bắt đầu thực hiện đến khi kết thúc mọi công việc và trong quá trình sản xuất luôn luôn so sánh dự toán, lấy dự toán làm thước đo.

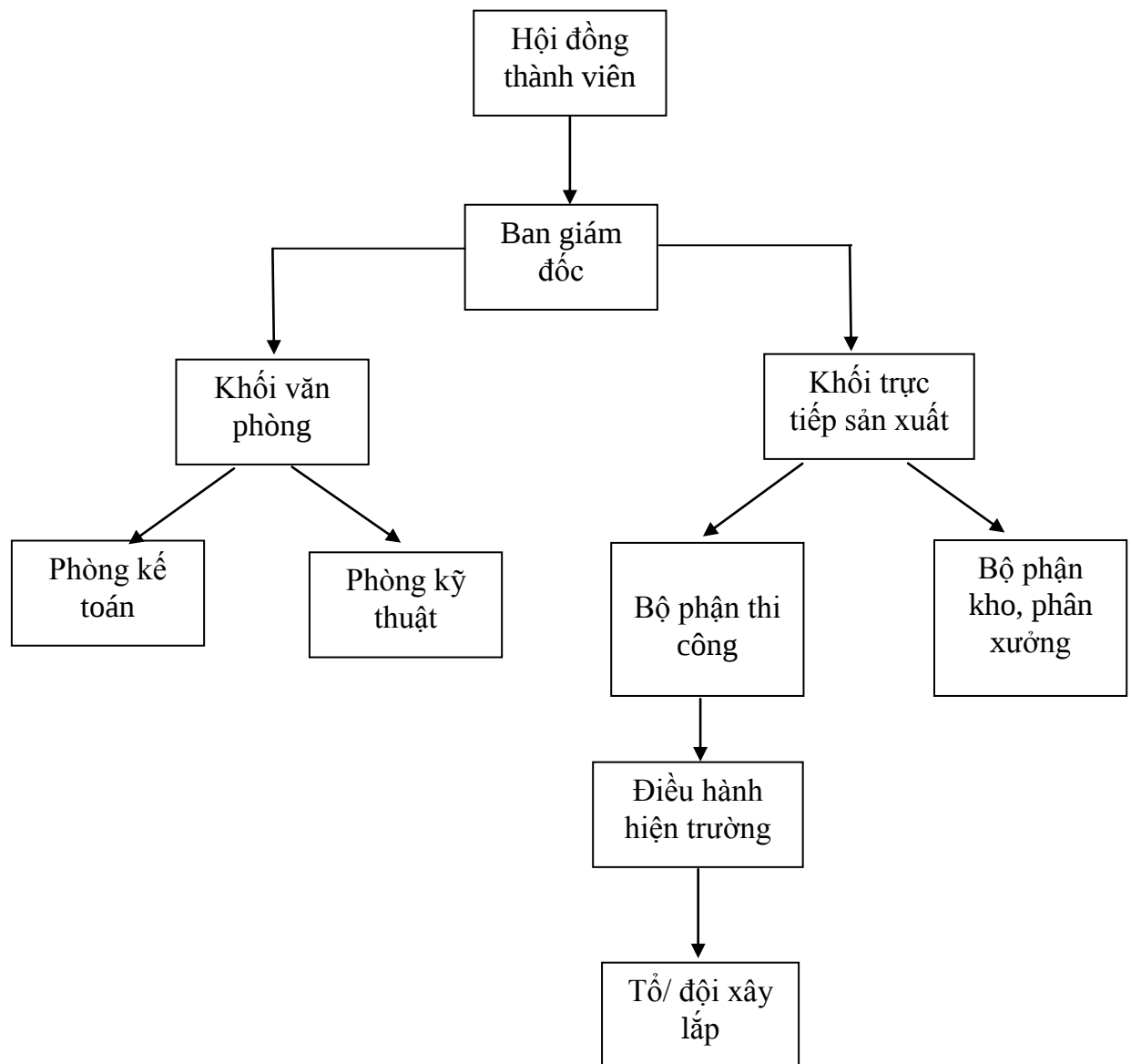
Trên cơ sở các mẫu đã thiết kế, công ty giao khoán trực tiếp cho các đội xây dựng, các đội xây dựng tiến hành thi công chia theo từng giai đoạn.

Sau khi hoàn thiện bên giao thầu sẽ nghiệm thu công trình, công ty tiến hành quyết toán và bên giao thầu có nhiệm vụ thanh toán như hợp đồng xây lắp đã ký kết.

Tuy nhiên, đối với những công trình nhỏ hoặc hạng mục công trình không cần tham gia đấu thầu thì công ty chỉ cần gửi bảng báo giá tới khách hàng và sau đó ký kết hợp đồng và thi công công việc theo hợp đồng như đã thoả thuận.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý điều hành của công ty TNHH xây lắp Việt Hưng được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.3: Bộ máy quản lý điều hành của công ty TNHH xây lắp Việt Hưng

*** Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban:**

- *Hội đồng thành viên*: là cơ quan cao nhất có quyền và nhiệm vụ sau: Quyết định phương hướng phát triển của công ty, việc tăng - giảm vốn điều lệ, thời điểm và phương thức huy động thêm vốn. Bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, kế toán trưởng,...quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty.

- *Ban Giám đốc*: Là người đại diện theo pháp luật của công ty, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Có nhiệm vụ ký kết hợp đồng kinh tế, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và đầu tư của công ty, hướng dẫn các phòng ban thực hiện các nhiệm vụ và tuyển dụng lao động,...

- *Phòng tài chính kế toán*: Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc với nhiệm vụ hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ, cung cấp số liệu, thông tin chính xác - kịp thời - đầy đủ cho ban Giám đốc và các bộ phận có liên quan nhằm phục vụ công tác quản lý. Hạch toán chính xác các khoản chi phí và tính giá thành sản phẩm công trình cũng như các phân hành kế toán khác, cuối kỳ lập các báo cáo tài chính.

- *Phòng kỹ thuật*: Có nhiệm vụ chủ yếu là giám sát, chỉ đạo về mặt kỹ thuật đối với các công trình xây lắp đã và sẽ đưa vào thi công, lập dự toán và kiểm tra thường xuyên các định mức kỹ thuật, các thông số xây dựng,...

- *Bộ phận kho*: Được phụ trách bởi thủ kho, thủ kho có nhiệm vụ nhập - xuất NVL cho công trình khi có lệnh yêu cầu. Thường xuyên thông báo với Giám đốc về tình hình vật tư trong kho để đảm bảo cung ứng kịp thời. Đồng thời thủ kho phải chuyển các chứng từ về phòng kế toán để theo dõi.

- *Bộ phận thi công*: Đứng đầu là Ban điều hành hiện trường: Có nhiệm vụ điều hành chung và chỉ đạo sát sao các tổ thực hiện việc thi công tại công trình về các mặt: tiến độ thi công, kỹ thuật, cung ứng vật tư, an toàn lao động, vệ sinh môi trường,...thường xuyên liên hệ và tiếp nhận thông tin từ chủ đầu tư/ khách hàng để giải quyết những vấn đề tồn tại hay vướng mắc tại công trình. Đồng thời phải lập báo cáo hoặc ghi sổ "Nhật ký công trình" gửi cho ban giám đốc để thông báo về tình hình thi công và xin ý kiến chỉ đạo nếu vấn đề cần giải quyết nằm ngoài khả năng của ban điều hành.

Tổ/ đội xây dựng được chia thành các tổ/ đội riêng biệt để thực hiện quá trình xây lắp tạo ra sản phẩm xây lắp dưới sự chỉ đạo trực tiếp của ban điều hành hiện trường, các tổ đội phải thực hiện đúng các nhiệm vụ của mình và tiến hành thi công theo đúng bản vẽ/ thiết kế kỹ thuật đã có.

Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng không có đội máy thi công riêng vì mỗi tổ thi công cần có những loại máy phục vụ riêng do đó từng tổ sẽ có người phụ trách điều hành máy, ngoài ra công ty còn phải đi thuê thêm máy móc thiết bị để phục vụ công tác thi công.

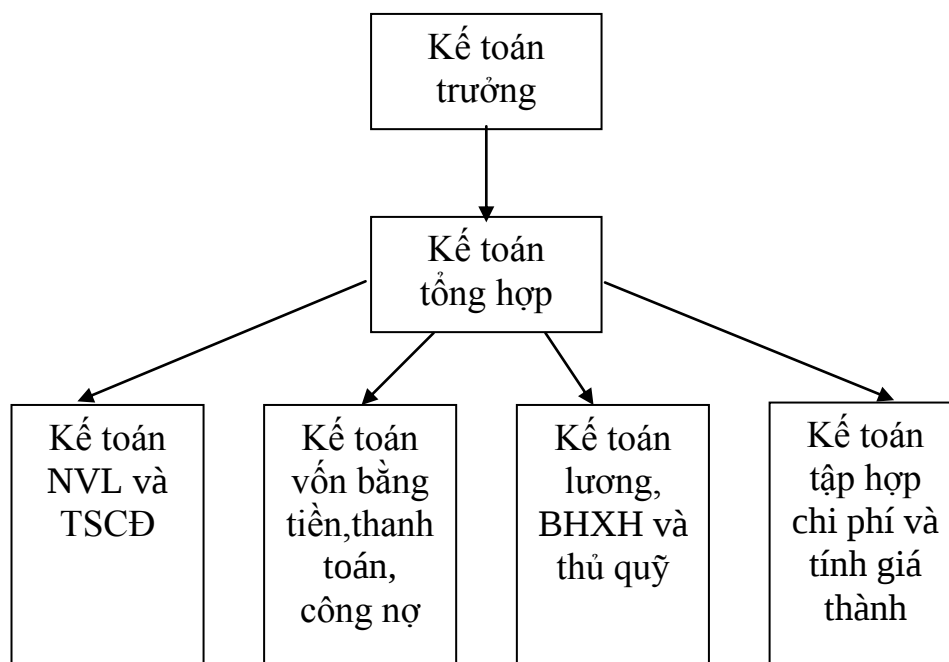
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Phòng tài chính kế toán của công ty có chức năng theo dõi toàn bộ các mặt liên quan tới tài chính của doanh nghiệp nhằm sử dụng vốn đúng mục đích, đúng chế độ chính sách hợp lý và phục vụ cho sản xuất có hiệu quả. Đồng thời có nhiệm vụ tổ chức thực hiện kế toán trong phạm vi công ty.

Phòng kế toán có quyền yêu cầu các phòng ban, các cá nhân có liên quan tới các chứng từ kế toán phải cung cấp kịp thời tất cả các thông tin có liên quan tới các chứng từ gốc nhằm xác định tính có thực của các thông tin, có quyền độc lập về nghiệp vụ và phản ánh những quan điểm của mình về các vấn đề liên quan tới thực hiện thể chế, chế độ chính sách.

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất, công ty áp dụng hình thức tổ chức công tác kế toán kiểu tập trung có nghĩa là toàn doanh nghiệp chỉ có một phòng kế toán làm nhiệm vụ hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết, lập báo cáo kế toán. Hiện nay, bộ máy kế toán của công ty được xây dựng trên mô hình kế toán trưởng kiêm trưởng phòng kế toán. Mô hình được thể hiện trên sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.4: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán công ty TNHH xây lắp Việt Hưng

Trong đó:

- *Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng kế toán*: Do Ban Giám đốc bổ nhiệm, có nhiệm vụ giám sát, phụ trách chung mọi hoạt động của phòng kế toán, chỉ đạo phương thức hạch toán, tham mưu tình hình tài chính và thông tin kịp thời cho ban Giám đốc tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, giải thích các Báo cáo tài chính với các cơ quan quản lý cấp trên.

- *Kế toán tổng hợp*: Có nhiệm vụ tổng hợp các thông tin từ các phân hành kế toán cụ thể để lên bảng cân đối tài khoản và lập các báo cáo cuối kỳ.

- *Kế toán TSCĐ và vật tư*: Có nhiệm vụ chủ yếu là thực hiện kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết các loại TSCĐ, tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, theo dõi lượng nhập - xuất- tồn vật tư toàn công ty.

- *Kế toán vốn bằng tiền, thanh toán kiêm theo dõi công nợ*: Có nhiệm vụ theo dõi sự biến động tăng hay giảm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Đảm bảo việc theo dõi các khoản thu/ chi. Chịu trách nhiệm theo dõi tình hình vay, trả lãi vay, quản lý và giám sát các khoản đã và sẽ thanh toán với khách hàng đồng thời thanh toán với nhà cung cấp.

- *Thủ quỹ*: Chịu trách nhiệm quản lý tiền mặt tại công ty, thu/ chi tiền mặt theo các phiếu chi, thường xuyên báo cáo với ban lãnh đạo về tình hình tiền mặt tồn quỹ.

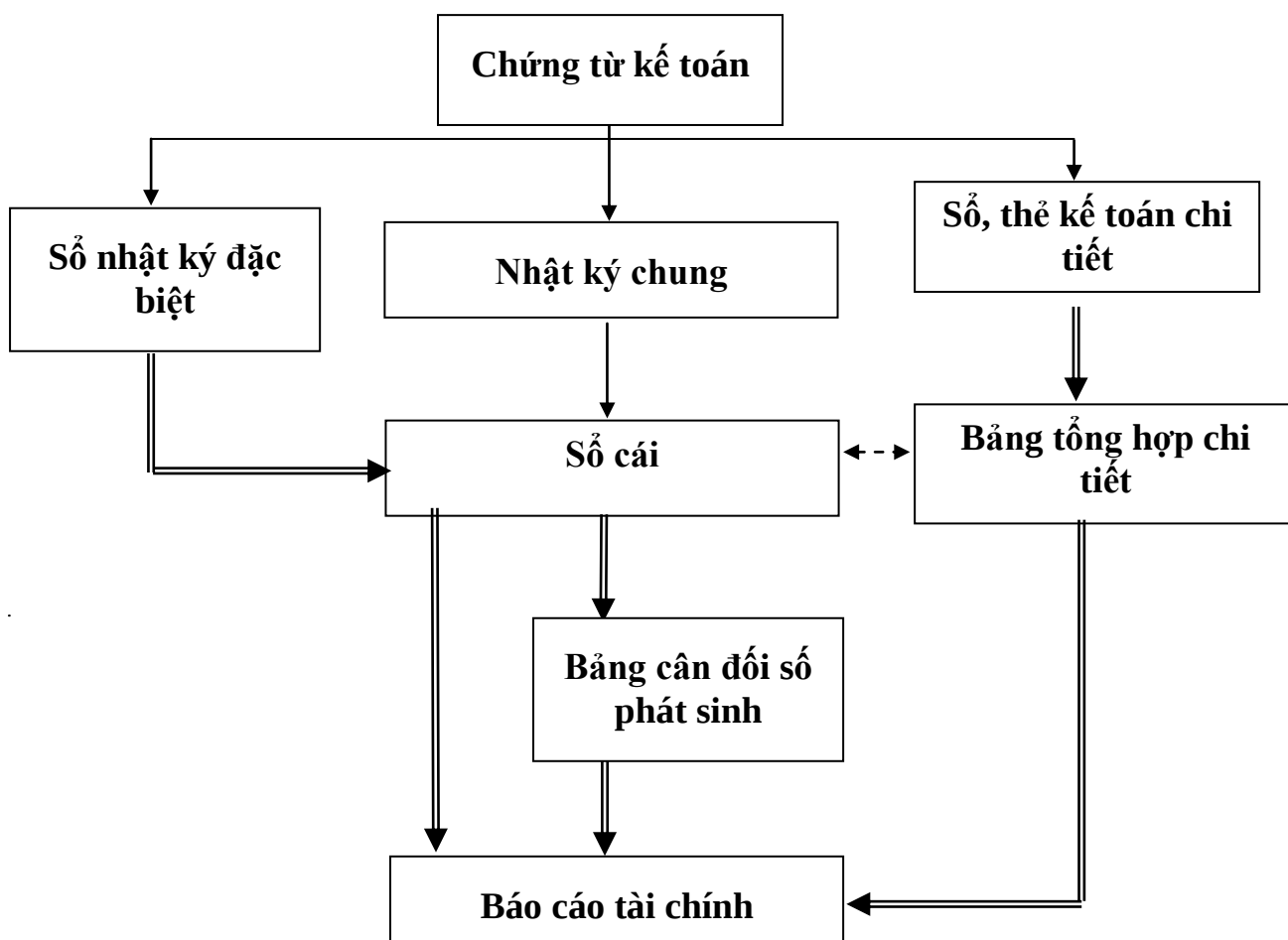
- *Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành*: Có nhiệm vụ là tổng hợp và chi tiết các khoản chi phí và tính giá thành cho từng công trình hoặc hạng mục công trình.

- *Kế toán tiền lương và bảo hiểm xã hội*: Có nhiệm vụ hàng tháng tính ra các khoản tiền lương, tiền phụ cấp, tiền làm thêm cho các công nhân viên và các khoản trích - nộp BHXH, đồng thời phân bổ các khoản đó cho các đối tượng tính giá thành.

2.1.4.2. Hình thức kế toán

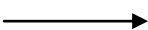
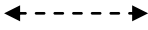
Hiện nay, công ty TNHH xây lắp Việt Hưng áp dụng hình thức Nhật ký chung, tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự phát sinh và định khoản kế toán các nghiệp vụ đó. Đồng thời với việc vào sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được vào các sổ kế toán chi tiết liên quan mở riêng cho từng đối tượng. Sau đó, lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái, lấy số liệu sổ chi tiết vào bảng tổng hợp chi tiết. định kỳ, lấy số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết để lập báo cáo tài chính.

Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

-  ghi hàng ngày
-  ghi cuối tháng, hoặc định kì
-  quan hệ đối chiếu, kiểm

2.1.4.3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ Tài chính.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Kỳ kế toán: tháng
- Đơn vị tiền tệ thống nhất: Việt Nam đồng
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ
- Phương pháp trích khấu hao TSCĐ: khấu hao theo đường thẳng.

2.1.4.4. Nội dung cơ chế khoán áp dụng tại Công ty

*** Đặc điểm phương thức khoán gọn:**

Phương thức khoán sản phẩm xây lắp được thực hiện giữa DN và các đơn vị nội bộ của DN như tổ/đội xây dựng, xí nghiệp xây dựng trong DN đó hiện nay là rất phù hợp với cơ chế thị trường vì nó có thể phát huy được những khả năng sẵn có trên nhiều mặt tại đơn vị cơ sở. Giữa DN và các đơn vị nhận khoán phải ký hợp đồng khoán, khi thực hiện xong phải thanh lý hợp đồng để làm căn cứ ghi sổ kế toán.

Theo quy định hiện nay có 2 phương thức khoán gọn bao gồm:

+ Phương thức khoán theo công trình: Theo phương thức này, đơn vị giao khoán tiến hành khoán toàn bộ giá trị công trình cho bên nhận khoán. Đây là phương thức được áp dụng phổ biến nhất ở các DN xây lắp hiện nay.

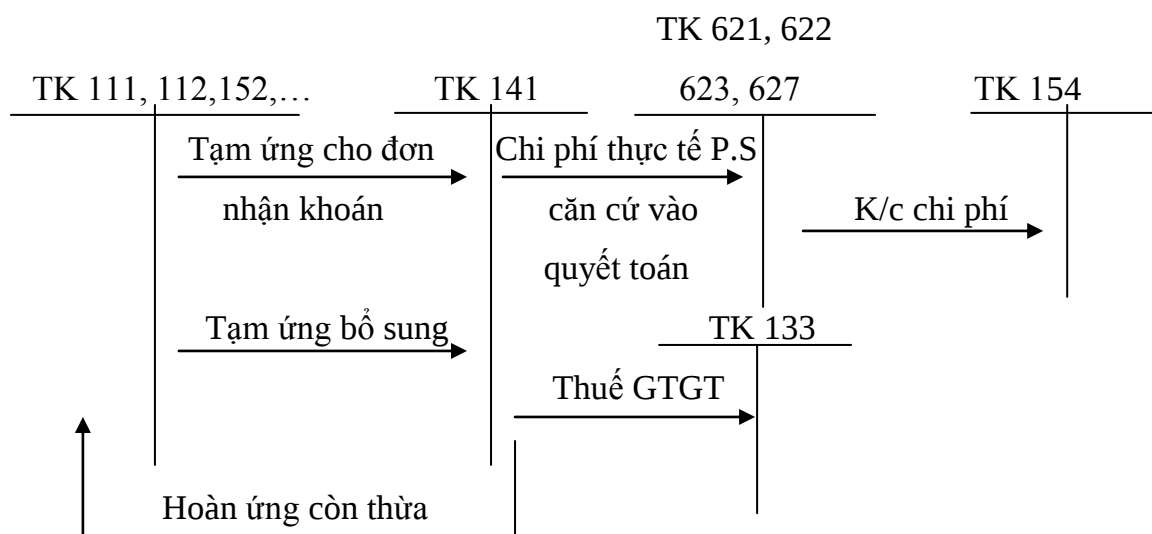
+ Phương thức khoán theo khoản mục chi phí: Đơn vị giao khoán chỉ khoán những khoản mục chi phí đã thỏa thuận với bên nhận khoán, phương thức này thường áp dụng cho những công trình thi công phức tạp, có giá trị lớn,...

*** Hạch toán CPSX và tính GTSP theo phương thức khoán:**

Tại công ty TNHH xây lắp Việt Hưng không tổ chức bộ máy kế toán riêng tại đơn vị nhận khoán nên quy trình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được hạch toán như sau:

+/ *Tại đơn vị giao khoán:* Kế toán sử dụng TK 141 - tạm ứng để phản ánh quan hệ thanh toán nội bộ về các khoản tạm ứng.

Quy trình hạch toán được thể hiện qua sơ đồ sau



Sơ đồ 2.6 : Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành xây lắp tại đơn vị giao khoán theo phương pháp khoán

+/- *Tại đơn vị nhận khoán:* Do không tổ chức bộ máy kế toán riêng nên chỉ có nhiệm vụ tập hợp các chứng từ liên quan đến khối lượng xây lắp nhận khoán và nộp cho đơn vị giao khoán.

2.2.THỰC TẾ KẾ TOÁN HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP VIỆT HƯNG

2.2.1.Đặc điểm chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

2.2.1.1.Đặc điểm phân loại chi phí

Với mục tiêu đặt ra của Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng là mức lợi nhuận tối đa, vì thế để đạt hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh thì vấn đề quản lý chi phí sản xuất một cách chặt chẽ, phù hợp luôn đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Do đó, để thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán chi phí cần thiết phải tiến hành phân loại chi phí sản xuất theo những tiêu thức nhất định và phải phù hợp với những đặc điểm ngành nghề kinh doanh, mục tiêu quản lý.

Dựa trên yêu cầu đó, Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng đã tiến hành phân loại chi phí theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm. Cách phân loại này

là dựa vào công dụng của chi phí và mức phân bổ chi phí cho từng đối tượng. Theo đó, chi phí sản xuất trong kỳ bao gồm bốn khoản mục chi phí:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sử dụng máy thi công
- Chi phí sản xuất chung

2.2.1.2. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất chính là việc xác định giới hạn tập hợp chi phí mà thực chất là xác định nơi phát sinh chi phí và nơi chịu chi phí. Nó có vai trò ý nghĩa hết sức quan trọng đối với công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Do đó, để phù hợp với quy trình công nghệ, với đặc điểm ngành nghề kinh doanh, với đặc điểm của sản phẩm xây lắp là các công trình - hạng mục công trình có giá trị lớn và có thời gian sử dụng lâu dài nên *đối tượng hạch toán chi phí sản xuất của Công ty được xác định là các công trình, hạng mục công trình xây lắp.*

2.2.1.3. Phương pháp kế toán hạch toán chi phí sản xuất tại công ty

Phương pháp hạch toán chi phí mà Công ty áp dụng là phương pháp trực tiếp, phương pháp gián tiếp có nghĩa là: Các chi phí trực tiếp hoặc gián tiếp nếu phát sinh ở công trình - hạng mục công trình nào sẽ được hạch toán trực tiếp vào công trình - hạng mục công trình đó, còn các chi phí gián tiếp mà liên quan đến nhiều công trình - hạng mục công trình thì kế toán sẽ tập hợp và cuối kỳ sẽ tiến hành phân bổ chi phí đó theo những tiêu thức thích hợp. Để tiến hành tập hợp chi phí sản xuất Công ty đã sử dụng các TK 621 - chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp, TK 623 - chi phí sử dụng máy thi công, TK 627 - chi phí sản xuất chung. Đến cuối kỳ, tổng hợp chi phí và kết chuyển toàn bộ sang TK 154.

2.2.1.4. Đặc điểm công tác tính giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp chính là các công trình - hạng mục công trình chưa hoàn thành trong kỳ tính cho đến thời điểm cuối kỳ tính giá

thành sản phẩm xây lắp và thường được xác định bằng phương pháp kiểm kê cuối kỳ kế toán. Việc tính giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp cũng phụ thuộc vào phương thức thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành giữa Công ty với chủ thầu xây dựng, tại Công ty thì hầu hết các hợp đồng đều qui định thanh toán sản phẩm xây lắp sau khi hoàn thành toàn bộ. Do đó, giá trị sản phẩm dở dang là tổng chi phí phát sinh từ lúc khởi công đến cuối kỳ kế toán mà sản phẩm chưa hoàn thành. Nhưng nếu hợp đồng qui định thanh toán theo điểm dừng kỹ thuật hợp lý thì giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ tính theo giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành và giá trị khối lượng xây lắp dở dang theo dự toán

2.2.1.5.Đặc điểm công tác tính giá thành sản phẩm xây lắp

Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng xác định:

- Đối tượng tính giá thành: Cần phân biệt đối tượng tính giá thành với đối tượng hạch toán chi phí. Tuy nhiên, tại công ty thì đối tượng tập hợp chi phí cũng là đối tượng tính giá thành đó là các công trình - hạng mục công trình.

- Kỳ tính giá thành: Chính là thời điểm công trình - hạng mục công trình hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đối với công trình có giá trị nhỏ. Kỳ tính giá thành là quý (vào cuối mỗi quý) nếu công trình có giá trị lớn mà phương thức thanh toán là điểm dừng kỹ thuật.

- Phương pháp tính giá thành: Đối tượng của hạch toán chi phí là các công trình - hạng mục công trình do đó để thuận lợi cho công tác tính giá thành Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành là phương pháp trực tiếp (hay còn gọi là giản đơn). Theo đó, giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực tế} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản} \\ \text{của khối lượng} & = & \text{xuất dở dang} & + & \text{xuất phát sinh} & - & \text{xuất dở dang} \\ \text{xây lắp hoàn} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \\ \text{thành} & & & & & & \end{array}$$

2.2.2.Nội dung và trình tự hạch toán chi phí sản xuất:

2.2.2.1.Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (Chi phí NVLTT):

Chi phí NVLTT bao gồm giá trị NVL chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, giá trị thiết bị kèm theo vật kiến trúc,... cần thiết để tham gia cấu thành nên thực thể của sản phẩm xây lắp.

Trong doanh nghiệp xây lắp thì chi phí NVLTT thường chiếm tỷ lệ khá lớn (khoảng 60 – 80%) trong giá thành từng công trình - hạng mục công trình, do đó cần phải đảm bảo việc hạch toán đầy đủ, chính xác chi phí NVLTT từ đó mới đảm bảo tính chính xác trong công tác tính giá thành sản phẩm xây lắp. Đồng thời, đây cũng là một trong những tiêu điểm quan trọng để đề xuất các biện pháp làm hạ thấp giá thành sản phẩm.

Nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xây lắp đa dạng về chủng loại mà mỗi loại lại có chức năng - công dụng khác nhau, do đó để tổ chức quản lý và hạch toán nguyên vật liệu tốt thì công ty đã phân loại nguyên vật liệu như sau:

- Nguyên vật liệu chính: Là nguyên vật liệu chủ yếu khi tham gia vào quá trình sản xuất, tức là khi tham gia vào quá trình sản xuất nó cấu thành nên thực thể vật chất của sản phẩm xây lắp như: sắt, thép, nhôm, xi măng, gỗ, cát,...

- Nguyên vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành nên thực thể chính của sản phẩm mà nó có thể kết hợp với nguyên vật liệu chính để làm tăng chất lượng hay hình thức của các công trình - hạng mục công trình như: vật liệu thiết bị vệ sinh, đồ dùng trong trang trí,...

- Nhiên liệu: Là một loại vật liệu phụ dùng để cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất như: xăng, dầu, mỡ máy,...

- Vật liệu khác: Đinh, ốc, vít,....

Mỗi loại vật liệu tại công ty lại có mã số riêng để dễ dàng theo dõi và hạch toán chẳng hạn như:

Tên NVL	Đvt	Mã số
Xi măng	tấn	XM
Xi măng Chinfon	tấn	XMCF
Xi măng Hoàng Thạch	tấn	XMHT
...	...	...

Chi phí NVLTT được công ty hạch toán trên TK 621, tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình - hạng mục công trình theo giá thực tế mua vào.

Theo đặc điểm của ngành nghề kinh doanh nên NVL tại công ty được luân chuyển theo 2 hướng: NVL có thể được chuyển trực tiếp ra công trình (công ty thường bố trí những những bãi dự trữ nguyên vật liệu để phục vụ cho nhu cầu thi công ngay tại chân các công trình xây lắp) hoặc nguyên vật liệu có thể được chuyển về kho dự trữ của công ty.

Thông thường, khi công ty được giao thầu xây dựng thì phòng kỹ thuật sẽ căn cứ trên bản vẽ thiết kế thi công của từng công trình - hạng mục công trình để tính khối lượng xây lắp và định mức dự toán xây dựng cơ bản, định mức nội bộ để yêu cầu lượng vật tư cần thiết sử dụng. Do đó, mức độ nhập - xuất nguyên vật liệu là do phòng kỹ thuật tính toán và đưa lên kế hoạch. Sau khi được trình duyệt từ Ban Giám đốc thì nhân viên vật tư có nhiệm vụ đi thu mua vật tư (công tác mua vật tư có thể được giao cho đội sản xuất trực tiếp mua hoặc do nhân viên công ty mua). Trước khi đi mua thì nhân viên mua vật tư phải làm giấy đề nghị tạm ứng và phải có sự trình duyệt từ Ban Giám đốc. Khi đó, căn cứ trên giấy đề nghị tạm ứng kế toán chỉ ghi trên sổ tạm ứng theo dõi riêng. Giấy tạm ứng và sổ tạm ứng là căn cứ để kế toán ghi sổ chi tiết TK 141, sổ nhật ký chung và sổ cái TK 141. Đến khi hoàn ứng phải có đầy đủ hoá đơn chứng từ hợp lý, hợp lệ kèm theo thì mới lập phiếu chi với số tiền ghi trên các chứng từ đó.

Đối với vật tư mua về nhập kho thì khi về đến kho, thủ kho phải làm thủ tục kiểm nhận chất lượng và chỉ nhập kho những vật tư đảm bảo tiêu chuẩn yêu cầu kỹ thuật. Dựa trên cơ sở hoá đơn, giấy báo nhận hàng thủ kho tiến hành lập phiếu

nhập kho và ghi chép vào Thẻ kho (Thẻ kho do thủ kho lập nhằm để theo dõi chỉ tiêu số lượng chi tiết cho từng loại vật tư khi nhập - xuất và tính ra số tồn cuối kỳ).

Khi có yêu cầu xuất kho đưa vào sử dụng thì kế toán lập phiếu xuất kho, chuyển phiếu xuất kho xuống thủ kho. Trên cơ sở phiếu xuất thủ kho làm nhiệm vụ kiểm kê và giao vật tư, ký vào phiếu xuất và ghi số thực xuất vào thẻ kho. Sau đó, phiếu xuất chuyển lại về phòng kế toán để ghi sổ.

Để đảm bảo công tác quản lý và thuận lợi trong công tác tập hợp chi phí thì phiếu xuất kho phải được chi cụ thể, chi tiết xuất cho công trình - hạng mục công trình nào. Phiếu xuất kho được lập thành 2 liên: liên 1 lưu, liên 2 giao cho thủ kho.

Đối với trường hợp mua vật tư được chuyển thẳng ra công trình để sử dụng ngay cho thi công công trình thì cũng được quản lý bởi người phụ trách ngoài nguyên vật liệu cũng được kiểm tra chất lượng và lập hoá đơn GTGT giao cho người đi thu mua vật tư. Hoá đơn GTGT sẽ được chuyển về phòng kế toán để kế toán tiến hành ghi sổ và thanh toán hoặc hoàn tạm ứng.

VD: Kế toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho công trình xây dựng nhà kho Công ty Huy Phong.

- VD1: Mua vật tư xuất thẳng cho Công trình nhà kho Công ty Huy Phong, tổng giá thanh toán : 10 750 964 (thuế GTGT 10%), đã thanh toán bằng tạm ứng.

Biểu 1: Trích giấy đề nghị tạm ứng

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng

Mẫu số: 03 - TT

Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 1 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty

Tên tôi là: Nguyễn Văn Minh

Địa chỉ: Tổ mộc

Đề nghị cho tạm ứng số tiền là: 12.000.000 đồng (Viết bằng chữ): Mười hai triệu đồng chẵn.

Lý do xin tạm ứng: Mua gỗ dùng cho công trình nhà kho Công ty Huy Phong

Thời hạn thanh toán: Trước ngày 10 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Phụ trách bộ phận	Người đề nghị tạm ứng
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu số 2: Phiếu chi

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng	Mẫu số: 02- TT Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
PHIẾU CHI Ngày 01 tháng 12 năm 2010	
Quyền số:..... Số : PC208 Nợ 642 Nợ 133 Có 111	
Họ tên người nhận tiền: ...Nguyễn Văn Minh Địa chỉ: Tổ mội..... Lý do chi: tạm ứng tiền mua gỗ dùng cho Công trình nhà kho Công ty Huy Phong..... Số tiền: 12 000 000 Viết bằng chữ: mười hai triệu đồng chẵn Kèm theo.....01.....chứng từ gốc	
Ngày 01 tháng 12 năm 2010.	
Giám đốc <i>(ký, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(ký, họ tên)</i>
Thủ quỹ <i>(ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(ký, họ tên)</i>
Người nhận tiền <i>(ký, họ tên)</i>	
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):mười hai triệu đồng chẵn..... +Tỷ giá ngoại tệ(vàng,bạc, đá quý)..... +Số tiền quy đổi.....	

Biểu 3: Trích Hoá đơn GTGT

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01/GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			GK/2010B		
Liên 2: Giao khách hàng			Số: 0012709		
Ngày 01 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Tuấn Lan.....					
Địa chỉ: Km 9 Quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng.....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại.....MS.....0200289981.....					
Họ tên người mua hàng: ..Nguyễn Văn Minh.....					
Tên đơn vị: Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng.....					
Địa chỉ: Số 16 Hùng Vương, Sở Dầu, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng.....					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:..TM/CK.....MS..... 0200545177.....					

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Gỗ gián 2 ly	tám	38	132.000	5.016.000
2	Gỗ ván dán sùon	tám	8	300.000	2.400.000
					
Cộng tiền hàng					9.773.603
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT 977.360
Tổng cộng tiền thanh toán					10.750.964
Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu, bảy trăm năm mươi ngàn, chín trăm sáu mươi tư đồng.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

Căn cứ vào các chứng từ, kế toán tiến hành ghi các sổ sách kế toán như sau:

Biểu số 5: Trích nhật ký chung

Đơn vị: **CTY TNHH xây lắp Việt Hưng**
Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

Mẫu số: **S03a - DN**
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

N,T ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
1/12	PC 208	1/12	Tạm ứng bằng tiền mặt mua gỗ dùng cho Công trình nhà kho Công ty Huy Phong	141 111	12.000.000	12.000.000
.....		...				
2/12	PKT 258	2/12	Mua vật tư xuất dùng ngay cho Công trình nhà kho Công ty Huy Phong	621 1331 141	9.773.603 977.360	10.750.964
			...			
5/12	PXK 312	5/12	Xuất vật tư Công trình nhà kho Công ty Huy Phong	621 152	6.157.218	6.157.218
.....		...				
20/12	PKT 289	20/12	Thanh toán tiền điện phân xưởng tháng 12 bằng tiền tạm ứng	6277 1331 141	2.794.000 279.400	3.073.400
.....		...				
31/12	PKT 319	31/12	Trích KH MTC tháng 12/2010 CT nhà kho Công ty Huy Phong	623 214	10 139 156	10.139.156
.....		...				
31/12	PKT 343	31/12	Lương CNTT T12 nhà xưởng mì Phú Cường	622 334	25.769.486	25.769.486
.....		...				
			Cộng chuyển sang trang sau		xxx	xxx

			Trang trước chuyển sang		xxx	xxx
31/12	PKT 358	31/12	Lương phân xưởng tháng 12 năm 2010	6271 334	4.019.563	4.019.563
		...				
31/12	PKT 360	31/12	Trích BHYT,BHXXH,BHTN,KPC Đ của CNTT tháng 12/2010	6271 338	8.281.429	8.281.429
		...				
31/12	PKT 362	31/12	K/c chi phí NVLTT Quý IV CT nhà kho Công ty Huy Phong	154 621	1.207.489.623	1.207.489.623
		...				
31/12	PKT 364	31/12	K/c Cp NCTT Quý IV CT nhà kho Công ty Huy Phong	154 622	218.639.253	218.639.253
		...				
31/12	PKT 366	31/12	K/c Cp KH MTC Quý IV CT nhà kho Công ty Huy Phong	154 623	29.157.668	29.157.668
		...				
31/12	PKT 368	31/12	K/c CP NVPX Quý IV toàn công ty	154 6271	41.343.049	41.343.049
		...				
31/12	PKT 371	31/12	K/c GV CT nhà kho Công ty Huy Phong	632 154	1.501.466.094	1.501.466.094
		...				
			Cộng lũy kế		38.905.678.279	38.905.678.279

Ngày.....tháng.....năm....

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 6: Trích Sổ chi tiết TK621 – Công trình nhà kho công ty Huy Phong

Đơn vị: **CTY TNHH xây lắp Việt Hưng**
Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

Mẫu số: **S36 - DN**
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản: 621

Tên sản phẩm,dịch vụ: Công trình nhà kho công ty Huy Phong

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		...	...	...	
PX248	3/10	Xuất vật tư	152	54.786.213	
		...	...	...	
PKT254	18/11	Mua vật tư xuất dùng ngay	112	36.431.020	
...		...			
PKT258	2/12	Mua vật tư xuất dùng ngay	141	9.773.603	
PXK312	5/12	Xuất vật tư	152	6.157.218	
		...			
PKT264	6/12	Mua vật tư xuất dùng ngay	331	385.235.000	
			...	...	
PKT362	31/12	K/c Cp NVLTT Quý IV			1.207.489.623
		Cộng số phát sinh		1.207.489.623	1.207.489.623
		Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm....
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 7: Trích Sổ cái TK 621

Đơn vị: **CTY TNHH xây lắp Việt Hưng**
Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

Mẫu số: S03b - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI
Năm 2010
Tên tài khoản : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
Số hiệu : 621

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
	...	...	...	...	...
PX248	3/10	Xuất vật tư Công trình nhà kho Công ty Huy Phong	152	54.786.213	
	...	...	...	...	...
PKT254	18/11	Mua vật tư xuất dùng ngay CT nhà kho Công ty Huy Phong	112	36.431.020	
	...	...	...	...	...
PXK312	5/12	Xuất vật tư CT nhà kho Công ty Huy Phong	152	6.157.218	
	...	...	...	...	...
PKT261	8/12	Mua vật tư xuất ngay công trình nhà xưởng mì Phú Cường	112	70 000 000	
					
PKT362	31/12	Kết chuyển chi phí nguyên vật công ty Huy Phong Quý IV	154		1.207.489.623
	...	...	...	...	...
		Cộng số phát sinh		1.960.420.013	1.960.420.013
		Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31.tháng 12.năm 2010
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.2.Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp(Chi phí NCTT)

Chi phí nhân công trực tiếp tại công ty bao gồm: Các khoản chi phí tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp lương của công nhân trực tiếp tham gia xây lắp công trình (bao gồm cả công nhân vận chuyển, công nhân điều hành máy thi công, công nhân trực tiếp sản xuất,...). Khoản mục chi phí này không bao gồm các khoản trích theo tiền lương như: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,... của công nhân.

Công nhân hiện đang làm việc tại công ty gồm cả công nhân trong danh sách của công ty (công nhân trong biên chế hay công nhân có hợp đồng lao động dài hạn với công ty) và công nhân thuê ngoài (có hợp đồng lao động ngắn hạn). Điều này là rất phù hợp trong các doanh nghiệp xây lắp vì với đặc điểm ngành nghề sản xuất là địa điểm thi công công trình không cố định mà rải rác ở các địa bàn khác nhau, do đó công ty cần phải thuê thêm nhân công ở địa phương để đảm bảo thời gian - tiến độ thi công mặt khác lại tiết kiệm chi phí,...

Hình thức trả lương của công ty là theo thời gian và chia làm 2 đợt: đợt 1 vào ngày 20 hàng tháng, Công ty tạm ứng cho công nhân và đợt 2 vào ngày 5 tháng sau công ty sẽ thanh toán toàn bộ khoản lương còn lại sau khi đã trừ đi các khoản làm giảm lương.

Vào cuối mỗi tháng, công nhân sản xuất phải tự điền vào bảng chấm công theo mẫu qui định có chữ ký xác nhận của người phụ trách công trình (hay của tổ/đội trưởng), tổ/ đội trưởng tập hợp bảng chấm công rồi chuyển lên cho phó Giám đốc xem xét và ký duyệt. Cuối cùng chuyển về phòng kế toán để kế toán làm nhiệm vụ tính lương.

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Tiền} & & \text{Tiền} & & \text{Các} & & \text{Các} & & \text{Các khoản} \\ \text{lương} & = & \text{lương cơ} & + & \text{khản phụ} & + & \text{khoản} & - & \text{trừ vào} \\ \text{thực tế} & & \text{bản} & & \text{cấp} & & \text{khác} & & \text{lương} \end{array}$$

Đối với công nhân trong biên chế tiền lương cơ bản được xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa người lao động với công ty, còn phụ cấp được trả trên căn cứ số năm làm việc của công nhân. Tiền lương làm thêm của công nhân được tính theo hệ số như sau:

$$\text{Tiền làm thêm ngày thường} = \text{Giờ công làm thêm} \times 1,5 \times \text{Tiền lương cơ bản/ 1 giờ}$$

$$\text{Tiền làm thêm ngày chủ nhật, lễ tết} = \text{Giờ công làm thêm} \times 2 \times \text{Tiền lương cơ bản/ 1 giờ}$$

Đối với nhân viên thuê ngoài được trả theo lương thoả thuận khi ký kết hợp đồng, nếu phát sinh thêm lương làm thêm thì cũng được tính tương tự như trên.

Dựa trên bảng chấm công , phiếu báo làm thêm giờ kế toán có nhiệm vụ tính lương và lập bảng thanh toán lương, lương làm thêm cho công nhân trong từng tổ, bảng phân bổ tiền lương và bảng tổng hợp thanh toán lương cho công nhân toàn công ty.

Sau đó, những chứng từ này sẽ được chuyển tới phòng Giám đốc ký duyệt, tiền lương có thể được giao cho từng tổ/ đội trưởng có trách nhiệm lĩnh lương cho cả tổ và ký nhận xác định số tiền đã nhận hoặc tiền lương có thể được giao trực tiếp cho người lao động.

Chi phí nhân công trực tiếp được hạch toán trên TK 622 - chi phí nhân công trực tiếp mở chi tiết cho từng công trình - hạng mục công trình.

Biểu số 8: Trích bảng chấm công của công nhân trực tiếp

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng

Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

Mẫu số: 01a - LĐTL

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 12 năm 2010

Stt	Họ tên	Chức vụ	Ngày công trong tháng															Quy ra công
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	...	27	28	29	30	31	
I.	Tổ nề																	
1	Nguyễn Văn Dũng	CN	x	x	x	x	x	x	\	x	x	...	x	\	x	x	x	27
2	Trương Hữu Chiến	CN	x	x	x	x	0	x	\	x	x	...	x	\	x	x	x	26
																		
II	Tổ mộc																	
1	Nguyễn Văn Minh	CN	x	x	x	x	x	x	\	x	x	...	x	\	x	x	x	27
6	Lê Hồng Hải	CN	x	x	x	0	x	x	\	x	x	...	x	\	x	x	x	26
			...		...		...		...		...		...				...	
	Tổng cộng																	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người chấm công
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận
(Ký, họ tên)

Người duyệt
(Ký, họ tên)

Biểu số 9: Trích bảng thanh toán tiền lương làm thêm giờ

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng					Mẫu số: 06 - LĐTL Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC							
BẢNG THANH TOÁN TIỀN LÀM THÊM GIỜ												
Tháng 12 năm 2010												
S T T	Họ và tên	Lương Cơ bản	Số h làm ĐM	Đơn giá 1h công	Làm thêm ngày làm việc			Làm thêm ngày thứ bảy, chủ nhật			Tổng cộng tiền	Ký nhận
					Số h	Hệ số	TLương	Số h	Hệ số	TLương		
1	2	3	4	5=3/4	6	7	8=5x6x7	9	10	11=5x9x10	12= 8+11	13
I Tổ Nề												
1	Nguyễn Văn Dũng	1 300 000	216	6 018	18	1,5	162 000	32	2	385 152	547 152	
2	Trương Hữu Chiền	1 200 000	216	5 555	15	1,5	125 000	40	2	444 444	569 444	
...												
II Tổ Mộc												
1	Nguyễn Văn Minh	1 300 000	216	6 018	19	1,5	171 513	36	2	433 296	604 809	
....												
Tổng cộng		35.350.000					5.262.250			8.319.208	13.581.458	
Tổng số tiền(viết bằng chữ):.....												
				Ngày 31 tháng 12 năm 2010								
Người đề nghị thanh toán				Kế toán trưởng				Người duyệt				
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên)				

Biểu số 10: Trích bảng thanh toán tiền lương

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng
Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

Mẫu số: 02 - LĐTL
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 12 năm 2010

ST T	Họ và tên	Cvụ	Hệ số	Lương thời gian		Phụ cấp	Tổng số	Tạm ứng kỳ I	Các khoản				Kỳ II được lĩnh
				Số Công	Số tiền				BHXH (6%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng (8,5%)	
I	Tổ nề												
1	Nguyễn Văn Dũng	CN		27	1 300 000	400 000	1 700 000	500 000	78 000	19 500	13 000	110 500	1 089 500
2	Trương Hữu Chiến	CN		26	1 200 000	350 000	1 550 000	500 000	72 000	18 000	12 000	102 000	948 000
													
	Cộng												
II	Tổ mộc												
1	Nguyễn Văn Minh	CN		27	1 300 000	400 000	1 700 000	500 000	78 000	19 500	13 000	110 500	1 089 500
													
	Tổng cộng				35 350 000	11 640 000	46 990 000	26 450 000	2 121 000	530 250	353 500	3 004 750	17 535 250

Tổng số tiền(viết bằng chữ):.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Căn cứ vào bảng thanh toán lương và tiền làm thêm giờ kế toán tiến hành ghi Sổ nhật ký chung, Sổ chi tiết tài khoản 622 - Công trình nhà kho Công ty Huy Phong, Sổ cái TK622.

Biểu số 11: Trích nhật ký chung

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng
Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

N,T ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
.....		...				
2/12	PKT 258	2/12	Mua vật tư xuất dùng ngay cho Công trình nhà kho Công ty Huy Phong	621 1331 141	9.773.603 977.360	10.750.964
						
5/12	PXK 312	5/12	Xuất vật tư Công trình nhà kho Công ty Huy Phong	621 152	6.157.218	6.157.218
.....		...				
31/12	BTL T12	31/12	Tính lương phải trả CNTT CT nhà Công ty Huy Phong tháng 12/2010	622 334	60 571 458	60 571 458
31/12	BTL T12	31/12	Các khoản trích BHXH,BHYT,BHTN trừ vào lương CNTT công trình nhà kho công ty Huy Phong	334 338	3 004 750	3 004 750
.....		...				
31/12	PKT 364	31/12	K/c Cp NCTT Quý IV CT nhà kho Công ty Huy Phong	154 622	218.639.253	218.639.253
.....		...				
31/12	PKT 343	31/12	Lương CNTT T12 nhà xưởng mì Phú Cường	622 334	25.769.486	25.769.486
.....		...				
			Cộng chuyển trang sau		xxx	xxx

			Số trang trước chuyển sang		xxx	xxx
		...				
31/12	PKT 368	31/12	K/c CP NVPX Quý IV toàn công ty	154 6271	41.343.049	41.343.049
		...				
31/12	PKT 364	31/12	K/c Cp NCTT Quý IV CT nhà kho Công ty Huy Phong	154 622	218.639.253	218.639.253
		...				
31/12	PKT 366	31/12	K/c Cp KH MTC Quý IV CT nhà kho Công ty Huy Phong	154 623	29.157.668	29.157.668
		...				
31/12	PKT 371	31/12	K/c GV CT nhà kho Công ty Huy Phong	632 154	1.501.466.094	1.501.466.094
		...				
			Cộng lũy kế		38.905.678.279	38.905.678.279

Ngày.....tháng.....năm....

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 12: Trích Sổ chi tiết TK622 – Công trình nhà kho công ty Huy Phong

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng
Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

Mẫu số: S36 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản: 622

Tên sản phẩm, dịch vụ: Công trình nhà kho công ty Huy Phong

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		...	...	...	
PKT221	30/11	Lương phải trả CNTT tháng 11/2010	334	70.569.246	
		...	...	...	
PKT342	31/12	Lương phải trả CNTT tháng 12/2010	334	60 571 458	
PKT362	31/12	K/c Cp NVLTT Quý IV			218.639.253
		Cộng số phát sinh		218.639.253	218.639.253
		Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm....
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 13: Trích Sổ cái TK 622

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng			Mẫu số: S03b - DN Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC		
SỔ CÁI Năm 2010 Tên tài khoản : Chi phí nhân công trực tiếp Số hiệu : 622					
Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
	...	...	...	...	...
PKT221	30/11	Lương phải trả CNTT tháng 11/2010 CT nhà kho Công ty Huy Phong	334	70.569.246	
	...	...	...	...	...
PKT342	31/12	Lương phải trả CNTT tháng 12/2010 CT nhà kho Công ty Huy Phong	334	60 571 458	
	...	...	...	...	...
PKT343	31/12	Lương CNTT T12 nhà xưởng mì Phú Cường	334	25.769.486	
	...	...	...	...	...
PKT362	31/12	K/c Cp NVLTT Quý IV			218.639.253
					
		Cộng số phát sinh		392.168.157	392.168.157
		Số dư cuối kỳ			
Người ghi sổ (ký, họ tên) Kế toán trưởng (ký, họ tên) Ngày 31.tháng 12.năm 2010 Giám đốc (ký, họ tên, đóng dấu)					

2.2.2.3. Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công (Chi phí sử dụng MTC)

Khoản mục chi phí sử dụng máy thi công là một khoản mục chi phí riêng chỉ có trong các doanh nghiệp thực hiện xây lắp vì với tính chất công việc là xây dựng công nghiệp dân dụng, khối lượng công việc lớn, các sản phẩm làm ra là các công trình - hạng mục công trình lớn nên không thể sản xuất chỉ dựa trên sức người mà phải có sự hỗ trợ của máy móc, thiết bị,... Vì thế mà trong công tác sản xuất xây lắp việc sử dụng máy thi công là quan trọng và cần thiết để đạt hiệu quả-năng suất cao.

Tại Công ty không thành lập một đội máy thi công riêng mà tiến hành xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy.

Chi phí sử dụng máy thi công tại Công ty bao gồm các khoản chi phí khấu hao của xe, máy phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp và khoản chi phí thuê máy thi công từ bên ngoài với công suất lớn hơn nhằm để đảm bảo yêu cầu tiến độ thi công.

Đối với nghiệp vụ thuê ngoài máy thi công thì sau khi thi công xong công trình theo hợp đồng, công ty căn cứ vào hoá đơn GTGT để thanh toán. Đồng thời, kế toán đưa vào TK 623 - chi phí sử dụng máy thi công chi tiết cho công trình-hạng mục công trình. Chẳng hạn, trong tháng 12 công ty tiến hành thuê máy thi công từ bên ngoài để thi công công trình nhà kho Công ty Huy Phong, sau khi công việc hoàn thành bên cho thuê đã lập hoá đơn như sau:

Biểu số 14: Trích hoá đơn GTGT

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01/GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			GK/2010B		
Liên 2: Giao khách hàng			Số: 0012709		
Ngày 25 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hùng Thắng.....					
Địa chỉ: 32 Đội Cấn, Hà Nội.....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại:.....MST 0101833750.....					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng.....					
Địa chỉ: Số 16 Hùng Vương, Sở Dầu, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng.....					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:..TM/CK.....MST..... 0200545177.....					

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Thuê máy cẩu	Ca	9	850.000	7.650.000
2	Thuê máy phun cát	Ca	11	156.000	1.716.000
Cộng tiền hàng					9.666.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			966.600
Tổng cộng tiền thanh toán					10.632.600
Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu, sáu trăm ba mươi hai ngàn, sáu trăm đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

Biểu số 15: Trích phiếu chi

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng		Mẫu số: 02- TT Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC	
PHIẾU CHI Ngày 25 tháng 12 năm 2010		Quyền số:..... Số : PC220 Nợ 623 Nợ 133 Có 111	
Họ tên người nhận tiền: ...Công ty TNHH Hùng Thắng Địa chỉ: 32 Đội Cấn , Hà Nội..... Lý do chi: thanh toán tiền thuê máy thi công phục vụ công trình nhà kho Công ty Huy phong..... Số tiền: 10.632.600 Viết bằng chữ: Mười triệu, sáu trăm ba mươi hai ngàn, sáu trăm đồng chẵn. Kèm theo.....01.....chứng từ gốc			
Ngày 25 tháng 12 năm 2010.			
Giám đốc <i>(ký, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(ký, họ tên)</i>
Người nhận tiền <i>(ký, họ tên)</i>			
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):Mười triệu, sáu trăm ba mươi hai ngàn, sáu trăm đồng chẵn..... +Tỷ giá ngoại tệ(vàng,bạc, đá quý)..... +Số tiền quy đổi.....			

Dựa trên hoá đơn, chứng từ này kế toán vào sổ chi tiết TK 623,sổ nhật ký chung và sổ cái TK 623.

Đối với chi phí khấu hao máy thi công: Để phản ánh chi phí khấu hao máy thi công Công ty hạch toán trên tài khoản là TK 6234 - chi phí khấu hao máy thi công: Phản ánh lượng chi phí khấu hao máy móc thi công sử dụng vào hoạt động xây lắp. công ty sử dụng hạch toán tài khoản này mà không phản ánh các chi phí khác như: vật liệu, công cụ dụng cụ,...là do mỗi tổ/ đội sản xuất của công ty lại có hệ thống máy riêng nên để đơn giản kế toán đã hạch toán toàn bộ chi phí nhân viên điều hành máy vào chi phí nhân công trực tiếp sản xuất, còn những chi phí về vật liệu phục vụ máy thi công thì hạch toán vào chi phí sản xuất chung. Mặc dù việc hạch toán như vậy là đơn giản hơn nhưng điều này là không đúng với chế độ kế toán hiện hành.

Hiện nay, tại công ty áp dụng tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, cụ thể công thức tính như sau:

$$\text{Mức khấu hao TSCĐ năm} = \text{NG TSCĐ} \times \frac{\text{Tỷ lệ khấu hao năm}}{\text{năm}}$$

Trong đó:

$$\frac{\text{Tỷ lệ khấu hao năm}}{\text{năm}} = \frac{1}{\text{số năm sử dụng dự kiến}} \times 100$$

$$\text{Mức khấu hao bình quân tháng} = \text{Mức khấu hao TSCĐ năm} / 12.$$

Căn cứ vào từng loại máy thi công, mức khấu hao của từng máy kế toán tiến hành lập bảng tính KHTSCĐ và phân bổ khấu hao cho từng công trình - hạng mục công trình. Do máy thi công thường được điều chuyển giữa các công trình trong kỳ hạch toán nên công ty đã tiến hành phân bổ chi phí khấu hao MTC cho từng công trình - hạng mục công trình theo số ngày máy làm việc thực tế. Hàng tháng, đội trưởng lập bảng tổng hợp thời gian sử dụng MTC gửi cho phòng kế toán, trên cơ sở đó kế toán lập bảng phân bổ chi phí khấu hao MTC.

$$\begin{array}{l} \text{Mức khấu hao} \\ \text{MTC phân bổ} \\ \text{cho từng CT} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Mức khấu hao MTC} \\ \text{cần phân bổ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng số ngày máy làm} \\ \text{việc thực tế} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số ngày máy} \\ \text{làm việc thực} \\ \text{tế tại CT} \end{array}$$

Chẳng hạn, tính chi phí KH MTC tháng 12 cho máy xúc có nguyên giá là 42 510 000 đ với tỷ lệ khấu hao năm là 9%:

$$\text{Mức KHTSCĐ bq tháng} = (42.510.000 \times 9\%) / 12 = 283.400 \text{ đ/tháng}$$

Kế toán căn cứ trên bảng tổng hợp thời gian sử dụng MTC trong tháng 12 để tiến hành phân bổ. Trong tháng, tổng số ngày máy làm việc thực tế là 14 ngày, số ngày làm việc thực tế tại công trình nhà kho Công ty Huy Phong là 8 ngày, theo đó mức khấu hao MTC phân bổ cho công trình nhà kho Công ty Huy Phong là:

$$\begin{array}{l} \text{Mức khấu hao phân bổ cho CT} \\ \text{nha kho Công ty Huy Phong} \end{array} = \frac{283.400}{14} \times 8 = 161.943 \text{ (đồng)}$$

Biểu số 16: Trích Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

Đơn vị: **CTY TNHH xây lắp Việt Hưng**
Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

Mẫu số: 06 - TSCĐ
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 12 năm 2010

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ KH (%)	Nơi sử dụng		TK 627 – Chi phí sản xuất chung	TK 623- Chi phí sử dụng MTC		
			Toàn DN	Số KH tháng này		CT NX mì Phú Cường	CT NK Cty Huy Phong	
1	Máy xúc	9	42.510.000	283.400		80. 971	161.943	
2	Máy trộn BT	9	4.910.000	36.825		22 095		
3	Máy cắt nhôm	10	99.466 .464	828.887		0	497.332	
4	Nhà xưởng	5	502.431.767	2.093.466	2.093.466			
5	Máy phát điện	10	28.560.000	238.000	238.000			
6	Xe ô tô	13	111.456.880	1.207.450				
.....								
	Tổng cộng		3.810.359.000	38.112.653	5.210.336		10.139.156	

Tổng số tiền(viết bằng chữ):.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Số liệu được ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết TK 623, sổ cái TK 623.

Biểu số 17: Trích nhật ký chung

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng
Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

N,T ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
.....		...				
2/12	PKT 258	2/12	Mua vật tư xuất dùng ngay cho Công trình nhà kho Công ty Huy Phong	621 1331 141	9.773.603 977.360	10.750.964
			...			
25/12	PC 220	25/12	Thanh toán tiền thuê MTC dùng cho CT nhà Kho Công ty Huy Phong	623 133 111	9.666.000 966.600	10.632.600
.....		...				
31/12	PKT 319	31/12	Trích KH MTC tháng 12/2010 CT nhà kho Công ty Huy Phong	6234 214	10 139 156	10.139.156
.....		...				
31/12	PKT 366	31/12	K/c Cp KH MTC Quý IV CT nhà kho Công ty Huy Phong	154 623	29.157.668	29.157.668
.....		...				
31/12	PKT 371	31/12	K/c GV CT nhà kho Công ty Huy Phong	632 154	1.501.466.094	1.501.466.094
.....		...				
			Cộng lũy kế		38.905.678.279	38.905.678.279

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm....
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 18: Trích Sổ chi tiết TK623 - Công trình nhà kho công ty Huy Phong

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng
Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

Mẫu số: S36 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản: 623

Tên sản phẩm, dịch vụ: Công trình nhà kho công ty Huy Phong

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
PKT150	31/10	Phân bổ khấu hao MTC T10	214	9.509.256	
PKT188	14/11	Thuê máy thi công	111	4.830.602	
BPBKHT11	30/11	Phân bổ khấu hao MTC T11	214	9.509.256	
PC220	25/12	Thuê máy thi công	111	9.666.000	
BPBKHT12	31/12	Phân bổ khấu hao MTC T12	214	10.139.156	
PKT366	31/12	K/c CP Khấu hao MTC	154		29.157.668
PKT368	31/12	K/c Cp thuê máy thi công	154		14.496.602
		Cộng số phát sinh		43.654.270	43.654.270
		Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm....
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 19: Trích Sổ cái TK 623

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng				Mẫu số: S03b - DN Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC	
SỔ CÁI Năm 2010 Tên tài khoản : Chi phí sử dụng máy thi công Số hiệu : 623					
Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
	...	...	...	...	...
PC220	25/12	Thuê máy thi công	111	9.666.000	
BPBKH T12	31/12	CP khấu hao MTC tháng 12 CT nhà kho Công ty Huy Phong	214	10.139.156	
PKT342	31/12	Cp khấu hao CT nhà xưởng mì Phú Cường	214	6.568.143	
	...	...	...	...	...
PKT366	31/12	K/c Cp khấu hao MTC CT nhà kho Công ty Huy Phong	154		29.157.668
PKT366	31/12	K/c CP khấu hao MTC CT nhà xưởng mì Phú Cường	154		15.560.347
PKT366	31/12	K/c Cp thuê MTC CT nhà kho Công ty Huy Phong	154		14.496.602
					
		Cộng số phát sinh		102.016.453	102.016.453
		Số dư cuối kỳ			
Người ghi sổ (ký, họ tên) Kế toán trưởng (ký, họ tên) Ngày 31.tháng 12.năm 2010 Giám đốc (ký, họ tên, đóng dấu)					

2.2.2.4. Hạch toán chi phí sản xuất chung (chi phí SXC)

Chi phí SXC là một trong 4 yếu tố chi phí chính để tạo nên chi phí sản xuất xây lắp, khoản chi phí này góp phần làm hoàn thiện cho công tác tổng hợp chi phí nhằm tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Chi phí SXC của Công ty bao gồm lương của nhân viên quản lý đội xây dựng, các khoản trích trên lương theo tỷ lệ qui định (22%) của nhân viên quản lý đội và công nhân trực tiếp tham gia xây lắp, chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội, chi phí vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí khác phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động của đội như: chi phí vận chuyển, chi phí điện - nước, chi phí tiếp khách, xăng xe,...

Khoản mục chi phí này được Công ty hạch toán vào TK 627- chi phí SXC và được mở chi tiết như sau:

TK 6271: Chi phí nhân viên phân xưởng

TK 6273: Chi phí công cụ sản xuất

TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6278: Chi phí khác

*** Chi phí nhân viên quản lý đội:**

Chi phí này bao gồm các khoản tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp lương của nhân viên quản lý và nhân viên phục vụ đội xây dựng, các khoản trích như: KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN tính theo qui định hiện hành trên tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất, nhân viên quản lý đội,...

Đối với nhân viên quản lý đội /tổ sản xuất thì cách tính lương cũng tương tự như công nhân trực tiếp sản xuất (tức là hình thức trả lương là theo thời gian, căn cứ vào số ngày làm trong tháng và số giờ công làm thêm nếu có). Hàng tháng, công nhân phải tự điền vào bảng chấm công rồi gửi cho phó Giám đốc ký duyệt, chuyển cho phòng kế toán, kế toán có nhiệm vụ tính ra số tiền phải trả nhân viên quản lý, tiền lương làm thêm và lập bảng thanh toán tiền lương .

Riêng các khoản trích theo lương như: BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ thì công ty chỉ trích cho các công nhân trong biên chế của Công ty mà không bao gồm các công nhân thuê ngoài.

Căn cứ trên tiền lương cơ bản trong tháng của từng công nhân viên mà cuối tháng kế toán trích các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ đúng theo tỷ lệ qui định như sau:

BHXH: 22% lương cơ bản (16% tính vào giá thành, 6% trừ vào lương)

BHYT: 4,5% lương cơ bản (3% tính vào giá thành, 1,5% trừ lương)

BHTN: 2% lương cơ bản (1% tính vào giá thành, 1% trừ lương)

KPCĐ: 2% tổng lương và tính toàn bộ vào giá thành.

Chẳng hạn công ty tính các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất tháng 12 như sau:

+/- Tổng số lương cơ bản của CNTT công trình nhà kho Công ty Huy Phong là 35.350.000 đ.

Khoản trích BHXH, BHYT, BHTN theo lương tính vào chi phí tháng 12 là:

$$35.350.000 \times 20\% = 7.070.000 \text{ đ}$$

+/- Tổng quỹ lương tháng 12 của CNTT công trình nhà kho Công ty Huy Phong là:

$$35.350.000 + 11.640.000 + 13.581.458 = 60.571.458 \text{ đ}$$

Khoản trích KPCĐ theo lương tính vào chi phí tháng 12 là:

$$60.571.458 \times 2\% = 1.211.429 \text{ đ}$$

=> Tổng các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo lương tháng 12 của CNTT công trình nhà kho công ty Huy Phong là:

$$7.070.000 + 1.211.429 = 8.281.429 \text{ đ}$$

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6271 : 8.281.429

Có TK 338: 8.281.429

Căn cứ vào số liệu trên kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 6271, sổ nhật ký chung

Biểu số 20 : Trích bảng thanh toán tiền lương của nhân viên phân xưởng

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng								Mẫu số: 02 - LĐTL Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC					
BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG Tháng 12 năm 2010													
ST T	Họ và tên	Cvụ	Hệ số	Lương thời gian		Phụ cấp	Tổng số	Tạm ứng kỳ I	Các khoản				Kỳ II được lĩnh
				Số Công	Số tiền				BHXH (6%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng (8,5%)	
1	Nguyễn Thế Ngọc	TT		27	1 300 000	400 000	1 700 000	700 000	78 000	19 500	13 000	110 500	889 500
2	Phạm Quang Tiến	TT		27	1 300 000	400 000	1 700 000	700 000	78 000	19 500	13 000	110 500	889 500
													
	Tổng cộng				6 850 000	1 850 000	8 700 000	2 800 000	411 000	102 750	68 500	582 250	5 317 750

Tổng số tiền(viết bằng chữ):.....

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 21: Trích Sổ chi tiết TK6271

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng
Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản: Chi phí nhân viên phân xưởng
Số hiệu TK: 6271
Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
BTTTLT10	31/10	Lương NVPX T10	334	5.121.000	
	...				
BTTTLT12	31/12	Lương NVPX tháng 12 /2010	334	8 700 000	
BTTTLT12	31/12	Các khoản trích theo lương NVPX tháng 12	338	1 544 000	
BTTTLT12	31/12	Các khoản trích theo lương CNTT tháng 12 CT nhà kho Công ty Huy Phong	338	8 281 429	
	...				
PKT 365	31/12	K/c Cp nhân viên phân xưởng	154		41.343.049
		Cộng số phát sinh		41.343.049	41.343.049
		Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm....
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

*** Đối với chi phí công cụ dụng cụ sản xuất:**

Khoản này chỉ áp dụng cho các công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ - chưa đủ điều kiện để tính vào giá trị TSCĐ bao gồm các chi phí như: trang bị, bảo hộ lao động cho công nhân,....

Đối với các công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ khi xuất dùng, (căn cứ vào phiếu xuất kho) hoặc khi mua về sử dụng ngay (căn cứ vào hoá đơn, chứng từ) thì toàn bộ giá trị được tính ngay một lần vào chi phí sản xuất chung. Chẳng hạn ngày 10 tháng 10 công ty xuất dùng công cụ dụng cụ thuộc loại sử dụng 1 lần có giá trị là: 1 458 900 đ

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6273: 1.458.900

Có TK 153 (100% giá trị CCDC): 1.458.900

Đối với công cụ dụng cụ có giá trị lớn khi xuất dùng thì toàn bộ giá trị được hạch toán vào TK 142 – chi phí trả trước, sau đó kế toán sẽ tiến hành phân bổ giá trị công cụ dụng cụ. Chẳng hạn, ngày 2/11 công ty xuất dùng công cụ dụng cụ thuộc loại phân bổ 2 lần có giá trị là 8.420.000đ. Kế toán định khoản:

Khi xuất dùng:

Nợ TK 142: 8.420.000

Có TK 153: 8.420.000

Khi phân bổ:

Nợ TK 6273: $8.420.000/2 = 4.210.000$

Có TK 142: 4.210.000

Căn cứ vào số liệu trên kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết TK6273, Sổ nhật ký chung, sổ cái TK627

Biểu số 22: Trích Sổ chi tiết TK6273

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng
Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: Chi phí dụng cụ sản xuất

Số hiệu TK: 6273

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
PXK141	10/10	Xuất kho CCDC	153	1.458.900	
					
PXK207	2/11	<i>Xuất kho CCDC</i>	<i>142</i>	<i>4.210.000</i>	
					
PKT372	31/12	K/c CP CCDC quý IV	154		15.121.560
		Cộng số phát sinh		15.121.560	15.121.560
		Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm....
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

*** Đối với chi phí khấu hao TSCĐ:**

Công ty sử dụng TK 6274 để hạch toán khoản mục chi phí này, hàng tháng kế toán căn cứ sổ trên bảng tính và phân bổ chi phí khấu hao TSCĐ(biểu số 16) để ghi sổ chi tiết TK6274, Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK627.

Biểu số 23: Trích Sổ chi tiết TK6274

Đơn vị:CTY TNHH xây lắp Việt Hưng
Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: Chi phí khấu hao TSCĐ

Số hiệu TK:6274

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
BPBKHT10	31/10	Khấu hao TSCĐ T10	214	5.210.336	
BPBKHT11	30/11	Khấu hao TSCĐ T11	214	5.210.336	
BPBKHT12	31/12	Khấu hao TSCĐ T12	214	5.210.336	
PKT356	31/12	K/c CP Khấu hao TSCĐ quý IV	154		15.631.008
		Cộng số phát sinh		15.631.008	15.631.008
		Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm....
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

*** Chi phí dịch vụ mua ngoài:**

Bao gồm các chi phí như: vận chuyển thiết bị, vận chuyển vật tư, chi phí điện - nước, ... Khi phát sinh các chi phí thì tổ/đội trưởng sẽ tập hợp các hoá đơn - chứng từ kèm theo và viết giấy đề nghị thanh toán hoặc hoàn tạm ứng cho ban Giám đốc. Sau khi được ký duyệt thì chuyển sang phòng kế toán để được hoàn ứng hoặc thanh toán trên cơ sở các hoá đơn chứng từ do tổ/ đội trưởng mang tới.

Kế toán căn cứ trên các hoá đơn, chứng từ lập bảng tổng hợp chi phí dịch vụ mua ngoài theo quý.

Biểu số 24: Trích bản tổng hợp chi phí dịch vụ mua ngoài Quý IV

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng

Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng - Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ DỊCH VỤ MUA NGOÀI

Quý IV năm 2010

Đvt: đồng

Ngày	Tên hàng hoá, dịch vụ	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	...				
16/10	Trả tiền điện thoại	812.530	81.253	893.783	
...	...	...	...	...	
12/11	Mua dầu cho MTC	1.567.890	156.789	1.724.679	
...	...	...	...	...	
5/12	Trả tiền điện	2.540.000	254.000	2.794.000	
5/12	Vận chuyển vật tư	211.564	0	211.564	
	...				
	Cộng	75.290.345	6.144.954	81.435.299	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán dựa vào các hoá đơn chứng từ tiến hành ghi sổ chi tiết TK6277, sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 627

Biểu số 25: Trích Sổ chi tiết TK6277

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng
Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: Chi phí dịch vụ mua ngoài

Số hiệu TK: 6277

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
	...				
PKT135	16/10	Trả tiền điện thoại	141	812.530	
	...				
PKT209	12/11	Mua dầu cho MTC	141	1.567.890	
	...				
PKT215	5/12	Trả tiền điện tháng 11	141	2.540.000	
	...				
PKT373	31/12	K/c Cp DVMN Quý IV	154		75.290.345
		Cộng số phát sinh		75.290.345	75.290.345
		Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm....
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

*** Chi phí bằng tiền khác:**

Các chi phí bằng tiền khác như: chi phí lều trại, chi phí xăng xe, chi phí thuê nhà, tiếp khách, giao dịch đội trưởng đội thi công thu thập các chứng từ gốc có liên quan như hoá đơn GTGT, Giấy biên nhận ... rồi viết giấy đề nghị hoàn ứng. Khoản chi phí này hạch toán trên TK 6278 - chi phí khác bằng tiền và được hạch toán tương tự như chi phí dịch vụ mua ngoài. Kế toán lập bảng tổng hợp chi phí khác bằng tiền như sau:

Biểu số 26: Trích bản tổng hợp chi phí bằng tiền khác Quý IV

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng

Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ DỊCH VỤ MUA NGOÀI

Quý IV năm 2010

Đvt: đồng

Ngày	Tên hàng hoá, dịch vụ	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	...				
25/10	Mua chè tiếp khách	125 000	0	125 000	
...	...	...	...	...	
29/12	Mua xăng cho máy	168 000	16 800	184 800	
	...				
	Cộng	13 672 568	852 568	14 525 136	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán dựa vào các hoá đơn chứng từ tiến hành ghi sổ chi tiết TK6278, sổ Nhật ký chung , sổ cái TK 627

Biểu số 27: Trích Sổ chi tiết TK6278

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng
Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: Chi phí bằng tiền khác

Số hiệu TK: 6278

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
	...				
PKT145	25/10	Mua chè tiếp khách	141	125.000	
	...				
PKT287	29/12	Mua xăng cho máy	141	168.000	
	...				
PKT374	31/12	K/c Cp bằng tiền khác Quý IV	154		13.672.568
		Cộng số phát sinh		13.672.568	13.672.568
		Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm....
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 28: Trích nhật ký chung

Đơn vị: **CTY TNHH xây lắp Việt Hưng**
Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

Mẫu số: **S03a - DN**
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

N,T ghi số	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
.....		...	...	...	...	...
10/10	PXK 141	10/10	Xuất kho CCDC	6273 153	1.458.900	1.458.900
...		...	...	...	...	...
16/10	PKT 135	16/10	Trả tiền điện thoại	6277 133 141	812.530 81.253	893.783
...		...	...	...	...	...
25/10	PKT 145	25/10	Mua chè tiếp khách	6278 141	125.000	125.000
...		...	...	...	...	...
31/10	BTT LT1 2	31/10	Lương NVPX T10	6271 334	5.121.000	5.121.000
31/10	BPB KHT 10	31/10	Khấu hao TSCĐ T10	6274 214	5.210.336	5.210.336
...		...				
2/11	PXK 207	2/11	Xuất kho CCDC	6273 142	4.210.000	4.210.000
...		...				
12/11	PKT 209	12/11	Mua dầu cho MTC	6277 133 141	1.567.890 156.789	1.724.679
...		...				
30/11	PKT 213	30/11	Khấu hao TSCĐ T11	6274 214	5.210.336	5.210.336
...		...				

5/12	PKT 215	5/12	Trả tiền điện tháng 11	6277 133 141	2.540.000 254.000	2.794.000
...		...				
29/12	PKT 287	29/12	Mua xăng cho máy	6278 133 141	168.000 16.800	184.800
...		...				
31/12	BTT LT12	31/12	Lương NVPX tháng 12 /2010	6271 334	8 700 000	8 700 000
31/12	BTT LT12	31/12	Các khoản trích theo lương NVPX tháng 12	6271 338	1 544 000	1 544 000
31/12	BTT LT12	31/12	Các khoản trích theo lương CNTT tháng 12 CT nhà kho Công ty Huy Phong	6271 338	8 281 429	8 281 429
31/12	BPB KHT 12	31/12	Khấu hao TSCĐ T12	6274 214	5.210.336	5.210.336
...		...				
31/12	PKT 371	31/12	K/c Cp nhân viên phân xưởng	154 6271	41.343.049	41.343.049
31/12	PKT 372	31/12	K/c CP CCDC quý IV	154 6273	15.121.560	15.121.560
31/12	PKT 356	31/12	K/c CP Khấu hao TSCĐ quý IV	154 6274	15.631.008	15.631.008
31/12	PKT 373	31/12	K/c Cp DVMN Quý IV	154 6277	75.290.345	75.290.345
31/12	PKT 374	31/12	K/c Cp bằng tiền khác Quý IV	154 6278	13.672.568	13.672.568
			...			
			Cộng lũy kế		38.905.678.279	38.905.678.279

Ngày.....tháng.....năm....

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 29: Trích Sổ cái TK 627

Đơn vị:CTY TNHH xây lắp Việt Hưng
Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

Mẫu số: S03b - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Chi phí sản xuất chung

Số hiệu : 627

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
	...	...	...	...	...
PXK141	10/10	Xuất kho CCDC	153	1.458.900	
	...	...	...	...	...
PKT135	16/10	Trả tiền điện thoại	141	812.530	
	...	...	...	...	...
PKT145	25/10	Mua chè tiếp khách	141	125.000	
	...	...	...	...	...
BTTLT10	31/10	Lương NVPX T10	334	5.121.000	
BPBKHT10	31/10	Khấu hao TSCĐ T10	214	5.210.336	
	...				
PXK207	2/11	Xuất kho CCDC	142	4.210.000	
	...				
PKT209	12/11	Mua dầu cho MTC	141	1.567.890	
	...				
BPBKHT11	30/11	Khấu hao TSCĐ T11	214	5.210.336	
	...				
PKT215	5/12	Trả tiền điện tháng 11	141	2.540.000	
	...				
PKT287	29/12	Mua xăng cho máy	141	168.000	
	...				
BTTLT12	31/12	Lương NVPX tháng 12 /2010	334	8 700 000	
BTTLT12	31/12	Các khoản trích theo lương NVPX tháng 12	338	1 544 000	

BTTLT12	31/12	Các khoản trích theo lương CNTT tháng 12 CT nhà kho Công ty Huy Phong	338	8 281 429	
BPBKHT12	31/12	Khấu hao TSCĐ T12	214	5.210.336	
	...				
PKT371	31/12	K/c Cp nhân viên phân xưởng	154		41.343.049
PKT372	31/12	K/c CP CCDC quý IV	154		15.121.560
PKT356	31/12	K/c CP Khấu hao TSCĐ quý IV	154		15.631.008
PKT373	31/12	K/c Cp DVMN Quý IV	154		75.290.345
PKT374	31/12	K/c Cp bằng tiền khác Quý IV	154		13.672.568
		Cộng số phát sinh		161.058.510	161.058.510
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31.tháng 12.năm 2010

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

*** Tổng hợp chi phí SXC:**

Căn cứ vào số liệu các khoản chi phí SXC được tập hợp trong kỳ, kế toán lập bảng tổng hợp chi phí SXC và tiến hành phân bổ chi phí SXC chung cho từng công trình, hạng mục công trình.

Biểu số 30: Trích Bảng tổng hợp chi phí SXC

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng

Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG**Quý IV năm 2010**

STT	Khoản mục chi phí	Số tiền
1	Chi phí tiền lương	41.343.049
2	Chi phí công cụ sản xuất	15.121.560
3	Chi phí khấu hao TSCĐ	15.631 008
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.290.345
5	Chi phí bằng tiền khác	13.672.568
	Tổng cộng	161.058.510

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010***Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Người lập biểu**
(Ký, họ tên)

Khoản chi phí SXC này kế toán sẽ tiến hành phân bổ cho từng công trình - hạng mục công trình đang thi công trong quý với tiêu thức phân bổ là Chi phí NVLTT tiêu hao. Công thức phân bổ như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức CP SXC} \\ \text{cần phân bổ} \\ \text{cho từng đối} \\ \text{tượng} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng CP SXC cần} \\ \text{phân bổ} \\ \text{Tổng CP NVLTT} \\ \text{của tất cả các đối} \\ \text{tượng} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng CP NVLTT} \\ \text{của từng đối} \\ \text{tượng} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng CP NVLTT} \\ \text{của từng đối} \\ \text{tượng} \end{array}$$

Chẳng hạn, kế toán phân bổ tiền lương nhân viên phân xưởng cho công trình nhà kho Công ty Huy Phong như sau:

Trong quý IV/2006, tiền lương nhân viên phân xưởng là 41.343.049 đ, chi phí NVLTT tiêu hao cho xây dựng công trình nhà kho Công ty Huy Phong là 1.207.489.623 đ và tổng chi phí NVLTT tiêu hao trong quý IV cho việc xây dựng các công trình là 1.960.420.013 đ.

$$\begin{aligned} &\text{Tiền lương nhân} \\ &\text{viên p.bổ cho CT} \\ &\text{nà kho Công ty} \\ &\text{Huy Phong} \\ &= \frac{41.343.049}{1.960.420.013} \times 1.207.489.623 \\ &= 25.464.595 \text{ đ} \end{aligned}$$

Biểu số 31 : Trích Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng

Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Quý IV năm 2010

Đvt: đồng

STT	Khoản mục chi phí	CT nhà kho Cty Huy Phong	CT nhà xưởng mì Phú Cường	...	Cộng
1	Chi phí tiền lương NVPX	25.464.595	...	...	41.343.049
2	Chi phí công cụ sản xuất	9.313.885	...	...	15.21.560
3	Chi phí khấu hao TSCĐ	9.627.671	...	...	15.631.008
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.373.894	...	..	75.290.345
5	Chi phí bằng tiền khác	8.421.401	...	...	13.672.568
	Tổng cộng	99.201.436	...	...	161.058.510

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

2.2.3. Tổng hợp chi phí sản xuất, kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

2.2.3.1. Tổng hợp chi phí sản xuất

Cuối mỗi kỳ kế toán thì toàn bộ các khoản mục chi phí sản xuất bao gồm chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí SXC được tập hợp và kết chuyển vào TK 154- chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, được mở chi tiết cho từng công trình - hạng mục công trình. Do công ty áp dụng phương pháp tập hợp chi phí là phương pháp trực tiếp và gián tiếp nên chi phí phát sinh ở công trình nào sẽ được hạch toán và tổng hợp vào công trình đó từ khi bắt đầu đến khi hoàn thành. Giá trị công trình - hạng mục công trình hoàn thành trong kỳ được xác định theo phương pháp cộng chi phí.

Bút toán kết chuyển đối với công trình nhà kho Công ty Huy Phong được định khoản như sau:

+ Kết chuyển chi phí NVLTT:

Nợ TK 154: 1.207.489.623

Có TK 621: 1.207.489.623

+ Kết chuyển chi phí NCTT:

Nợ TK 154 : 218.639.253

Có TK 622: 218.639.253

+ Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công:

Nợ TK 154 : 43.654.270

Có TK 623: 43.654.270

+ Kết chuyển chi phí SXC:

Nợ TK 154: 99.201.436

Có TK 627: 99.201.436

Kế toán tổng hợp chi phí phát sinh trong kỳ và lập bảng tổng hợp chi phí phát sinh như sau:

Biểu số 32: Trích bảng tổng hợp chi phí phát sinh các công trình

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng

Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ SXC

Quý IV năm 2010

Đvt: đồng

TT	Tên CT	NVLTT	NCTT	CP MTC	CP SXC	Tổng
1	NK CTy Huy Phong	1.207.489.623	218.639.253	43.654.270	99.201.436	1.568.984.582
2	NX mì Phú Cường	447.550.630	42.097.399	12.124.422	36.768.568	538.541.019
...	...	...	...	...	...	...
	Tổng cộng	1.960.420.013	392.168.157	102.016.453	161.058.510	2.615.663.133

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.3.2. Tính giá sản phẩm dở dang:

Xác định sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp chính là việc tính toán, xác định phần chi phí sản xuất trong kỳ cho khối lượng sản phẩm làm dở dang cuối kỳ.

Đánh giá sản phẩm dở dang tại Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng được tiến hành như sau:

+/ *Đối với các công trình mà quy mô nhỏ*: Bên chủ đầu tư nhận khối lượng hoàn thành bàn giao khi công trình hoàn thành toàn bộ thì chi phí sản xuất dở dang của công trình đó được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm xây} \\ \text{lắp dở dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm xây} \\ \text{lắp dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array}$$

+/*Đối với công trình có quy mô lớn:* Bên chủ đầu tư nhận khối lượng hoàn thành bàn giao và chấp nhận thanh toán theo điểm dừng kỹ thuật thì cán bộ kỹ thuật cùng với chủ đầu tư tiến hành kiểm tra chất lượng công trình. Sau đó cùng lập bảng tổng hợp khối lượng xây lắp hoàn thành theo dự toán trong quý và bảng kiểm kê khối lượng xây lắp dở dang theo dự toán (theo từng khoản mục tính giá thành). Cán bộ kỹ thuật sẽ gửi các bảng này sang phòng kế toán, kế toán căn cứ vào đó và tổng chi phí thực tế phát sinh trong kỳ, chi phí dở dang đầu kỳ tính ra chi phí dở dang cuối kỳ theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị khối} \\ \text{lượng xây} \\ \text{lắp dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị của khối} \\ \text{lượng xây lắp hoàn} \\ \text{thành theo dự toán} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị khối lượng} \\ \text{xây lắp dở dang} \\ \text{cuối kỳ theo dự toán} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị khối lượng} \\ \text{xây lắp dở dang} \\ \text{cuối kỳ theo dự} \\ \text{toán} \end{array}$$

Đối với công trình nhà kho Công ty Huy Phong để tính được giá trị xây lắp dở dang thực tế của chi phí NVLTT thì công ty đã xác định giá trị chi phí NVLTT dở dang đầu kỳ là: 119.561.764 đ, theo bảng tổng hợp giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành theo dự toán thì chi phí NVLTT hoàn thành theo dự toán là: 1.125.377.470 đ, chi phí NVLTT dở dang cuối quý IV/2010 theo dự toán là: 157.304.025 đ, tổng chi phí NVLTT phát sinh trong kỳ là 1.207.489.623 đ. Do vậy, giá trị chi phí NVLTT dở dang thực tế cuối kỳ được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị chi phí} \\ \text{NVLTT dở dang} \\ \text{thực tế cuối kỳ} \end{array} = \frac{119.561.764 + 1.207.489.623}{1.125.377.470 + 157.304.025} \times 157.304.025 \\ = 162.745.409 \text{ đ}$$

Từ đó kế toán lập bảng kê chi phí dở dang thực tế cuối kỳ - Quý IV/2010 theo khoản mục chi phí chi tiết cho từng công trình - hạng mục công trình như sau:

Biểu số 33: Trích bảng tổng hợp chi phí phát sinh các công trình

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng

Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI PHÍ DỒ DANG THỰC TẾ CUỐI KỲ

Công trình: Nhà kho Công ty Huy Phong

Quý IV năm 2010

Đvt: đồng

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị thực tế
1	Chi phí NVL trực tiếp	162.745.409
2	Chi phí nhân công trực tiếp	62.020.560
3	Chi phí sử dụng máy thi công	9.562.090
4	Chi phí sản xuất chung	19.548.510
	Cộng	253.876.569

Biểu số 34: Trích Nhật ký chung

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng
Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

N,T ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
.....		...	...	...	...	...
31/12	BTT LT12	31/12	Lương NVPX tháng 12 /2010	6271 334	8 700 000	8 700 000
31/12	BTT LT12	31/12	Các khoản trích theo lương NVPX tháng 12	6271 338	1 544 000	1 544 000
31/12	BTT LT12	31/12	Các khoản trích theo lương CNTT tháng 12 CT nhà kho Công ty Huy Phong	6271 338	8 281 429	8 281 429
31/12	PKT 213	31/12	Khấu hao TSCĐ T12	6274 214	5.210.336	5.210.336
...		...				
31/12	PKT 362	31/12	Kết chuyển chi phí NVLTT Quý IV CT nhà kho Cty Huy Phong	154 621	1.207.489.623	1.207.489.623
31/12	PKT 364	31/12	Kết chuyển chi phí NCTT Quý IV CT nhà kho Cty Huy Phong	154 622	218.639.253	218.639.253
31/12	PKT 366	31/12	Kết chuyển chi phí sử dụng MTC Quý IV CT nhà kho Cty Huy Phong	154 623	43.654.270	43.654.270
31/12	PKT 369	31/12	Kết chuyển chi phí SXC Quý IV CT nhà kho Cty Huy Phong	154 627	99.201.436	99.201.436
		...				
			Cộng lũy kế		38.905.678.279	38.905.678.279

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm....
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 35: Trích Sổ chi tiết TK154 - Công trình nhà kho công ty Huy Phong

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng
Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

Mẫu số: S36 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản: 154

Tên sản phẩm, dịch vụ: Công trình nhà kho công ty Huy Phong

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		<u>186.358.081</u>	
PKT362	31/12	K/c CPNVLT	621	1.207.489.623	
PKT364	31/12	K/c CPNCTT	622	218.639.253	
PKT366	31/12	K/c CP KH MTC	623	29.157.668	
PKT367	31/12	K/c CP thuê MTC	623	14.496.602	
BPBCPSXC Quý IV	31/12	K/c CP Nhân viên quản lý PX	6271	25.464.595	
BPBCPSXC Quý IV	31/12	K/c Cp CCDC, vật liệu	6273	9.313.885	
BPBCPSXC Quý IV	31/12	K/c Cp KH TSCĐ	6274	9.627.671	
BPBCPSXC Quý IV	31/12	K/c Cp mua ngoài	6277	46.373.894	
BPBCPSXC Quý IV	31/12	K/c Cp khác	6278	8.421.401	
PKT371	31/12	K/c giá thành công trình hoàn thành	632		1.501.466.094
		Cộng số phát sinh		1.568.984.582	1.501.466.094
		Số dư cuối kỳ		<u>253.876.569</u>	

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm....
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 36: Trích Sổ cái TK 154

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng				Mẫu số: S03b - DN Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC	
SỔ CÁI Năm 2010 Tên tài khoản : Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang Số hiệu : 154					
Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		<u>446.270.368</u>	
	...	...	...	...	...
PKT362	31/12	K/c CPNVLTTCông trình nhà kho Cty Huy Phong	621	1.207.489.623	
PKT364	31/12	K/c CPNCTT công trình nhà kho Cty Huy Phong	622	218.639.253	
PKT366	31/12	K/c CPKH MTC CT công trình nhà kho Cty Huy Phong	623	29.157.668	
	...	...	...	...	...
BPBCPSXC Quý IV	31/12	K/c Cp khác bằng tiền Công trình nhà kho Công ty Huy Phong	6278	8.421.401	
PKT373	31/12	K/c Cp NVLTTC CT Công trình nhà xưởng mì Phú Cường	621	447.550.630	
	...	...	...	...	...
PKT371	31/12	Giá vốn CT nhà kho Công ty Huy Phong	632		1.501.466.094
PKT372	31/12	Giá vốn CT nhà xưởng mì Phú cường	632		367.120.589
	...	...	...	...	...
		Cộng số phát sinh		2.615.663.133	2.465.584.360
		Số dư cuối kỳ		<u>596.349.141</u>	
Người ghi sổ (ký, họ tên) Kế toán trưởng (ký, họ tên) Ngày 31.tháng 12.năm 2010 Giám đốc (ký, họ tên, đóng dấu)					

2.2.3.3. Tính giá thành sản phẩm xây lắp:

* Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp:

Việc xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp là rất quan trọng trong công tác tính giá thành sản phẩm, tại công ty để thuận lợi cho công tác tập hợp chi phí và tính giá thành được thực hiện nhanh chóng, chính xác,... nên đã lựa chọn đối tượng tính giá thành trùng với đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là các công trình - hạng mục công trình.

* Phương pháp tính giá thành:

Công ty đã lựa chọn phương pháp tính giá thành là phương pháp trực tiếp (giản đơn) cho từng công trình - hạng mục công trình. Theo đó, giá thành sản phẩm xây lắp được tính như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & & & & & \\ \text{sản phẩm} & & & & & & \\ \text{xây lắp} & = & \text{Chi phí} & + & \text{Chi phí} & - & \text{Chi phí} \\ & & \text{SXKD dở} & & \text{SX phát} & & \text{SXKD dở} \\ & & \text{dang đầu} & & \text{sinh trong} & & \text{dang cuối} \\ & & \text{kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{kỳ} \end{array}$$

Theo đó, giá thành công trình nhà kho Công ty Huy Phong được xác định như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá thành nhà kho cty Huy Phong} &= 186.358.081 + 1.568.984.582 - 253.876.569 \\ &= 1.501.466.094 \text{ đ} \end{aligned}$$

Căn cứ vào kết quả tập hợp chi phí và xác định chi phí dở dang cuối quý, kế toán lập thẻ tính giá thành sản phẩm xây lắp cho từng công trình, hạng mục công trình và bảng tổng hợp giá thành công trình hoàn thành cho cả kỳ.

Biểu số 37: Trích Thẻ tính giá thành – Công trình nhà kho Công ty Huy Phong

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng

Mẫu số: S37 - DN

Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ**Quý IV năm 2010****Tên sản phẩm, dịch vụ: Công trình nhà kho Công ty Huy Phong**

Chỉ tiêu	Tổng số tiền	Chia ra theo khoản mục			
		Chi phí NVLTT	Chi phí NCTT	Máy thi công	Chi phí SXC
1.CPSXKD ĐK	186.358.081	119.561.764	44.408.476	6.986.520	15.401.321
2.CPSXKD PS	1.568.984.582	1.207.489.623	218.639.253	43.654.270	99.201.436
3.CPSXKD CK	253.876.569	162.745.409	62.020.560	9.562.090	19.548.510
4.Giá thành SP	1.501.466.094	1.164.305.978	201.027.169	41.078.700	95.054.247

Ngày ... tháng năm 2010

Người lập**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 38: Trích bảng tổng hợp giá thành các Công trình hoàn thành Quý IV

Đơn vị: CTY TNHH xây lắp Việt Hưng

Địa chỉ: Số 16 Sở Dầu – Hồng Bàng -Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ THÀNH CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH
Quý IV năm 2010*Đvt: đồng*

TT	Tên CT	CP SXKD DDĐK	CP SXKD PSTK	CP SXKD DDCK	Giá thành sản phẩm
1	Nhà kho Công ty Huy Phong	186.358.081	1.568.984.582	253.876.569	1.501466.094
2	Nhà xưởng mì Phú Cường	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...
	Tổng cộng	446.270.368	2.615.663.133	596.349.141	2.465.584.360

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010***Giám đốc**
*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng**
*(Ký, họ tên)***Người lập biểu**
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP VIỆT HÙNG.

3.1. NHỮNG ƯU, NHƯỢC ĐIỂM CỦA CÔNG TY TNHH XÂY LẮP VIỆT HÙNG.

Thời gian thực tập tìm hiểu về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH xây lắp Việt Hùng đã mang đến cho em một số nhìn nhận sơ bộ, một số đánh giá chung về tổ chức hoạt động, tổ chức hạch toán tại công ty như sau:

3.1.1. Những thành tựu đã đạt được

Trong hơn mười năm năm trưởng thành và phát triển cùng với các ngành xây lắp khác ở trong nước công ty đã không ngừng cố gắng, phấn đấu, vượt qua những khó khăn thử thách do cơ chế thị trường cũng như sức cạnh tranh của các doanh nghiệp khác. Dưới sự điều hành của ban Giám đốc cùng sự cố gắng nỗ lực của toàn bộ cán bộ - công nhân viên trong công ty, đến nay công ty đã dần khẳng định được chỗ đứng của mình trên thị trường và làm ăn ngày càng có hiệu quả. Các công trình - hạng mục công trình mà công ty đã và đang thi công đều được các chủ đầu tư - khách hàng đánh giá khá cao về chất lượng, tiến độ thi công cũng như giá thành hợp lý. Có một vấn đề vô cùng quan trọng mà không ai có thể không nhắc tới khi đề cập đến sự phát triển của công ty đó là mức sống của công nhân viên trong công ty ngày càng được đảm bảo cả về vật chất lẫn tinh thần. Điều đó đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo năng suất làm việc của công nhân viên, có thu nhập cao đảm bảo nhu cầu chi tiêu là động lực khiến cho người lao động hăng say làm việc, có tinh thần, có trách nhiệm với công việc được giao. Trên đà phát triển đó, hiện tại và trong tương lai công ty sẽ không ngừng mở rộng thị trường thu hút các nhà đầu tư - các chủ thầu xây dựng ký kết thêm nhiều hợp đồng xây lắp. Có được những thành tựu to lớn như vậy là do các nhân tố chính sau :

3.1.1.1. Về tổ chức quản lý và hoạt động sản xuất

- Bộ máy quản lý (Ban Giám đốc) của công ty gồm những nhà quản lý có khả năng lãnh đạo, năng động, có tinh thần dám nghĩ, dám làm, luôn có những sáng kiến giải pháp phù hợp, giải quyết nhanh chóng những sự cố xảy ra và kịp thời đưa ra những chỉ thị, chỉ đạo cho cấp dưới thực hiện.

- Công ty xây dựng được mô hình tổ chức quản lý gọn nhẹ, khoa học. Được chia thành các phòng ban riêng, mỗi phòng ban lại có nhiệm vụ chức năng cụ thể, tuy nhiên chúng hoạt động không tách rời mà luôn hỗ trợ, phối hợp cho nhau tạo nên một sự hoạt động thống nhất trong tổ chức quản lý.

- Đội ngũ công nhân viên tại các phòng ban đều có trình độ đại học, cao đẳng nên có chuyên môn cao, các công nhân sản xuất là những người có kinh nghiệm lâu năm do đó mà đảm bảo được chất lượng công việc được giao cũng như ý thức trách nhiệm làm việc.

3.1.1.2. Về tổ chức hạch toán hạch toán kế toán**- Về cơ cấu bộ máy kế toán:**

Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng đã xây dựng bộ máy kế toán theo mô hình tập trung rất phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô sản xuất của công ty. Công ty đã bố trí, phân công cụ thể cho từng phần hành kế toán một cách khoa học đảm bảo sự hoạt động giữa các bộ phận không chồng chéo. Mặc dù một cán bộ kế toán có thể kiêm một số phần hành kế toán, điều đó chỉ nhằm mục đích là làm giảm nhẹ quy mô tổ chức bộ máy kế toán mà không hề ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của hệ thống kế toán. Các nhân viên kế toán đều là người có kinh nghiệm, trình độ và nhiệt tình, trung thực trong công tác kế toán, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của mình. Đồng thời, cung cấp các thông tin kế toán một cách chính xác, kịp thời cho nhu cầu quản lý và tham mưu cho Giám đốc trên một số mặt trong công tác quản lý. Điều đó thực sự có ý nghĩa cho Ban quản lý trong việc ra quyết định kinh doanh.

- Về chế độ, chính sách, phương thức hạch toán kế toán:

Công ty luôn chấp hành các chính sách và chế độ tài chính của Nhà nước. Với đặc điểm ngành nghề kinh doanh và quy mô sản xuất, Công ty đã lựa chọn hình thức ghi sổ “Nhật ký chung” là rất phù hợp và áp dụng hình thức máy tính vào công tác kế toán làm giảm nhẹ công tác kế toán, giúp cho việc ghi chép số liệu trên sổ sách chính xác, đầy đủ. Điều đó tạo rất nhiều thuận lợi cho công tác tính giá thành một cách chính xác.

- Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán:

Công ty tổ chức hệ thống chứng từ ban đầu một cách hợp pháp, hợp lý và hợp lệ đầy đủ theo đúng mẫu quy định của Bộ Tài chính. nhằm đảm bảo cho công tác quản lý chặt chẽ tránh gian lận. Ngoài ra, công ty còn sử dụng một sổ chứng từ nội bộ theo quy định riêng của công ty nhờ đó giúp cho công ty kiểm soát tốt các khoản chi phí phát sinh.

- Về tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản:

Để phù hợp với đặc điểm ngành nghề của công ty thì một mặt công ty vẫn áp dụng hệ thống tài khoản kế toán do Bộ tài chính ban hành để đảm bảo tính thống nhất trong công tác hạch toán kế toán, dễ dàng trao đổi thông tin với doanh nghiệp bên ngoài, mặt khác công ty không sử dụng một số tài khoản như TK157, TK 641,... Đồng thời, các tài khoản được mở chi tiết theo yêu cầu quản lý của công ty để thuận lợi cho công tác hạch toán kế toán và tiện theo dõi.

- Về hệ thống báo cáo kế toán:

Công ty đã lập đầy đủ hệ thống báo cáo kế toán bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính và nộp cho Nhà nước theo đúng thời gian quy định.

3.1.1.3. Về công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty được thực hiện một cách logic, khoa học với việc đánh giá đúng tầm quan trọng của phần hành kế toán này Công ty đã lựa chọn đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành là các công trình - hạng mục công trình, đồng thời lựa chọn phương pháp

hạch toán là hoàn toàn phù hợp với đối tượng hạch toán chi phí và tính giá thành. Mọi chi phí phát sinh đều được tập hợp theo từng khoản mục và theo từng công trình - hạng mục công trình tạo điều kiện cho công tác đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm được chính xác.

- Về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Vật tư mua về được chuyển thẳng ra chân công trình xây dựng hoặc chuyển về kho của Công ty là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm của ngành sản xuất xây lắp. Với nhu cầu sử dụng vật tư đã được lập trên dự toán sẽ giúp Công ty chủ động hơn trong việc thi công liên tục, đáp ứng đúng tiến độ thi công công trình. Chất lượng của vật tư phần lớn được đảm bảo, nên chất lượng công trình cũng được nâng cao. Các chứng từ được lập theo đúng chế độ kế toán hiện hành và việc lập các sổ chi tiết nguyên vật liệu giúp Công ty có thể theo dõi tình hình sử dụng nguyên vật liệu và có được sự so sánh giá trị nguyên vật liệu giữa các công trình - hạng mục công trình với nhau.

- Về chi phí nhân công trực tiếp:

Kế toán xác định tiền lương tổng hợp của công nhân viên dựa trên bảng chấm công có xác nhận của đội/ tổ trưởng nên việc tính và hạch toán lương được thực hiện một cách chính xác.

- Về chi phí sản xuất chung:

Chi phí sản xuất chung được hạch toán trên tài khoản 627 và được mở chi tiết thành 5 tài khoản cấp 2 tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp và công tác quản lý. Chi phí SXC được tập hợp và phân bổ cho từng công trình - hạng mục công trình theo tiêu thức phân bổ là chi phí NVLTT là hợp lý, đảm bảo tính chính xác của hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm.

- Về sổ sách chi tiết: Nhìn chung Công ty mở khá đầy đủ các sổ chi tiết, hữu ích rất nhiều cho công tác theo dõi các khoản chi phí phát sinh và cung cấp thông tin kế toán ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ.

3.1.2. Những mặt còn tồn tại

Với đặc điểm hoạt động xây lắp là một lĩnh vực hoạt động tương đối phức tạp nên mặc dù với những thành tựu đã đạt được như đã trình bày ở trên, công tác hạch toán chi phí và tính giá thành đã thực hiện tốt chức năng của mình. Tuy nhiên, quá trình hạch toán vẫn không tránh khỏi những hạn chế tồn tại những điểm chưa hợp lý cần khắc phục để công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thiện hơn.

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp::

Khi có nhu cầu về vật tư, công ty đã giao cho nhân viên của công ty hoặc giao trực tiếp cho đội thi công sản xuất để tự mua vật tư theo như dự toán đã được cung cấp. Tuy nhiên, khoản chi phí thu mua cũng là đáng kể nếu như các công trình thi công ở cách xa và khoản này dễ bị khai khống nhằm thu được lời riêng, làm cho chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tăng.

- Chi phí nhân công trực tiếp:

Chi phí nhân công trực tiếp của công ty ngoài khoản phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất còn bao gồm cả chi phí của nhân viên vận hành - sử dụng máy thi công mà đúng ra khoản này phải được hạch toán vào chi phí sử dụng máy thi công (chi tiết TK 6232). Điều này làm cho chi phí nhân công trực tiếp tăng đồng nghĩa với việc chi phí sử dụng máy thi công sẽ giảm làm ảnh hưởng trực tiếp tới cơ cấu các khoản mục chi phí trong chi phí sản xuất.

Mặt khác, các khoản tiền lương, phụ cấp lương,... trả cho người lao động và tiền công thuê ngoài đều được hạch toán trên TK 334, việc hạch toán như vậy sẽ không cho thấy được tỷ trọng tiền lương giữa người lao động trong biên chế với nhân công thuê ngoài. Hơn nữa, Công ty hiện tại chưa thực hiện trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất.

- Chi phí sử dụng máy thi công:

Công ty hiện nay mới chỉ hạch toán chi phí sử dụng máy thi công trên TK 6234 - chi phí khấu hao máy thi công và các khoản chi phí thuê ngoài máy thi công mà không hạch toán các khoản liên quan đến máy thi công như: chi phí vận hành

máy, chi phí sửa chữa, dịch vụ mua ngoài,... Điều này là trái với chế độ kế toán, nó sẽ làm giảm khoản mục chi phí sử dụng máy thi công trong chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- Chi phí sản xuất chung:

Ngoài các khoản mà công ty đã hạch toán đúng vào chi phí sản xuất chung thì chi phí SXC còn bao gồm cả các khoản chi phí của máy thi công như: chi phí xăng - dầu, sửa chữa,... làm cho khoản mục chi phí SXC tăng hơn so với bình thường.

Mặt khác, mặc dù các khoản trích BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ của công nhân sản xuất trực tiếp đều đưa vào chi phí SXC là đúng chế độ nhưng kế toán lại không chi tiết cho từng công trình - hạng mục công trình mà lại đưa chung vào TK 6271 sau đó cuối kỳ mới tiến hành phân bổ.

3.2.HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP VIỆT HÙNG

3.2.1. Sự cần thiết và nguyên tắc hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

3.2.1.1.Sự cần thiết phải hoàn thiện

Trong xu thế đất nước ta hiện nay với nền kinh tế ngày càng phát triển mạnh mẽ, đặc biệt nước ta đã trở thành một trong những thành viên của tổ chức thương mại thế giới (WTO), các thế lực cạnh tranh ngày càng trở nên mạnh mẽ và gay gắt. Có nhiều cơ hội thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển song cũng đặt ra không ít những khó khăn thách thức buộc các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải nỗ lực, cố gắng hết mình. Nhất là đối với các doanh nghiệp sản xuất xây lắp vì hiện nay cùng với xu thế phát triển thì thị hiếu của khách hàng cũng dần thay đổi, sản phẩm không những phải đáp ứng được cả chất lượng, mẫu mã,...mà còn phải đáp ứng được yêu cầu về giá cả - giá cả vừa phải phù hợp với đại đa số nhu cầu khách hàng, vừa phải mang tính cạnh tranh cao.

Như vậy, mục tiêu của hầu hết các doanh nghiệp xây lắp đặt ra quản lý tốt chi phí sản xuất đồng nghĩa với việc hạ thấp giá thành nhưng vẫn đảm bảo được lợi ích của chính bản thân doanh nghiệp.

Với vai trò, ý nghĩa của công tác kế toán nói chung và công tác hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng là thu thập, xử lý và cung cấp thông tin chính xác, kịp thời cho nhà quản lý nhằm giúp nhà quản lý đưa ra được chiến lược kinh doanh hiệu quả, đảm bảo môi trường phát triển của doanh nghiệp. Hơn nữa, thực tế đã cho thấy hiệu quả sản xuất kinh doanh của bất kỳ doanh nghiệp nào cũng phụ thuộc rất nhiều vào công tác tiết kiệm chi phí, hạ thấp giá thành sản phẩm. Vì thế, việc hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn là vấn đề cần thiết trong doanh nghiệp xây lắp nói riêng và trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nói chung.

3.2.1.2. Nguyên tắc hoàn thiện

Hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm như đã khẳng định là có vai trò, ý nghĩa lớn. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là phải hoàn thiện như thế nào để đảm bảo công tác kế toán phần hành này không vi phạm luật kế toán cũng như mọi qui định khác của Nhà Nước. Do đó, để hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp phải tuân thủ nguyên tắc sau:

Hoàn thiện trên cơ sở Luật kế toán và các chuẩn mực kế toán hiện hành: Các biện pháp hoàn thiện luôn phải phù hợp với chế độ tài chính nói chung và chế độ tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp xây lắp theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

Tuy nhiên, Công ty không nên vận dụng một cách quá máy móc và cứng nhắc các chuẩn mực đó mà cần phải áp dụng một cách linh hoạt dựa trên đặc thù của ngành nghề kinh doanh, qui mô sản xuất, trình độ quản lý và đặc biệt là trình độ chuyên môn của bộ máy kế toán Công ty, có như vậy hệ thống kế toán mới đạt được mục tiêu đề ra là phục vụ việc cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ,... hỗ trợ cho ban quản lý đưa ra quyết định kinh doanh. Đồng thời, công tác quản lý chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp ngày càng chặt chẽ và hiệu quả hơn.

3.2.2. Nội dung hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng.

3.2.2.1. Hoàn thiện hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí NVLTT là một khoản mục chi phí có tỷ trọng lớn nhất trong giá thành sản phẩm xây lắp, do đó đòi hỏi phải được quản lý một cách chặt chẽ nhằm mục tiêu tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm. Để đảm bảo công tác quản lý tốt, Công ty nên quy định các khoản chi phí mua nguyên vật liệu có giá trị lớn - phát sinh thường xuyên thì lựa chọn và ký kết hợp đồng cung ứng vật tư trực tiếp với nhà cung cấp uy tín - tin tưởng để đảm bảo được chất lượng cũng như số lượng nguyên vật liệu, từ đó làm cho chất lượng công trình ngày càng được nâng cao.

Mặt khác, chi phí thu mua vật tư cũng góp phần đáng kể để làm tăng chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp nên để tránh tình trạng nhân viên thu mua vật tư khai khống chi phí thu mua nhằm hưởng lợi thì công ty nên lập dự toán rõ ràng, hơn nữa để quản lý chặt chẽ hơn việc hao hụt vật tư trong quá trình vận chuyển (do có thể xảy ra tình trạng nhân viên ăn bớt vật tư) thì công ty nên trích khoản dự phòng hao hụt vật tư trong định mức và quy định mức hao hụt vật tư một cách rõ ràng.

Trong quá trình hạch toán chi phí NVLTT thì toàn bộ chi phí thu mua lại được hạch toán vào tài khoản 627 (TK 6277- chi phí dịch vụ mua ngoài). Điều này là không đúng với chế độ kế toán, vật tư nhập kho không được phản ánh theo đúng giá trị thực tế với:

$$\text{Giá trị thực tế} = \text{giá mua} + \text{chi phí thu mua} - \text{chiết khấu, giảm giá}$$

Theo đó, làm cho giá trị thực tế vật tư xuất dùng trong kỳ, giá trị tồn kho cuối kỳ cũng bị sai lệch hay nói cách khác chi phí NVLTT, chi phí SXC đều bị ảnh hưởng. Để tránh tình trạng này kế toán cần tính cả chi phí thu mua vật tư vào giá trị vật tư, nghiệp vụ này được định khoản:

Nợ TK 621/ 152: Giá mua + chi phí thu mua

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111/112/331....: Tổng giá thanh toán.

Cụ thể: Dựa vào bảng Trích bảng tổng hợp chi phí dịch vụ mua ngoài Quý IV (Biểu số 24) ta thấy ngày 5 tháng 12 công ty thanh toán tiền vận chuyển vật tư là 211.564 đồng. Chi phí vận chuyển này phải được hạch toán vào giá mua nguyên vật liệu nhưng công ty lại hạch toán vào TK6278 như vậy là không đúng làm cho giá trị thực tế của nguyên vật liệu giảm 211.564 đồng, đồng thời làm cho chi phí sản xuất chung tăng 211.564 đồng. Việc này khiến cho cơ cấu chi phí trong giá thành thay đổi và sẽ gây khó khăn cho việc theo dõi, đánh giá, phân tích chi phí sản xuất phát sinh và giá thành hoàn thành trong kỳ, ảnh hưởng đến kết quả, độ chính xác của những thông tin, số liệu cung cấp. Để tránh tình trạng này kế toán cần tính cả chi phí thu mua vật tư vào giá trị vật tư, nghiệp vụ này được định khoản:

Nợ TK 621/ 152: 211.654

Có TK141: 211.654

3.2.2.2. Hoàn thiện hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

Theo như cách hạch toán của Công ty, thì toàn bộ các khoản tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp trả cho người lao động (không phân biệt lao động thuộc Công ty hay lao động thuê ngoài) đều được hạch toán trên TK 334 - Phải trả người lao động mà không chi tiết trên tài khoản cấp 2. Theo chế độ kế toán hiện hành thì TK 334 được chi tiết thành hai tài khoản cấp 2 gồm:

TK 3341 - Phải trả công nhân viên: Phản ánh khoản phải trả và tình hình thanh toán các khoản phải trả cho công nhân viên của doanh nghiệp về tiền lương, lương phụ, phụ cấp, các khoản có tính chất lương,... và các khoản phải trả khác thuộc về thu nhập của công nhân viên (thuộc về biên chế của doanh nghiệp).

TK 3348 - Phải trả người lao động khác: Dùng để phản ánh các khoản phải trả và tình hình thanh toán các khoản phải trả cho các lao động thuê ngoài không thuộc biên chế của công ty.

Như vậy, việc chỉ hạch toán trên TK 334 như Công ty đã thực hiện so với chế độ kế toán là chưa phù hợp - sẽ không thấy được tỷ trọng tiền lương, phụ cấp trả cho lao động thuộc biên chế của công ty và tiền công phải trả cho lao động thuê ngoài trong tổng chi phí nhân công trực tiếp.

Do đó, kế toán Công ty cần phải hạch toán chi tiết TK 334, có như vậy mới nhận định rõ khoản phải trả cho lao động thuê ngoài, từ đó cung cấp thông tin cho Ban quản lý để nắm bắt tình hình chặt chẽ hơn và có chính sách quản lý phù hợp hơn.

Công ty áp dụng phương pháp trả công cho công nhân sản xuất theo thời gian lao động là đúng chế độ nhưng theo em là chưa hiệu quả. Bởi trong xu thế hiện nay, các ngành xây dựng nói riêng và các ngành sản xuất nói chung thì việc trả lương cho công nhân trực tiếp theo thời gian lao động sẽ không làm cho công tác sản xuất đạt hiệu quả, không đẩy mạnh được tiến độ thi công, không tăng năng suất của người lao động, từ đó có thể kéo dài thời gian sản xuất sản phẩm, hay nói cách khác thời gian cho một sản phẩm hoàn thành sẽ lâu hơn. Do đó, theo em thì đối với công nhân trực tiếp sản xuất thì nên áp dụng trả lương theo phương pháp khoán sản phẩm. Việc khoán sản phẩm sẽ giúp cho việc tăng hiệu quả lao động nhờ kích thích người lao động có trách nhiệm trong công việc, hăng say lao động đồng thời gắn lợi ích của người lao động với chất lượng tiến độ thi công các công trình. Mặc dù cách tính theo phương pháp này sẽ phức tạp hơn cách tính lương theo thời gian lao động của công nhân trực tiếp.

Lương khoán thường được áp dụng trong trường hợp sản xuất theo từng khối lượng công việc cụ thể với đơn giá lương khoán. Đơn giá lương khoán phải dựa trên cơ sở giá quy định của Nhà nước và phải phù hợp với trạng thái của thị trường và điều kiện thi công của từng công trình - hạng mục công trình để định mức hao phí nhân công.

Cách tính lương khoán có thể được tính như sau:

$$\begin{array}{lcl} \text{Tổng số tiền phải} & \text{Khối lượng} & \text{Đơn giá tiền lương tính cho 1} \\ \text{trả cho khối lượng} & = & \text{công việc thực} \times \text{đơn vị khối lượng công việc} \\ \text{công việc thực hiện} & & \text{hiện} \quad \text{thực hiện} \end{array}$$

Trên cơ sở khối lượng các công việc được giao cho từng tổ sản xuất thì người đứng đầu các tổ phải thực hiện quản lý chặt chẽ và theo dõi thời gian làm việc của từng lao động để đảm bảo việc tính lương chính xác.

$$\frac{\text{Lương phải trả công nhân sản xuất}}{\text{Số công nhân thực hiện}} = \text{Đơn giá 1 công}$$

Trong đó:

$$\text{Đơn giá 1 công} = \frac{\text{Tổng giá trị khối lượng công việc thực hiện (tháng)}}{\text{Tổng số công (tháng)}}$$

Tuy nhiên, với công việc khoán sản phẩm có thể gây ra tình trạng làm ẩu do đó các tổ trưởng tổ sản xuất cần phải kiểm tra và quản lý chặt chẽ chất lượng công việc hoàn thành...

Sau khi công việc hoàn thành, chủ công trình và cán bộ phụ trách kỹ thuật sẽ tiến hành kiểm kê chất lượng công việc hoàn thành sau đó lập biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành có sự phê duyệt của Ban giám đốc.

3.2.2.3. Hoàn thiện hạch toán chi phí sử dụng máy thi công:

Thực tế tại công ty đang tiến hành thi công xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy. Công ty không tổ chức một đội máy thi công riêng và sử dụng tài khoản cấp 2 là TK 6234 - chi phí khấu hao máy thi công để phản ánh lượng khấu hao máy thi công sử dụng vào hoạt động xây lắp, ngoài ra còn phát sinh thêm khoản chi phí thuê ngoài MTC được hạch toán vào TK 623. Nhưng các khoản chi phí nhân công hay chi phí vật liệu phục vụ máy thi công thì kế toán hạch toán luôn vào chi phí NCTT và chi phí SXC. Điều này là sai so với chế độ kế toán hiện hành. Vì theo chế độ kế toán hiện hành thì TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công có 6 tài khoản cấp 2:

TK 6231 - Chi phí nhân công: Dùng để phản ánh các khoản lương chính, lương phụ, phụ cấp phải trả cho công nhân trực tiếp điều khiển máy phục vụ thi công nó không bao gồm các khoản trích theo lương của công nhân sử dụng máy.

TK 6232 - Chi phí vật liệu: Phản ánh chi phí nhiên liệu (xăng, dầu,...)

TK 6233 - Chi phí dụng cụ sản xuất: Phản ánh công cụ, dụng cụ lao động liên quan đến hoạt động của xe, máy thi công.

TK 6234 - Chi phí khấu hao máy thi công: Phản ánh lượng khấu hao máy móc thi công sử dụng vào hoạt động xây lắp.

TK 6237 - Chi phí dịch vụ mua ngoài: Thuê sửa chữa xe, bảo hiểm, ...

TK 6238 - Chi phí bằng tiền khác: Các khoản chi phí bằng tiền phục vụ cho hoạt động của xây lắp, máy thi công,...

Do đó, việc hạch toán chi phí sử dụng máy thi công hiện nay của Công ty đã không phản ánh đầy đủ nội dung và bản chất của TK 623. Công ty cần mở chi tiết thêm tài khoản cấp 2 của TK 623 để hạch toán các khoản lương, vật liệu,... nhằm đảm bảo cho công tác tính giá thành được chính xác và phù hợp với chế độ.

Cụ thể: Dựa vào bảng tổng hợp chi phí dịch vụ mua ngoài Quý IV(Biểu số 24) ta thấy ngày 12 tháng 11 công ty mua dầu cho MTC với tổng giá thanh toán là 1.724.679(thuế GTGT 10%).Số tiền này phải được hạch toán vào TK6232 – Chi phí vật liệu nhưng Công ty lại hạch toán vào TK 6277- Chi phí dịch vụ mua ngoài làm giảm chi phí sử dụng máy thi công, đồng thời làm tăng chi phí sản xuất chung.Điều này là sai so với chế độ kế toán hiện hành,làm cho cơ cấu chi phí trong giá thành thay đổi.Để tránh tình trạng này kế toán cần định khoản như sau:

Nợ TK 6232 : 1.567.890

Nợ TK133 : 156.789

Có TK 141: 1.724.679

3.2.2.4. Hoàn thiện chi phí SXC:

Hiện tại công ty đưa cả những chi phí sử dụng cho máy thi công,chi phí thu mua nguyên vật liệu vào cho chi phí SXC, do đó làm cho chi phí SXC tăng lên,cơ cấu chi phí trong giá thành sản phẩm thay đổi. Vậy công ty nên tách riêng những chi phí này và tập hợp riêng, kế toán nên lập bảng tổng hợp chi phí SXC để tập hợp những chi phí SXC phát sinh trong kỳ. Khi đó việc theo dõi sẽ trở nên thuận tiện hơn.

3.2.2.5. Đẩy mạnh công tác quản lý và bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên:

Công ty nên tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên đặc biệt là nhân viên làm việc tại phòng kế toán được học các lớp nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, tạo điều kiện cho họ nắm vững và nhanh chóng áp dụng chế độ kế toán mới theo đúng

quy chế hiện hành vì công tác kế toán phải luôn tuân thủ theo chế độ kế toán, có như thế công tác kế toán mới không vi phạm luật kế toán. Mặt khác, cũng phải chú ý tới việc đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ tay nghề cho công nhân tham gia sản xuất sản phẩm xây lắp.

Ngoài ra, công ty cần có những biện pháp quản lý nhân sự tốt, biện pháp quản lý nhân sự tốt phải là biện pháp mà nó phải kết hợp được cả lợi ích chung của Công ty và lợi ích riêng (lợi ích cả về vật chất và tinh thần) của người lao động. Do vậy, để đạt được hiệu quả cao hơn nữa trong công việc, Công ty cần có chính sách thưởng phạt rõ ràng, có chế độ khen thưởng kịp thời nhằm động viên tinh thần lao động của cán bộ công nhân viên.

KẾT LUẬN

Như đã biết, công tác kế toán là một công việc hết sức quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của các Công ty hiện nay. Nó cung cấp thông tin một cách chính xác, kịp thời về mọi mặt của Công ty như: tình hình sản xuất, công nợ, doanh thu, các khoản phải nộp Nhà nước,... và tình hình lợi nhuận của công ty, từ đó ban lãnh đạo sẽ có những hướng sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp của mình.

Vấn đề tiết kiệm chi phí - hạ thấp giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ, thu hút khách hàng, để đạt được mục tiêu tối ưu hoá mối quan hệ giữa chi phí bỏ ra và kết quả đạt được...luôn là mối quan tâm hàng đầu của các nhà lãnh đạo trong doanh nghiệp xây lắp nói chung và Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng nói riêng nhất là trong bối cảnh hiện nay của nền kinh tế khi mà sức cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ mang tính quyết liệt. Chính vì thế mà các biện pháp nhằm làm giảm chi phí, hạ giá thành mà vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn là tiêu chí đặt ra cho các Công ty.

Sau quá trình học tập, nghiên cứu tại trường và một thời gian thực tập tại Công ty TNHH xây lắp Việt Hưng đã giúp em hiểu rõ hơn về những lý luận đã học đồng thời biết được việc ứng dụng lý luận đó vào thực tế như thế nào.

Tuy nhiên, do trình độ nhận thức còn có hạn, kinh nghiệm thực tế còn ít nên trong khoá luận tốt nghiệp của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy - cô giáo, các cán bộ kế toán trong phòng kế toán công ty để giúp em có được những kiến thức sâu hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo hướng dẫn – PGS.TS.Trương Thị Thuỷ và sự giúp, tạo điều kiện của các cô chú, các anh chị trong phòng kế toán tại công ty TNHH xây lắp Việt Hưng đã giúp em hoàn thiện bài khoá luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 4 năm 2011

Sinh viên

Đỗ Thị Vân

